



Ở đâu có nông dân, ở đó có khuyến nông

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP

Chuyên đề:
Số 07/2023

**“Phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn
gắn với bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học”**

Lâm Đồng, tháng 8 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH

Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp “Phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn gắn với bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học”

Thời gian: Ngày 24 - 25 tháng 8 năm 2023

Địa điểm: Hội trường Khách sạn Đoàn An Điều dưỡng 198

(Địa chỉ: Số 2B Lữ Gia, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng)

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
Ngày 24/8/2023 (Thứ Năm)		
13:00 - 14:00	Đón tiếp đại biểu tại Khách sạn Đoàn An Điều dưỡng 198 (Địa chỉ: Số 2B Lữ Gia, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng)	Ban tổ chức. Liên hệ TTKN Lâm Đồng: Bà Bùi Thị Hằng - ĐT: 0832991239;
14:00 - 17:30	Tham quan mô hình: sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, tuần hoàn của Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam chi nhánh tỉnh Lâm Đồng (Địa chỉ: xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng)	Hướng dẫn tham quan: Bà Bùi Thị Hằng - ĐT: 0832991239; Ông Nguyễn Văn Thọ - ĐT: 0777473761
Ngày 25/8/2023 (Thứ Sáu)		
7:30 - 8:00	Đón tiếp đại biểu tại Hội trường	Ban tổ chức
8:00 - 8:05	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	TTKN Lâm Đồng
8:05 - 8:15	Phát biểu Khai mạc và chào mừng	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lâm Đồng
8:15 - 8:30	Trình chiếu video clip phóng sự “Phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn gắn với bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học”	Ban tổ chức
8:30 - 9:45	Báo cáo đề dẫn và các báo cáo tham luận	Đại diện cơ quan quản lý, nghiên cứu, doanh nghiệp, HTX/nông dân
9:45 - 10:00	<i>Nghỉ giải lao</i>	
10:00 - 11:00	Trao đổi thảo luận: - Chia sẻ của một số doanh nghiệp, HTX, hộ nông dân về sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn - Tư vấn của các chuyên gia cố vấn.	Ban Chủ tọa, Ban Cố vấn và các đại biểu
11:00 - 11:30	Thỏa thuận hợp tác giữa Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và Công ty Cổ phần Sorimachi	Tổ Hợp tác quốc tế, TTKNQ
11:30 - 11:45	Phát biểu tổng kết và kết luận	Lãnh đạo TT Khuyến nông Quốc gia

BAN TỔ CHỨC

Mục lục

- 1. BÁO CÁO ĐỀ DẪN
PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, TUẦN HOÀN, GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC 7**
Trung tâm khuyến nông Quốc gia
- 2. PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT,
ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN 13**
Cục Trồng trọt
- 3. PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG CHĂN NUÔI,
ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030 21**
Cục Chăn nuôi
- 4. HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM
NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN TẠI VIỆT NAM 32**
Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường
- 5. THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN,
GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TẠI LÂM ĐỒNG 41**
Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lâm Đồng
- 6. NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ VIỆT NAM, THỰC TRẠNG - XU HƯỚNG
VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN 47**
TSKH. Hà Phúc Mịch
- 7. HỘI NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN VIỆT NAM CHUNG TAY PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
THEO HƯỚNG KINH TẾ TUẦN HOÀN, GIẢM PHÁT THẢI TẠI VIỆT NAM 57**
Hội Nông nghiệp tuần hoàn Việt Nam
- 8. ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ,
KINH TẾ TUẦN HOÀN TRÊN CÂY CÔNG NGHIỆP DÀI NGÀY: CÀ PHÊ, ĐIỀU, HỒ TIÊU 66**
Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên (WASI)

- 9. THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG** 75
Trung tâm Khuyến nông và Giống, nông lâm nghiệp tỉnh Đắk Nông
- 10. HIỆN TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, TUẦN HOÀN, GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TỈNH KON TUM** 85
Trung tâm Khuyến nông tỉnh Kon Tum
- 11. BÁO CÁO THAM LUẬN VỀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN, NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TẠI NINH THUẬN** 95
Trung tâm Khuyến nông tỉnh Ninh Thuận
- 12. GIỚI THIỆU MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN, HỮU CƠ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI BÌNH THUẬN** 100
Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bình Thuận
- 13. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, TUẦN HOÀN TRONG SẢN XUẤT, XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU CỦA HUYỆN ĐƠN DƯƠNG - LÂM ĐỒNG** 110
Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Đơn Dương
- 14. HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN KHÉP KÍN** 115
Trang trại Thiên Sinh, xã Ka Đơn, huyện Đơn Dương
- 15. Bài tham luận chủ đề:
Thực trạng chứng nhận nông nghiệp hữu cơ theo tiêu chuẩn EU Nhật Bản, USDA, Việt Nam trên Việt Nam và thế giới** 119
- 16. GIẢI PHÁP HỖ TRỢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA CÔNG TY SORIMACHI** 123
Sorimachi VietNam Co.,Ltd

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, TUẦN HOÀN, GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

Trung tâm khuyến nông Quốc gia

I. TỔNG QUAN CHUNG

1. Nông nghiệp hữu cơ

Theo tổ chức nông nghiệp hữu cơ quốc tế (IFOAM), nông nghiệp hữu cơ là hệ thống đồng bộ hướng tới thực hiện các quá trình với kết quả bảo đảm hệ sinh thái bền vững, thực phẩm an toàn, dinh dưỡng tốt, nhân đạo với động vật và công bằng xã hội, không sử dụng các hóa chất nông nghiệp tổng hợp và các chất sinh trưởng phi hữu cơ, tạo điều kiện cho sự chuyển hóa khép kín trong hệ canh tác, chỉ được sử dụng các nguồn hiện có trong nông trại và các vật tư theo tiêu chuẩn của quy trình sản xuất.

Năm 2022, thế giới có gần 200 quốc gia phát triển dòng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ với hơn 71 triệu ha canh tác, tương đương khoảng 1,5% tổng diện tích canh tác, doanh thu đạt trên 110 tỷ euro.

Ở Việt Nam, hiện có khoảng 500 nghìn ha diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên tổng diện tích 11,53 triệu ha đất sản xuất nông nghiệp. Cả nước có 46/63 tỉnh thành đang thực hiện và có phong trào sản xuất nông nghiệp hữu cơ, với sự tham gia của 100 công ty và 17.000 nông dân. Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm hữu cơ đạt khoảng 335 triệu USD/năm. Các sản phẩm chủ yếu ở nước ta gồm: gạo, tôm, dưa, cà phê, sữa, trà, rau, trái cây...vv.

Chính phủ, Nhà nước, các Bộ đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ.

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 (Khóa XII) tháng 12/2016 BCH Trung ương Đảng.
- Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội;
- Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ
- Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển Nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030.
- Bộ Khoa học và Công nghệ đã công bố TCVN 11041:2017 Nông nghiệp hữu cơ (Chăn nuôi và Trồng trọt hữu cơ); TCVN 11041:2018 về sản phẩm nông nghiệp hữu cơ (gạo, chè, sữa, tôm...)...vv.
- Bộ NN và PTNT đã ban hành Thông tư số 16/2019/TT/BNNPTNT hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP về cấp giấy chứng nhận cho tổ chức chứng

nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, các quy định về đánh giá, lấy mẫu, thanh tra và kiểm tra chất lượng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ và Quyết định số 5317/QĐ-BNN-CBTTNS ngày 29/12/2020 về phê duyệt Kế hoạch hành động triển khai Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ.

2. Nông nghiệp tuần hoàn

Nông nghiệp tuần hoàn là phương thức sản xuất nông nghiệp theo một chu trình khép kín mà ở đó chất thải, phế phụ phẩm của quá trình sản xuất này là đầu vào của quá trình sản xuất khác.

Nông nghiệp tuần hoàn là một bộ phận của kinh tế tuần hoàn, bản chất của nông nghiệp tuần hoàn là việc bố trí cây trồng - vật nuôi và các công đoạn sản xuất với công nghệ phù hợp sao cho tất cả chất thải phát sinh được thu gom, tái chế, tái sử dụng trong vòng tuần hoàn khép kín theo nguyên tắc chất thải của quá trình sản xuất này thành nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất sản phẩm khác, không để chất thải phát tán ra môi trường gây ô nhiễm; giảm vật tư đầu vào (nước, phân bón...), đem lại hiệu quả kinh tế cao, bền vững.

Ở Việt Nam, khái niệm về nông nghiệp tuần hoàn còn khá mới và chưa trở thành một mô hình sản xuất phổ biến, mới chỉ phát triển ở một số tỉnh, trang trại, hộ và một số doanh nghiệp. Việt Nam đang dần đưa kinh tế tuần hoàn vào khung thể chế, chính sách. Cụm từ “Kinh tế tuần hoàn” lần đầu tiên được đưa vào Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cho thấy tầm quan trọng của kinh tế tuần hoàn trong phát triển kinh tế xã hội. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định xây dựng kinh tế tuần hoàn là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030.

Hiện nay nông nghiệp tuần hoàn đang là chủ đề được Bộ Nông nghiệp và các địa phương đặc biệt quan tâm. Nhiều mô hình phát triển nông nghiệp kinh tế tuần hoàn đang được các địa phương triển khai như: mô hình Vườn - Ao - Chuồng (VAC), mô hình trồng lúa - nuôi tôm - chế biến phân bón từ các phụ phẩm tôm - sử dụng bón cho lúa, mô hình 4F (Farm-Food-Feed-Fertilizer: trồng trọt - thực phẩm - chăn nuôi - phân bón), mô hình “vòng tuần hoàn xanh” của Vinamilk, mô hình luân canh: “lúa - tôm”, “lúa - cá”, ô hình trồng lúa - trồng nấm rơm - sản xuất phân hữu cơ - trồng lúa, cây ăn quả..vv

Một số chủ trương, chính sách của Chính phủ, Nhà nước về phát triển nông nghiệp tuần hoàn.

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kế hoạch cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021.

- Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 Được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021.

- Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022.

- Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022...vv.

3. Vai trò, lợi ích của nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn đối với môi trường và đa dạng sinh học

1) Giúp bảo vệ môi trường, do không sử dụng các hóa chất độc hại, giúp cải thiện chất lượng đất, nước và không khí. Nông nghiệp hữu cơ cũng giúp giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, do sử dụng các phương pháp canh tác bền vững.

2) Giúp duy trì và đảm bảo độ phì nhiêu cho đất, từ đó phát triển nông nghiệp bền vững.

3) Giảm sự ô nhiễm nguồn nước, đảm bảo nước ngầm, sông, hồ luôn an toàn với người, cây trồng và vật nuôi.

4) Bảo vệ sự sống của các loài động vật hoang dã, đối xử tốt hơn với các loài vật nuôi, giúp duy trì tính đa dạng sinh học cao.

5) Hạn chế sử dụng các loại năng lượng đầu vào không có khả năng phục hồi từ bên ngoài.

6) Giảm lượng thuốc trừ sâu và phân bón độc hại còn dư.

7) Khai thác triệt để những chất thải, phụ phẩm hữu cơ trong nông nghiệp.

8) Giảm chi phí thức ăn xuống tối thiểu có thể.

9) Chất lượng sản phẩm tốt, hương vị thơm ngon và tốt cho sức khỏe người tiêu dùng...

II. MỘT SỐ MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN

1. Lĩnh vực trồng trọt

a) Mô hình liên kết sản xuất lúa gạo hữu cơ theo chuỗi giá trị tại một số tỉnh phía Bắc

Mô hình được thực hiện bởi Công ty TNHH MTV NN Organic Quế Lâm triển khai tại các tỉnh Sơn La, Vĩnh Phúc, Thừa Thiên Huế trong giai đoạn 2019-2021. Mô hình sử dụng giống lúa sản xuất theo quy trình hữu cơ, không sử dụng phân hóa học, thuốc hóa học và thuốc trừ cỏ. Sử dụng hoàn toàn phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ sinh học và thuốc BVTV sinh học, thảo mộc. Cây lúa sinh trưởng khỏe, sạch sâu bệnh. Năng suất đạt 60,6 tạ/ha; Hiệu quả kinh tế hơn 12,8% so với sản xuất lúa thường.

Kết quả nhân rộng mô hình sản xuất lúa hữu cơ trong 3 năm 2021 - 2023 là 1.960 ha. Trong đó: tỉnh Vĩnh Phúc 250 ha; tỉnh Sơn La 270 ha; tỉnh Thừa Thiên Huế 500 ha; tỉnh Ninh Bình 610 ha; tỉnh Thái Nguyên 110 ha; tỉnh Nam Định 60 ha; tỉnh Hải Dương 60 ha; tỉnh Đồng Tháp 50 ha và Sóc Trăng 50 ha.

b) Mô hình sản xuất rau theo hướng hữu cơ, liên kết chuỗi giá trị

Mô hình do Viện Môi trường nông nghiệp chủ trì, triển khai tại các tỉnh Hà Nội, Hòa Bình, Lâm Đồng và Đồng Nai giai đoạn 2019 - 2021.

Các chủng loại rau tại mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, sử dụng phân bón hữu cơ và chế phẩm BVTV sinh học. Mặc dù năng suất đạt thấp hơn ngoài mô hình từ 20-30% nhưng hiệu quả kinh tế vẫn cao hơn ngoài mô hình từ 10-15%. Tại các điểm mô hình, các hộ dân xung quanh và HTX đã tự mở rộng diện tích áp dụng sản xuất theo quy trình sản xuất hướng hữu cơ thêm khoảng 10 ha/điểm/năm.

Dự án đã xây dựng được 4 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ rau theo hướng hữu cơ theo 3 hình thức liên kết là hình thức Doanh nghiệp; hình thức Trang trại; hình thức HTX/ tổ HTX sản xuất và kinh doanh rau hữu cơ.

- Hình thức liên kết Doanh nghiệp: Hiệu quả kinh tế của mô hình tăng 68,01% so với mô hình đối chứng. Hiện nay hình thức liên kết này vẫn tiếp tục được duy trì.

- Hình thức liên kết HTX sản xuất và kinh doanh rau hữu cơ: Hiệu quả kinh tế của mô hình tăng từ 36,58 - 61,85% so với mô hình đối chứng.

- Hình thức liên kết tổ HTX sản xuất và kinh doanh rau theo hướng hữu cơ: Hiệu quả kinh tế của mô hình đạt trung bình 3 năm tăng 22,70% so với đối chứng

- Hình thức liên kết Trang trại sản xuất và kinh doanh rau hữu cơ: Hiệu quả kinh tế của mô hình tăng 156,11% so với mô hình đối chứng.

c) Mô hình thâm canh chè theo hướng hữu cơ, liên kết theo chuỗi giá trị

Mô hình do Trung tâm Khuyến nông và DVNN tỉnh Lào Cai chủ trì, triển khai tại Xã Bản Liên và xã Tả Củ Tỷ, huyện Bắc Hà, Lào Cai giai đoạn 2020 - 2022.

Kết quả: Mô hình áp dụng quy trình kỹ thuật thâm canh chè theo hướng hữu cơ, thực hiện trên diện tích chè Shan vùng cao. Năng suất chè bình quân đạt 3,6 tấn búp tươi/ha/lứa hái, chất lượng chè sản xuất theo hướng hữu cơ đạt chất lượng cao. Sản phẩm chè búp tươi do HTX chè Bản Liên thu mua với giá từ 10.000 - 12.000 đồng/kg, cao hơn đại trà từ 3.000 - 4.500 đồng, giá trị thu nhập tăng thêm đạt trên 35 triệu đồng/ha. Hiệu quả kinh tế cao hơn ngoài mô hình từ 20-25%. Mô hình được nhân rộng với quy mô từ 10 ha/năm.

d) Mô hình sản xuất măng tây theo hướng hữu cơ tại một số tỉnh duyên hải Nam Trung bộ

Mô hình do Công ty CP giống cây trồng Nha Hồ chủ trì, triển khai tại tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận giai đoạn 2021 - 2023.

Kết quả: Xây dựng được 19 ha mô hình sản xuất măng tây theo hướng hữu cơ, năng suất bình quân đạt 25 tấn/ha. Hiệu quả kinh tế tăng 25% so với ngoài mô hình. Sản phẩm măng tây tươi đáp ứng tiêu chuẩn VietGap hướng tới hữu cơ.

e) Mô hình sử dụng phân bón hữu cơ nano và chế phẩm sinh học BVTV trong sản xuất rau, lúa an toàn

Mô hình do Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp chủ trì, triển khai tại thành phố Hà Nội và Hải Dương giai đoạn 2021 - 2023.

Kết quả: Đã nâng cao nhận thức của các hộ gia đình tham gia thực hiện mô hình về việc bảo vệ môi trường trong trồng và chăm sóc rừng như: không đốt thực bì, không sử dụng các chất diệt cỏ, không sử dụng phân hoá học, không sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật, thu dọn vỏ bầu, vỏ bao phân sau trồng rừng, chú trọng bảo vệ đất, chống xói mòn khi làm đất; bảo vệ đa dạng sinh học,...

2. Lĩnh vực chăn nuôi

a) Mô hình chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ

Mô hình có hiệu quả cao, đặc biệt trong thời điểm dịch tả lợn Châu Phi bùng phát, tất cả các hộ tham gia dự án đều an toàn, không xảy ra dịch bệnh trong khi các hộ xung quanh đã xảy ra dịch tả lợn Châu phi. Chỉ tiêu kinh tế đạt: Tỷ lệ nuôi sống 100%, khả năng tăng khối lượng > 650 g/con/ngày, tiết kiệm được 1.387 lít nước/con, chất lượng thịt được nâng lên, giá bán cao hơn so với thịt lợn chăn nuôi truyền thống 20-30% tùy từng thời điểm.

b) Mô hình chăn nuôi gà theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm

Với mục tiêu tạo ra sản phẩm thịt gia cầm chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao giá trị, góp phần phát triển chăn nuôi bền vững. Mô hình áp dụng chăn nuôi đạt 70% tiêu chí hữu cơ theo tiêu chuẩn TCVN 11041: 2017. Thịt gà thương phẩm có giá trị cao giá bán cao hơn 10-15%, được các đơn vị thu mua đem lại hiệu quả cho người chăn nuôi.

c) Mô hình chăn nuôi lợn bản địa theo hướng hữu cơ

Mô hình nhằm phát huy lợi thế của các giống bản địa, có khả năng thích nghi cao với điều kiện khí hậu tại địa phương, tận dụng được nguồn thức ăn sẵn có để phát triển chăn nuôi lợn bản địa nhằm nâng cao sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Hiện nay, các sản phẩm chăn nuôi đã được chứng nhận hữu cơ gồm: thịt lợn, thịt gà và sữa tươi. Tuy nhiên, số lượng còn hạn chế, do một số khó khăn như sau:

- Việc chuyển đổi trồng cỏ, trồng cây nguyên liệu thức ăn (ngô, đỗ tương..) chưa thực hiện theo TCVN 11041-2:2017. Nên chưa kiểm soát được thức ăn chăn nuôi.

- Thời gian chuyển đổi vật nuôi dài: với trâu, bò và ngựa hướng thịt không ít hơn 12 tháng, bò sữa ít nhất 3 tháng, đối với dê cừu hướng thịt ít nhất 4 tháng, đối với lợn không ít hơn 4 tháng, với gia cầm ít nhất là 6 tuần.

3. Lĩnh vực thủy sản

Lĩnh vực Khuyến ngư triển khai thực hiện mô hình nuôi tôm sú - lúa, tôm sú rừng ngập mặn theo hướng hữu cơ nhằm nâng cao giá trị kinh tế, bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên, giảm dịch bệnh, đảm bảo an toàn thực phẩm. Mô hình được triển khai nhân rộng tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long với quy mô hàng ngàn ha. Hiện nay, chưa chứng nhận được sản phẩm hữu cơ do một số khó khăn sau:

- Cần quy hoạch hệ thống thủy lợi, vùng nuôi chuyên tôm sú - lúa, tôm sú rừng ngập mặn.
- Thức ăn hữu cơ bổ sung cho tôm sú giống và tôm sú ương gièo chưa được kiểm soát.
- Thời gian cách ly từ sản xuất tôm sú - lúa thông thường đến khi đạt được hữu cơ phải đảm bảo tối thiểu đủ 3 năm và phải được đánh giá giám sát chặt chẽ việc sử dụng thức ăn, chế phẩm sinh học và các vật tư đầu vào khác.

III. NHỮNG RÀO CẢN, KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC

1. Rào cản chính sách: chính sách và khung pháp lý của Nhà nước.
2. Rào cản về hạ tầng phụ trợ: chứng nhận, dịch vụ, cung cấp vật tư cho NNHC như phân bón, thức ăn gia súc, thuốc thú y, thuốc trừ sâu...vv.
3. Rào cản về đất đai: quyền sử dụng; manh mún, nhỏ lẻ.
4. Rào cản về nhận thức.
5. Rào cản về tài chính: cơ chế và nguồn tiếp cận.
6. Rào cản công nghệ, kỹ thuật: còn ở mức thấp.
7. Rào cản về tổ chức liên kết sản xuất...

IV. GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY, PHÁT TRIỂN

1. Xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý và tiêu chuẩn hóa nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn.
2. Đào tạo nguồn nhân lực.
3. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế.
4. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền.
5. Thúc đẩy số hóa và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, phân tích dữ liệu về nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn.
6. Hình thành chuỗi liên kết giữa các doanh nghiệp...

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN

Cục Trồng trọt

I. TỔNG QUAN

Nông nghiệp Việt Nam trong những năm qua có một vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Trong đó trồng trọt tiếp tục khẳng định là ngành sản xuất chủ lực của nông nghiệp, đóng vai trò quan trọng đảm bảo an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng quốc gia, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo, góp phần ổn định chính trị xã hội đất nước. Từ một nước thiếu lương thực, thực phẩm trầm trọng đến nay trở thành nước xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới, năm 2022 giá trị xuất khẩu các sản phẩm trồng trọt đạt khoảng 22,58 tỷ USD chiếm tỷ trọng 42,4% xuất khẩu toàn ngành. Từ năm 2010 đến nay lĩnh vực trồng trọt duy trì tốc độ tăng trưởng cao trên 3% năm; hiệu quả sản xuất không ngừng tăng lên, giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt tăng gần 2 lần; kim ngạch xuất khẩu nông sản tăng bình quân 6,3% năm; thu nhập bình quân cư dân nông thôn tăng gần 3 lần, trong đó trồng trọt đóng góp trên 60%, góp phần cải thiện đời sống của cư dân nông thôn.

Bên cạnh những thành tựu đạt được lĩnh vực trồng trọt cũng đang đối mặt với một số tồn tại, thách thức, trong đó sản xuất vẫn đặt nặng về số lượng dẫn tới việc sử dụng thâm hụt nguồn tài nguyên cao, ô nhiễm môi trường, thiếu bền vững và giá trị sản phẩm, hiệu quả sản xuất chưa cao. Do vậy, lĩnh vực trồng trọt trong thời gian tới cần phải có những thay đổi để giải quyết một số tồn tại trên.

Ngày 28/01/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 150/QĐ-TTg Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Trong đó quan điểm là “Sản xuất nông nghiệp có trách nhiệm, hiện đại, hiệu quả và bền vững; Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu”. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu rõ quan điểm “Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, trụ đỡ của nền kinh tế. Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản cả ở trong nước và ngoài nước; bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.”, “Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên đất, tài nguyên nước, bảo vệ môi

trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển bền vững các hệ sinh thái.”. Trước đó, năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/2018/NĐ-CP về nông nghiệp hữu cơ và năm 2020 có Quyết định số 885/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030. Đây là tiền đề, cơ sở quan trọng để nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam bắt kịp xu hướng phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới.

Theo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (World Bank) về thách thức ô nhiễm môi trường nông nghiệp tại Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, sản xuất nông nghiệp đang gây ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tương đương với sản xuất công nghiệp. Do sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, nông nghiệp trở thành nguyên nhân chính làm ô nhiễm đất, không khí và nước. Các vấn đề cần được giải quyết là ô nhiễm ở các khu vực nuôi trồng thủy sản, khu chăn nuôi tập trung, cơ sở giết mổ, các làng nghề, vùng sản xuất thâm canh do tình trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật tràn lan và khu vực nông thôn do chất thải từ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt không được thu gom xử lý đúng quy cách, hợp vệ sinh. Lượng phát thải khí nhà kính đã tăng từ 4,7 tỷ tấn CO₂ (trong năm 2001) lên hơn 5,3 tỷ tấn (năm 2018), tương đương tăng hơn 14%. Phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn trở thành một trong những giải pháp tối ưu nhằm hạn chế và kiểm soát ô nhiễm, đảm bảo phát triển một nền nông nghiệp bền vững.

Theo Liên đoàn Các phong trào canh tác nông nghiệp hữu cơ quốc tế (IFOAM), nông nghiệp hữu cơ là hệ thống đồng bộ hướng tới thực hiện các quá trình với kết quả bảo đảm hệ sinh thái bền vững, thực phẩm an toàn, dinh dưỡng tốt, nhân đạo với động vật và công bằng xã hội, không sử dụng phân bón, hóa chất nông nghiệp tổng hợp và các chất sinh trưởng phi tự nhiên, tạo điều kiện cho sự chuyển hóa khép kín trong hệ canh tác, chỉ được sử dụng các nguồn hiện có trong nông trại và các vật tư theo quy định của tiêu chuẩn.

Trên thế giới, nông nghiệp hữu cơ đã góp phần không nhỏ đối với môi trường, trong đó có giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Diện tích nông nghiệp hữu cơ của thế giới cũng đang có xu hướng tăng nhanh trong những năm qua: Năm 2016, đạt 57,8 triệu hecta, chiếm 1,2% tổng diện tích đất nông nghiệp với giá trị sản phẩm hữu cơ khoảng 89,7 tỷ USD. Trong vòng 10 năm (2006 - 2016), diện tích đất nông nghiệp hữu cơ của thế giới tăng 150%. Có 178 nước sản xuất nông nghiệp hữu cơ với 2,7 triệu người thực hành sản xuất theo phương pháp hữu cơ, trong đó có 87 nước có quy định pháp luật quản lý sản phẩm hữu cơ.

Theo thống kê của Viện Nghiên cứu nông nghiệp hữu cơ (FIBL) và IFOAM, năm 2021 có hơn 71 triệu hecta canh tác hữu cơ, tương đương khoảng 1,5% tổng diện tích canh tác. Một số quốc gia có tốc độ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ rất nhanh như: Mỹ, Úc và Liên minh châu Âu (EU). Đến nay, trên thế giới có 186 quốc gia phát triển nông nghiệp hữu cơ. Trong đó, 73% diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ thế giới thuộc về 10 nước dẫn đầu. Úc có diện tích đất nông nghiệp hữu cơ nhiều nhất (27,1 triệu hecta), trong đó 97% là những đồng cỏ chăn nuôi rộng lớn; kế đến là Argentina (3,0 triệu hecta); Trung Quốc (2,3 triệu hecta); Mỹ (2 triệu hecta). Tại châu Á, diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ khoảng

2.900.000 hecta với 130.000 trang trại. Các quốc gia sản xuất hữu cơ lớn nhất trong khu vực: Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Sri Lanka, Hàn Quốc và Thái Lan. Thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ lớn nhất hiện nay là Nhật Bản và một số thị trường đang nổi lên như Trung Quốc, Malaysia, Singapore và Thái Lan. Theo FIBL và IFOAM (2016), năm 2014 diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam đạt hơn 43.000 hecta, đứng thứ 56/172 nước trên thế giới, thứ 3 trong ASEAN (sau Indonesia và Philippines). Ngoài ra, Việt Nam còn có 20.030 hecta mặt nước cho thu hoạch sản phẩm hữu cơ, 2.200 hecta cho thu hái tự nhiên, đưa tổng diện tích nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam lên hơn 65.000 hecta. Diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam tăng nhanh, gấp hơn 3 lần trong giai đoạn 2007 - 2014. Năm 2016, diện tích canh tác hữu cơ đã tăng gấp 3,6 lần so với năm 2010 và đạt khoảng 77.000 hecta. Năm 2022, cả nước có khoảng 220.000 hecta canh tác hữu cơ, sản phẩm hữu cơ được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu đến các thị trường quốc tế lớn như Nhật Bản, Anh, Mỹ, Hàn Quốc... với kim ngạch xuất khẩu hằng năm đạt khoảng 335 triệu USD (tăng gần 15 lần so với năm 2010), đứng thứ 8 trong 10 nước có diện tích nông nghiệp hữu cơ tại châu Á. Diện tích trồng trọt chứng nhận phù hợp TCVN 11041 là 1.130 ha (giấy chứng nhận đang còn hiệu lực đến hết năm 2022). Lĩnh vực trồng trọt có một vai trò rất quan trọng trong chuỗi nông nghiệp hữu cơ, ngoài việc trực tiếp sản xuất, cung cấp nông sản hữu cơ cho người tiêu dùng còn là nguồn cung cấp đầu vào cho các chu trình sản xuất hữu cơ khác như chăn nuôi hữu cơ, nuôi trồng thủy sản hữu cơ. Trong số 1.130 ha diện tích chứng nhận phù hợp TCVN 11041 có 320 ha diện tích cỏ phục vụ đầu vào trong chuỗi sản xuất sữa hữu cơ của Công ty Cổ phần Sữa TH.

Mặc dù nông nghiệp hữu cơ đem lại rất nhiều lợi ích, là xu hướng tất yếu, ngày càng phát triển bởi vì nông nghiệp hữu cơ là loại hình nông nghiệp bền vững nhất. Tuy nhiên không dễ để chuyển toàn bộ từ sản xuất thâm canh sang sản xuất hữu cơ, nông nghiệp hữu cơ phải đối mặt với một số thách thức như:

Về sản xuất:

- Năng suất cây trồng, vật nuôi theo phương thức hữu cơ thấp hơn so với sản xuất an toàn, do không dùng phân bón hóa học, hoóc môn tăng trưởng, công nghệ gen...
- Sản xuất hữu cơ tốn nhiều công lao động hơn do một số khâu trong sản xuất sử dụng lao động thủ công (thu gom xác thực vật, làm phân hữu cơ, làm cỏ, bẫy bả...).
- Đối mặt với dịch bệnh do không dùng thuốc bảo vệ thực vật; hạn chế tối đa dùng thuốc thú y, kháng sinh tổng hợp, trong khi cơ sở hữu cơ và không hữu cơ nằm liền kề, đan xen, mặc dù có vùng đệm nhưng nguy cơ lây truyền dịch bệnh là rất cao.
- Giá thành sản phẩm hữu cơ cao hơn đáng kể so với sản phẩm an toàn do năng suất thấp, chi phí cao (lao động thủ công, phí chứng nhận, diện tích chăn thả, chuồng trại/đầu con lớn hơn...).

Về thị trường: Xu hướng tiêu dùng xanh đang phát triển nhanh trên thế giới và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Nhóm người tiêu dùng xanh đang tăng dần và đó là lý do vì sao thị trường nông sản hữu cơ thế giới đang tăng trưởng mạnh mẽ. Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ thường giới hạn là nhóm khách hàng có thu nhập cao. Tuy nhiên, với phần lớn dân số tập trung ở các nước nghèo, đang phát triển, thu nhập thấp không có khả năng tiếp cận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ và nhu cầu với đối tượng này là lương thực, thực phẩm an toàn.

Trước sức ép gia tăng dân số, nhu cầu lương thực, thực phẩm tiếp tục và ngày càng tăng, cùng với đó năng suất cây trồng, vật nuôi sản xuất hữu cơ còn hạn chế, chi phí sản xuất cao dẫn tới giá thành sản phẩm nông nghiệp hữu cơ cao hơn với sản phẩm an toàn đang là bài toán cần phải được xem xét trong phát triển nông nghiệp hữu cơ.

Trong điều kiện kinh tế xã hội ngày nay, đòi hỏi của con người đối với nông nghiệp ngày càng lớn. Các nhu cầu, yêu cầu về nông sản an toàn và dinh dưỡng, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải, phát triển cảnh quan... ngày càng được quan tâm. Nông nghiệp tuần hoàn có thể giải quyết được phần nào các vấn đề nêu trên, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững. Do đó, phát triển nông nghiệp tuần hoàn là tất yếu để phục hồi và tái tạo tài nguyên, sử dụng hiệu quả phụ phẩm cây trồng, phát triển kinh tế nông nghiệp đa giá trị, giảm chất thải gây ô nhiễm môi trường...

Trong trồng trọt, kinh tế tuần hoàn là hệ thống kinh tế không còn các khái niệm “kết thúc vòng đời” mà thay thế bằng việc giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi các nguyên liệu, sản phẩm phụ trong cả chu trình từ sản xuất - phân phối - chế biến - tiêu dùng ở nhiều cấp độ từ vi mô (nông dân, doanh nghiệp) đến vĩ mô (tỉnh, vùng, quốc gia...) để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo chất lượng về môi trường, thịnh vượng về kinh tế, công bằng về xã hội, đáp ứng lợi ích hiện tại và tương lai.

Kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực trồng trọt có các nội dung cơ bản bao gồm việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học, công nghệ hóa lý để tăng giá trị, giảm phát sinh phụ phẩm, chất thải, tiết kiệm tài nguyên. Tái chế chất thải, phế phụ phẩm làm nguyên liệu đầu cho quá trình sản xuất khác hoặc tiếp theo. Tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, tăng hiệu quả kinh tế. Giảm lãng phí, thất thoát và giảm tối đa lượng chất thải. Giảm phát thải khí nhà kính; bảo vệ môi trường; thích ứng với biến đổi khí hậu.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2020 lượng phụ phẩm trong nông nghiệp là 156,8 triệu tấn, trong đó phụ phẩm trong trồng trọt khoảng 88,9 triệu tấn, tỷ lệ thu gom đạt 52,2%, tỷ lệ sử dụng cho trồng trọt là 4%, ủ làm phân là 5%, làm thức ăn cho gia súc là 29%, bỏ tại ruộng 9%, đốt tại ruộng 46%, 7% sử dụng cho mục đích khác và theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường nông nghiệp Việt Nam năm 2022, phát sinh phụ phẩm cây trồng từ các nhóm cây trồng chính của nước ta hàng năm là trên 100.000 tấn, trong đó phụ phẩm cây trồng từ các nhóm cây trồng có tiềm năng như lúa là trên 60.000 tấn, ngô gần 10.000 tấn,

sản trên 12.000 tấn... đây là nguồn tài nguyên tái tạo rất dồi dào cần sớm được khai thác, tránh lãng phí. Đây cũng là nguồn nguyên liệu đầu vào quan trọng góp phần kéo dài chuỗi giá trị gia tăng trong nông nghiệp.

Phát triển kinh tế tuần hoàn hiện nay đang là xu thế chung để phát triển kinh tế xanh và bền vững. Phụ phẩm nông nghiệp cần được coi là nguồn tài nguyên tái tạo, là đầu vào quan trọng của quá trình tuần hoàn khác nhằm kéo dài chuỗi giá trị gia tăng trong nông nghiệp. Thực tế tại nước ta, hiện nay, đã có nhiều mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp. Đó là các mô hình: Tạo và dùng khí đốt từ chất thải, nước thải trong chăn nuôi, trồng trọt; mô hình kết hợp trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; mô hình nông - lâm kết hợp; mô hình vườn - rừng; mô hình tuần hoàn lấy phế phụ phẩm trong nông nghiệp làm chất xúc tác hoặc tạo ra các sản phẩm có giá trị khác; mô hình tiết chế hóa, gắn liền với việc hạn chế sử dụng phân hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc thú y, thuốc tăng trưởng trong trồng trọt và chăn nuôi. Trong đó, một số mô hình cụ thể đang triển khai và mang lại hiệu quả như: mô hình vườn - ao - chuồng; mô hình lúa - tôm, lúa - cá. Mô hình trồng lúa - trồng nấm - sản xuất phân hữu cơ - trồng cây ăn quả; mô hình sản xuất phân hữu cơ từ chất thải nông nghiệp; mô hình sản xuất tổng hợp bò - trùn quế - cò, ngô - gia súc, gia cầm - cá; mô hình thủy sản với công nghệ tuần hoàn nước,...

Thực tế hiện nay, việc phát triển kinh tế tuần hoàn đang mang lại nhiều giá trị cho sản xuất nông nghiệp. Phát triển kinh tế tuần hoàn góp phần giúp giải quyết được sự khan hiếm tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Tại Việt Nam, việc chuyển đổi mô hình sản xuất sang kinh tế tuần hoàn góp phần phát triển nền kinh tế nhanh và bền vững. Thực hiện phát triển kinh tế tuần hoàn gắn với công nghệ cao, chuyển từ thế giới thực sang thế giới số sẽ là cơ hội lớn nâng cao hiệu quả tăng trưởng so với cách thức tăng trưởng trước đây.

Ứng dụng kinh tế tuần hoàn trong sản xuất trồng trọt đã xuất hiện từ lâu. Tuy nhiên trong thời gian gần đây do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine dẫn tới đứt đoạn các chuỗi cung ứng khiến vật tư cho sản xuất trồng trọt khan hiếm và đắt đỏ hơn. Điều này đã thúc đẩy người sản xuất tìm kiếm các giải pháp thay thế, trong đó có việc xử lý các phụ phẩm trong sản xuất để làm phân bón và xuất hiện nhiều mô hình tuần hoàn trong trồng trọt như:

Mô hình tận dụng nguyên liệu từ phụ phẩm rơm rạ trong trồng lúa (Trồng lúa - Trồng nấm - Phân hữu cơ - Trồng cây trồng khác) giúp nâng cao giá trị sản xuất lúa, đa dạng hóa sản phẩm, giảm phân bón hóa học, cải tạo đất... Tận dụng nguyên liệu từ phụ phẩm rơm rạ trong trồng lúa để trồng nấm, bã sau khi thu hoạch nấm được tận dụng để bón cho cây trồng (cây ăn quả, rau màu)...

Mô hình sản xuất rau tại Công ty TNHH sản xuất - Thương mại nông sản Phong Thủy: Sản xuất rau, thu gom các phụ phẩm của rau phục vụ nuôi bò, chất thải của bò được thu gom

xử lý làm phân bón cho rau, ngoài ra nước mưa được thu gom từ các nhà plastic đưa vào hồ chứa để phục vụ tưới cho rau.

Mô hình tuần hoàn bã cà phê thành nguyên liệu sinh khối thay thế dầu đốt tại công ty Nestlé Việt Nam (Cà phê - Phân bón/viên nén - Phân bón - Cà phê/rau màu), trong đó bã cà phê được nén làm viên đốt sinh khối thay cho nhiên liệu đốt để vận hành lò hơi. Tro và cát thải lò hơi sau khi đốt dùng làm nguyên liệu sản xuất gạch không nung. Bùn thải cà phê được chế biến thành phân vi sinh. Hơi nước được tái sử dụng cho tháp giải nhiệt. Nước thải được xử lý và tái sử dụng cho sản xuất và chất lượng nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn loại A. Lợi ích mang lại là tiết kiệm được khoảng 40-50 tỷ đồng mỗi năm chi phí năng lượng. Gần 100% phụ phẩm cà phê đều được tái chế và tái sử dụng để tạo ra giá trị, không xả ra môi trường. Thay thế hơn 74% chất đốt từ dầu DO và giảm thiểu phát thải gần 12.670 tấn CO₂/năm. Tỷ lệ tái sử dụng nước thải trong nhà máy sản xuất cà phê cũng được đến 65%, đóng góp khoảng 30-35% nguồn nước sử dụng đầu vào cho sản xuất mỗi năm.

Tuy nhiên hiện nay việc thúc đẩy phát triển nông nghiệp tuần hoàn ở nước ta cũng còn một số khó khăn, thách thức như nhận thức người quản lý, người sản xuất, cộng đồng xã hội, người tiêu dùng chưa đầy đủ về nông nghiệp tuần hoàn; công tác tuyên truyền, phổ biến về kinh tế tuần hoàn còn bất cập. Động lực cho phát triển nông nghiệp tuần hoàn còn hạn chế, chưa tạo ra các đòn bẩy và thiếu các chính sách phù hợp. Công nghệ thu gom, xử lý, tái chế phụ phẩm cây trồng còn ít, rời rạc chưa đồng bộ, thiếu các công nghệ có giá thành hợp lý, phù hợp với nông dân. Thiếu các cơ chế chính sách hỗ trợ, hành lang pháp lý cho phát triển nông nghiệp tuần hoàn từ khâu sản xuất, lưu thông, tiêu dùng và tái chế, tái sử dụng phụ phẩm cây trồng; Thiếu các kết nối bền vững toàn hệ thống (trồng trọt- chăn nuôi - chế biến...) theo mô hình kinh tế tuần hoàn để nâng cao giá trị, kéo dài vòng đời sản phẩm, giảm chi phí. Thiếu tính liên kết, đa ngành trong phát triển các mô hình nông nghiệp tuần hoàn để nâng cao giá trị cho người sản xuất, lưu thông và tiêu dùng. Quy mô sản xuất nhỏ lẻ, chi phí cao, thiếu các mô hình phù hợp để giảm giá thành, nâng cao hiệu quả. Thị trường cho các sản phẩm từ kinh tế tuần hoàn, hữu cơ trong trồng trọt còn hạn chế, chưa minh bạch về nhận diện sản phẩm, truy xuất nguồn gốc,...

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Phát triển ngành trồng trọt hiện đại, hiệu quả và bền vững góp phần đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, có khả năng cạnh tranh cao, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo cho nông dân, góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Sản xuất trồng trọt có trách nhiệm, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, đảm bảo an toàn thực phẩm, khuyến khích trồng trọt hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phát huy tiềm năng, lợi thế về tài nguyên, khí hậu của các vùng sinh thái để phát triển cây trồng, phương thức sản xuất phù hợp. Ứng dụng khoa học công nghệ trong kinh tế tuần hoàn để phát triển sản xuất hàng hóa với chất lượng ngày càng cao, có hiệu quả, bền vững.

III. GIẢI PHÁP

2.1. Về nhận thức

Tuyên truyền, phổ biến, vận động các đối tượng liên quan trong chuỗi giá trị. Để phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp thì cần có sự hiểu biết về nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, lợi ích mà nó mang lại. Tuyên truyền, giới thiệu và nhân rộng các mô hình hay, hiệu quả về trồng trọt hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn. Từ đó, nhân rộng, lan tỏa các mô hình này trong sản xuất. Đồng thời, tạo cơ hội cho việc phát triển thêm các mô hình mới.

Hệ thống nông nghiệp hiện tại dựa trên chuỗi cung ứng, các tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi cung ứng chỉ quan tâm tới mục tiêu khai thác tài nguyên để đạt lợi ích kinh tế lớn với chi phí thấp nhất, ít quan tâm tới việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên đặc biệt là nguồn tài nguyên không tái tạo. Mặt khác trong cơ chế thị trường, thị trường sẽ quyết định sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào. Do đó cần quan tâm đẩy mạnh tuyên truyền đến đối tượng người mua để chuyển đổi hành vi sang tiêu dùng xanh qua đó thúc đẩy sản xuất hữu cơ, tuần hoàn.

3.2. Hình thành, hoàn thiện hành lang pháp lý và chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn

Cần xây dựng hành lang pháp lý cho kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực nông nghiệp. Chính sách cho sản xuất hữu cơ đã có, nhưng các chính sách này mới chỉ tập trung cho sản xuất, chưa có chính sách cho các đối tượng khác tham gia trong chuỗi giá trị như: chính sách khuyến khích sản xuất các loại vật tư phục vụ sản xuất hữu cơ (giống, phân bón, chế phẩm sinh học, bao gói...), chính sách khuyến khích người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm xanh. Đồng thời, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích kinh tế tuần hoàn như: xây dựng các chính sách khuyến khích ưu đãi cho cơ sở sản xuất ứng dụng kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp, chính sách hỗ trợ cho nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp tuần hoàn...

Ngoài ra cần có các chính sách hỗ trợ quy hoạch vùng sản xuất tập trung, xác định vùng canh tác hữu cơ, chính sách về đất đai (tích tụ đất, ưu đãi thuế), hỗ trợ xây dựng thương hiệu...

3.3. Phát triển thị trường tiêu thụ nông sản xanh

- Cần xây dựng Chương trình nông sản xanh tương tự như Chương trình Quốc gia sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, thực hiện dán nhãn “nông sản xanh” nhằm định

hướng người tiêu dùng hướng đến việc sử dụng các nông sản xanh, tiến tới loại bỏ dần các nông sản được sản xuất sử dụng nhiều tài nguyên, thiếu bền vững, qua đó sẽ tạo ra sức ép thúc đẩy các người sản xuất luôn đổi mới, ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất để đưa ra thị trường các nông sản xanh, thân thiện môi trường góp phần phát triển nông nghiệp bền vững.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, chỉ dẫn địa lý; tăng cường hoạt động kết nối các doanh nghiệp nông nghiệp trong và ngoài nước nhằm đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản xanh.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về nông sản xanh, đảm bảo truy xuất nguồn gốc rõ ràng, qua đó tạo dựng lòng tin với người tiêu dùng.

3.4. Xác định đối tượng cây trồng, vùng canh tác phù hợp

Các địa phương cần xác định đối tượng cây trồng, vùng canh tác phù hợp để phát huy tiềm năng, lợi thế về tài nguyên, khí hậu của các vùng sinh thái đảm bảo hiệu quả sản xuất. Những vùng có lợi thế về sản xuất hữu cơ cần được phát triển, bảo vệ và xây dựng kết cấu hạ tầng phù hợp nhằm giảm thiểu ô nhiễm từ các vùng xung quanh. UBND tỉnh xác định và thông báo rộng rãi các vùng canh tác hữu cơ như theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật trồng trọt. Những vùng có lợi thế thâm canh, tập trung ứng dụng công nghệ trong sản xuất theo hướng tuần hoàn nhằm sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên sẵn có hướng tới sản xuất bền vững, sản xuất ra nông sản đảm bảo an toàn thực phẩm./.

CỤC TRỒNG TRỌT

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG CHĂN NUÔI, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030

Cục Chăn nuôi

I. MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI GIAI ĐOẠN 2018 - 2022 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

1.1. Số lượng vật nuôi và sản lượng sản phẩm chăn nuôi

a) Giai đoạn 2018-2022

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong giai đoạn 2018-2022, dù số lượng vật nuôi lúc tăng, lúc giảm nhưng tăng trưởng trung bình sản lượng sản phẩm chăn nuôi đạt mức cao, năm sau cao hơn năm trước, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và một phần cho xuất khẩu. Cụ thể như sau:

Bảng 1: Số lượng vật nuôi và sản lượng sản phẩm chăn nuôi giai đoạn 2018-2022

	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tăng trưởng TB/năm
Tổng đàn vật nuôi						
Trâu (triệu con)	2,49	2,39	2,33	2,26	2,25	-2,48
Bò (triệu con)	6,33	6,28	6,33	6,37	6,46	0,53
Trong đó: Bò sữa (nghìn con)	294,30	315,30	331,20	331,20	342,33	3,85
Lợn (triệu con)	29,83	20,21	22,03	23,53	24,84	-4,48
Gia cầm (triệu con)	435,9	480,3	512,7	526,3	557,28	6,33
Sản lượng sản phẩm chăn nuôi						
Thịt hơi các loại (triệu tấn)	5,40	5,08	6,38	6,68	7,16	7,33
Trứng gia cầm (tỷ quả)	13,09	15,47	16,68	17,59	18,30	8,74
Sữa bò (nghìn tấn)	934,78	986,12	1.049,87	1.070,77	1.149,70	5,31

Nguồn: TCTK

Số liệu ước tính của FAO (2022) giai đoạn 2019-2021, Việt Nam đứng thứ 2 khu vực Châu Á về sản lượng thịt lợn sản xuất và đứng thứ 6 về sản lượng sữa. Để đạt được những kết quả nêu trên bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý lĩnh vực chăn nuôi thì việc áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất chăn nuôi là hướng đi tất yếu của ngành.

b) Trong 6 tháng đầu năm 2023

Trong 6 tháng đầu năm 2023, ngành chăn nuôi gặp nhiều khó khăn do giá nguyên liệu đầu vào đã tăng trong thời gian dài và vẫn đang ở mức cao, dịch bệnh luôn tiềm ẩn nguy cơ, trong khi đó giá sản phẩm đầu ra không ổn định, lợi nhuận của người chăn nuôi bị giảm. Cụ thể như sau:

- Chăn nuôi lợn:

Trong quý I, giá bán thịt lợn hơi vẫn ở mức thấp, người chăn nuôi gặp nhiều khó khăn. Đến quý II, giá thịt lợn hơi bắt đầu tăng, tuy nhiên, do giá nguyên liệu đầu vào vẫn ở mức cao nhưng giá xuất bán sản phẩm đầu ra không ổn định, lợi nhuận của người chăn nuôi bị giảm mạnh. Vì vậy, nhiều hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không thể bù lỗ nên đã phải dừng nuôi. Khu vực doanh nghiệp và chuỗi liên kết sản xuất có xu hướng mở rộng sản xuất khi giá sản phẩm đầu ra tăng. Ước tính tổng đàn lợn của cả nước thời điểm cuối tháng 6 năm 2023 tăng khoảng 2,5% so với cùng kỳ năm 2022; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 6 tháng đầu năm ước đạt 2325,6 nghìn tấn, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2022.

- Chăn nuôi gia cầm:

Nhìn chung trong 6 tháng đầu năm, đàn gia cầm trên cả nước phát triển ổn định, chăn nuôi gia cầm của khu vực doanh nghiệp phát triển tốt, dịch bệnh được kiểm soát, chỉ phát sinh một số ổ dịch nhỏ lẻ. Ước tính tổng số gia cầm của cả nước tính đến thời điểm cuối tháng 6 năm 2023 tăng khoảng 0,9% so với cùng kỳ năm 2022; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng 6 tháng đầu năm ước đạt 1.041,8 nghìn tấn, tăng 4,8%; sản lượng trứng gia cầm 6 tháng đầu năm ước đạt 9,1 tỷ quả, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2022.

- Chăn nuôi trâu, bò:

Theo số liệu ước tính của Tổng cục Thống kê, tính đến thời điểm cuối tháng 6 năm 2023, đàn trâu giảm khoảng 1,7%; đàn bò tăng khoảng 0,9% so với cùng kỳ năm 2022; sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng 6 tháng đầu năm ước đạt 61,2 nghìn tấn, giảm 0,9%; sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng 6 tháng đầu năm ước đạt 245,3 nghìn tấn, tăng 2,6%; sản lượng sữa bò tươi 6 tháng đầu năm ước đạt 662,8 nghìn tấn, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2022.

- Xuất, nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi

Tổng giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 6 tháng đầu năm 2023 đạt 232 triệu USD, tăng 26,5% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu sữa và sản phẩm từ sữa đạt 65 triệu USD, tăng 9,9%; thịt và phụ phẩm dạng thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của động vật đạt 68 triệu USD, tăng 38,7%.

Tổng giá trị nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi 6 tháng đầu năm 2023 đạt 1,67 tỷ USD, giảm 9,7% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, giá trị nhập khẩu sữa và sản phẩm từ sữa ước đạt 618 triệu USD, giảm 12,3%; giá trị nhập khẩu của thịt, phụ phẩm dạng thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của động vật ước đạt 626 triệu USD, giảm 3,8%.

1.2. Chất thải phát sinh trong chăn nuôi

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hàng năm ngành chăn nuôi thải ra môi trường một lượng lớn chất thải.

Theo ước tính của Cục Chăn nuôi, giai đoạn 2018-2022, mỗi năm có trung bình 61 triệu tấn phân và trên 304 triệu m³ nước thải được thải ra từ các loại vật nuôi chính cần phải được xử lý, tái sử dụng để giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường chăn nuôi.

Bảng 2: Chất thải rắn và chất thải lỏng phát sinh trong chăn nuôi

Chất thải chăn nuôi	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Trung bình
Chất thải rắn (triệu tấn)	63	58	60	61	60	61
Chất thải lỏng (triệu m ³)	355	269	290	303	302	304

Nguồn: Cục Chăn nuôi

Trong số 61 triệu tấn phân thải ra từ các vật nuôi chính, 40% là từ bò, 34% từ lợn, 21% từ trâu và 6% từ gia cầm. Trong số 304 triệu tấn nước thải, trên 84% từ chăn nuôi lợn. Một phần trong số đó được xử lý làm phân hữu cơ hoặc làm nguyên liệu đầu vào cho hệ thống công trình khí sinh học tạo năng lượng tái tạo hoặc là nguồn nuôi côn trùng cung cấp protein chất lượng cao làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi và phân bón hữu cơ. Tuy nhiên, một phần lớn hơn được thải ra môi trường gây lãng phí và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

1.3. Thực trạng xử lý chất thải chăn nuôi và tiềm năng sử dụng phụ phẩm nông nghiệp theo hướng kinh tế tuần hoàn, chăn nuôi hữu cơ nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, bảo vệ môi trường chăn nuôi

a) Thực trạng xử lý chất thải chăn nuôi

* Tại nông hộ chăn nuôi:

Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thời điểm tháng 7/2022, tỷ lệ hộ chăn nuôi có biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi là 72%; còn 28% hộ chăn nuôi thải trực tiếp chất thải chăn nuôi vào môi trường. Trong đó, tỷ lệ xử lý chất thải 86% trong chăn nuôi lợn, 51% trong chăn nuôi gà, 65% trong chăn nuôi bò và 8% trong chăn nuôi trâu.

* Tại trang trại chăn nuôi:

Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thời điểm tháng 7/2022, số trang trại chăn nuôi có biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi đạt tỷ lệ 95%.

* Có 5 biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi theo hướng kinh tế tuần hoàn đang được áp dụng đó là:

(i) Công nghệ khí sinh học: xử lý chất thải chăn nuôi để sản xuất năng lượng sạch và phân bón hữu cơ.

Theo số liệu báo cáo của các tỉnh thời điểm tháng 7/2022, cả nước có trên 550 nghìn công trình khí sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi quy mô nông hộ và gần 200 nghìn công trình khí sinh học sử dụng công nghệ HDPE quy mô trang trại.

(ii) Đệm lót sinh học: xử lý chất thải chăn nuôi, cải thiện môi trường chăn nuôi và nguồn đệm lót sau xử lý dùng để bón cho cây trồng.

Theo số liệu báo cáo của các tỉnh thời điểm tháng 7/2022, cả nước có trên 12 triệu m² diện tích đệm lót sinh học được áp dụng ở cả quy mô nông hộ, trang trại, trong đó quy mô nông hộ chiếm trên 75%. Đệm lót sinh học chủ yếu áp dụng cho chăn nuôi gia cầm (chiếm 94%), lợn (chiếm 4%), cho cho bò (2%) và không đáng kể cho trâu.

(iii) Ủ bán phân làm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất phân bón.

Đây là một biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi truyền thống được người chăn nuôi áp dụng phổ biến. Trên 2,54 triệu hộ chăn nuôi và 135 nghìn trang trại chăn nuôi thực hiện ủ phân vật nuôi làm phân bón hữu cơ. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi áp dụng biện pháp ủ phân vật nuôi là 43% đối với gia cầm, 22% đối với lợn, 23% đối với bò và 11% đối với trâu, đối với vật nuôi khác không đáng kể.

(iv) Công nghệ vi sinh: Cả nước có trên 233 ngàn hộ chăn nuôi và trên 11 nghìn trang trại chăn nuôi sử dụng chế phẩm vi sinh trong xử lý chất thải và khử mùi trong chăn nuôi. Tỷ lệ hộ chăn nuôi sử dụng chế phẩm vi sinh vật để xử lý môi trường chăn nuôi là 55% đối với gia cầm, 30% đối với lợn, 14% đối với trâu, bò, các vật nuôi khác không đáng kể.

(v) Ngoài 4 biện pháp xử lý chính chất thải chăn nuôi nêu trên, chăn nuôi các loại côn trùng ăn chất thải chăn nuôi như trùn quế, lính ruồi đen hiện nay ở nhiều địa phương đã mang lại lợi ích kép cho người chăn nuôi thu được nguồn protein từ côn trùng phục vụ cho chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và phân bón hữu cơ từ phân của côn trùng.

b) Tiềm năng sử dụng phụ phẩm nông nghiệp theo hướng kinh tế tuần hoàn, chăn nuôi hữu cơ

Việt Nam hàng năm sản xuất một lượng lớn phụ phẩm nông nghiệp. Theo số liệu thống kê, tổng khối lượng phụ phẩm nông nghiệp trong năm 2020 của cả nước là trên 156,8 triệu tấn, trong đó trồng trọt chiếm 56,7%, chăn nuôi chiếm 39,1%; ngành lâm nghiệp chiếm 3,5% và ngành thủy sản 0,7%.

Phụ phẩm trồng trọt hiện đang được xử lý bằng các biện pháp như: đốt tại ruộng (chiếm 45,9%), làm thức ăn cho gia súc (chiếm 29,0%), bỏ lại tại ruộng (chiếm 8,6%), ủ phân (chiếm 5,0%), sử dụng cho trồng trọt (chiếm 4,1%), còn lại 7% được sử dụng cho các mục đích khác (củi trâu, nấm, độn chuồng....) (Viện Môi trường Nông nghiệp, 2020).

Trong khi còn lượng lớn phụ phẩm ngành trồng trọt chưa sử dụng thì lượng phụ phẩm được sử dụng theo hướng kinh tế tuần hoàn (làm thức ăn gia súc, ủ phân, đun nấu, mục đích khác) chiếm 45%, còn lại thải trực tiếp ra môi trường gây lãng phí lớn.

Trong khi còn lượng lớn chất thải chăn nuôi chưa được xử lý thải trực tiếp ra môi trường thì Việt Nam mới sử dụng 25% lượng phân bón hữu cơ, 75% còn lại là phân bón vô cơ; lượng phân bón nhập khẩu là 60%; kinh phí cho nhập khẩu phân bón mỗi năm là 1,45 triệu USD. Sự mất cân đối giữa phân bón vô cơ và hữu cơ đó dẫn đến những tác động tiêu cực đối với môi trường và sự phát triển nông nghiệp bền vững.

1.4. Chăn nuôi theo hướng hữu cơ và chứng nhận nông nghiệp hữu cơ lĩnh vực chăn nuôi

Chăn nuôi theo hướng hữu cơ đã được các cơ sở chăn nuôi tại các tỉnh thành trên cả nước quan tâm thực hiện, góp phần bảo vệ môi trường và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Tuy nhiên, sản phẩm chăn nuôi được chứng nhận là sản phẩm hữu cơ còn hạn chế.

Từ năm 2018 đến nay, Cục Chăn nuôi đã cấp, cấp lại giấy chứng nhận cho 14 tổ chức chứng nhận để thực hiện hoạt động đánh giá chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ đối với sản phẩm chăn nuôi hữu cơ và sữa hữu cơ. Theo báo cáo của các tổ chức chứng nhận nêu trên, đến hết ngày 15/10/2022, chỉ có 19 cơ sở chăn nuôi được chứng nhận sản phẩm sản xuất phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ lĩnh vực chăn nuôi.

Hoạt động chứng nhận hữu cơ sản phẩm chăn nuôi thực tế khó phát triển do năng suất thấp, giá thành chăn nuôi và chứng nhận cao, chưa nhận được nhiều sự tin tưởng của khách hàng và chỉ hướng đến một số lượng ít phân khúc khách hàng cao cấp. Giá thành sản phẩm chăn nuôi hữu cơ cũng chưa phù hợp với mức thu nhập trung bình của người dân Việt Nam.

1.5. Các mô hình chăn nuôi theo hướng kinh tế tuần hoàn, chăn nuôi hữu cơ đang áp dụng trong chăn nuôi

a) Mô hình chăn nuôi ruồi lính đen xử lý chất thải chăn nuôi/phụ phẩm nông nghiệp, ấu trùng làm thức ăn chăn nuôi, chất thải làm phân bón hữu cơ cho cây trồng.

b) Mô hình chăn nuôi giun quế xử lý chất thải chăn nuôi, sử dụng sản phẩm làm thức ăn chăn nuôi, chất thải làm phân bón hữu cơ cho cây trồng.

c) Mô hình sử dụng phụ phẩm trồng trọt, lâm nghiệp làm đệm lót sinh học trong chăn nuôi.

d) Mô hình sử dụng phụ phẩm trồng trọt ủ phân chuồng làm phân bón hữu cơ.

e) Mô hình xử lý, sử dụng phụ phẩm trong trồng trọt (ủ rơm, thân cây ngô,...) làm thức ăn chăn nuôi.

f) Mô hình xử lý, tái sử dụng nước thải chăn nuôi làm phân bón dạng lỏng cho cây trồng theo QCVN 01-195:2022/BNNPTNT.

g) Mô hình xử lý chất thải chăn nuôi bằng công trình khí sinh học (biogas) tạo năng lượng tái tạo phục vụ sản xuất và sinh hoạt của con người.

1.6. Một số văn bản quy định và chính sách pháp luật liên quan đến kinh tế tuần hoàn, chăn nuôi hữu cơ

Các văn bản đã được ban hành gồm:

- Luật Chăn nuôi năm 2018.
- Luật Trồng trọt năm 2018.
- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020.
- Kế hoạch cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021.
- Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022.
- Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021.
- Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020; Quyết định số 5317/QĐ-BNN-CBTTNS ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT triển khai Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030.
- Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022.
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 05/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030.
- Thông tư 19/2019/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng; Thông tư 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác.
- Hệ thống TCVN, QCVN về chăn nuôi theo hướng kinh tế tuần hoàn, chăn nuôi hữu cơ đã được ban hành: Bộ TCVN 11041 về Nông nghiệp hữu cơ; QCVN 01-195:2022/BNNPTNT về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

1.7. Đánh giá chung

a) Thuận lợi

Phát triển chăn nuôi theo hướng kinh tế tuần hoàn, chăn nuôi hữu cơ giảm phát thải ảnh hưởng đến môi trường nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị; sự ủng hộ của bạn bè quốc tế.

Hệ thống văn bản, chính sách liên quan đến kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ như: Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, chiến lược phát triển ngành nông nghiệp bền vững, đề án kinh tế tuần hoàn, đề án nông nghiệp hữu cơ đã được Thủ tướng Chính phủ ký, ban hành. Trong đó thể hiện rõ kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ là hướng đi tất yếu để phát triển bền vững, nâng cao năng suất lao động.

Nhiều tiến bộ kỹ thuật về công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp được nghiên cứu, cập nhật và chuyển giao cho sản xuất đã góp phần tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, giảm phát thải khí nhà kính bảo vệ môi trường.

QCVN 01-195:2022/BNNPTNT về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng đã được ban hành, giúp người dân/doanh nghiệp có cơ sở pháp lý tái sử dụng chất thải, phát triển chăn nuôi theo hướng kinh tế tuần hoàn.

Một số mô hình nông nghiệp theo hướng kinh tế tuần hoàn đã cải thiện rõ rệt hiệu quả kinh tế, tạo động lực để lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng người làm nông nghiệp.

b) Khó khăn

Thể chế pháp luật về tái chế, tái sử dụng chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp theo hướng kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải chưa đầy đủ; thiếu chính sách thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp tuần hoàn; thiếu sự liên kết giữa các chuỗi giá trị trong ngành nông nghiệp (VD: chuỗi ngành hàng trồng trọt, bảo vệ thực vật, ngành hàng chăn nuôi...) và thiếu hệ thống dữ liệu thông tin phụ phẩm nông nghiệp nên việc đánh giá tiềm năng sử dụng còn hạn chế.

Vùng nguyên liệu đầu vào để thực hiện tuần hoàn chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp chưa ổn định. Điều này gây khó khăn cho việc kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào quá trình xử lý để tạo ra sản phẩm mới.

Hầu hết các mô hình sử dụng phế phụ phẩm, chất thải phân tán, nhỏ lẻ và tự phát nên khó triển khai trên diện rộng. Đầu tư cho nghiên cứu công nghệ, vật liệu phụ trợ để thực hiện tuần hoàn chất thải còn hạn chế, phụ thuộc nhiều vào nguồn nhập khẩu từ nước ngoài.

Các Hướng dẫn kỹ thuật thu gom, xử lý, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp mới ban hành hoặc đang trong quá trình xây dựng, do vậy thực tế triển khai còn nhiều hạn chế.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI THEO HƯỚNG KINH TẾ TUẦN HOÀN, CHĂN NUÔI HỮU CƠ ĐẾN NĂM 2030

1.1. Quan điểm phát triển

Phụ phẩm nông nghiệp là nguồn tài nguyên quý cần khai thác hiệu quả. Việc xử lý và tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

Chăn nuôi phải gắn với trồng trọt và các ngành khác để hình thành chuỗi kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp. Tận dụng tối đa và sử dụng có hiệu quả tiềm năng về phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi để phát triển chăn nuôi bền vững, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường chăn nuôi.

1.2. Mục tiêu

Phấn đấu đến năm 2030:

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về xử lý, tái sử dụng chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp.

- Lượng phụ phẩm cây trồng chính được thu gom, xử lý, sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, đệm lót sinh học trong chăn nuôi, ủ phân hữu cơ đạt 100%.

- Lượng chất thải hữu cơ từ hoạt động chăn nuôi được thu gom, xử lý, tận dụng cho các mục đích khác nhau, bao gồm: làm phân bón hữu cơ thương mại; bón, tưới cho cây trồng; nuôi động vật khác; sản xuất năng lượng tái tạo và đầu vào cho các quá trình khác đạt 90%.

- Đến năm 2025, Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ đạt khoảng 1 - 2% tính trên tổng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong nước. Các sản phẩm chăn nuôi được chứng nhận hữu cơ theo tiềm năng thế mạnh được ưu tiên: Sữa, sản phẩm mật ong, sản phẩm yến sào, thịt gia súc gia cầm. Đến năm 2030, tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ đạt khoảng 2-3% tính trên tổng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong nước. Các sản phẩm chăn nuôi được chứng nhận hữu cơ bao gồm: Sữa, sản phẩm mật ong, sản phẩm yến sào, thịt gia súc gia cầm.

- Xây dựng 6 mô hình chăn nuôi kinh tế tuần hoàn.

- Giá trị sản phẩm chăn nuôi từ các trang trại ứng dụng chuỗi giá trị chăn nuôi 4F (Feed-Farm-Food-Fertilizer: Thức ăn-Trang trại-Thực phẩm-Phân bón) hoặc chăn nuôi tuần hoàn (kín hoặc mở) tính trên tổng giá trị sản phẩm ngành chăn nuôi đạt 30%.

- Thu hút được ít nhất 3 doanh nghiệp lớn đầu tư chế biến phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất khác.

1.3. Giải pháp thực hiện

a) Hoàn thiện cơ chế, chính sách

Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp/người chăn nuôi đầu tư xử lý phụ phẩm nông nghiệp theo hướng kinh tế tuần hoàn, chăn nuôi hữu cơ.

Hoàn thiện các quy định liên quan đến thị trường tài chính tín chỉ các bon từ khí sinh học ngành chăn nuôi; quy định liên quan đến kiểm kê khí nhà kính ngành chăn nuôi, góp phần thúc đẩy phát triển chăn nuôi theo hướng kinh tế tuần hoàn, chăn nuôi hữu cơ.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Bộ tài liệu kỹ thuật hướng dẫn quy trình thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp cho mục đích khác.

Hoàn thiện hệ thống TCVN, QCVN, quy định kỹ thuật đối với sản phẩm chế biến từ phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bộ TCVN về nông nghiệp hữu cơ.

b) Về khoa học công nghệ, đào tạo tập huấn và chuyển giao sản xuất

Tăng cường chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn chất thải đến tổ chức, cá nhân chăn nuôi.

Khuyến khích nghiên cứu phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới để xử lý chất thải chăn nuôi, sản xuất phân bón hữu cơ, sản xuất năng lượng tái tạo, nuôi côn trùng/sinh vật có ích để chuyển hóa chất thải thành phân bón hữu cơ đồng thời sản xuất protein, chất tách chiết từ ấu trùng côn trùng, sinh vật có ích.

Tăng cường nghiên cứu phát triển và nhập khẩu công nghệ để sản xuất sản phẩm probiotic, chế phẩm vi sinh, enzyme nhằm hỗ trợ tiêu hóa, tăng sức đề kháng và giúp xử lý chất thải, cải thiện môi trường chăn nuôi.

Phát triển mô hình chăn nuôi tuần hoàn, chăn nuôi theo hướng hữu cơ nâng cao hiệu quả kinh tế sinh thái chăn nuôi.

Xây dựng và hoàn thiện các quy trình, các hướng dẫn kỹ thuật về thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi, phân bón cho cây trồng và năng lượng tái tạo và chuyển giao cho sản xuất.

c) Cơ sở dữ liệu về phụ phẩm nông nghiệp

Tổ chức thực hiện tổng điều tra 5 năm một lần về sinh khối, mức độ cơ giới hóa, công nghệ áp dụng, tỷ lệ sử dụng phụ phẩm của toàn ngành nông, lâm, thủy sản để xây dựng chiến lược hoặc đề án tổng thể nâng cao hiệu quả sử dụng phụ phẩm toàn ngành trong giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030.

Thực hiện đánh giá định kỳ 5 năm/lần về trình độ và năng lực công nghệ trong thu gom, xử lý, chế biến phụ phẩm nông nghiệp; đánh giá chi tiết các nội dung: Hiện trạng, trình độ công nghệ, thiết bị sản xuất; hiệu quả khai thác công nghệ; năng lực tổ chức, quản lý; năng lực nghiên cứu phát triển, năng lực đổi mới sáng tạo và hệ số đồng bộ về trình độ và năng lực công nghệ xử lý, chế biến.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về phụ phẩm toàn ngành nông, lâm, thủy sản từ các cơ sở dữ liệu thành phần của ngành trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản để phục vụ cho quản lý ngành.

d) Về đào tạo, phát triển nguồn lực

Các trường đại học, cơ sở đào tạo xây dựng các nội dung, chương trình đào tạo liên quan đến quy trình công nghệ áp dụng để chế biến phụ phẩm phục vụ sản xuất chăn nuôi; nuôi côn trùng xử lý chất thải/làm thức ăn chăn nuôi/phân bón cho cây trồng; quy trình công nghệ sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi.

Lồng ghép các chương trình khuyến nông nội dung tập huấn về kỹ thuật xử lý, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi để lan tỏa trong cộng đồng.

e) Các dự án ưu tiên

Nuôi côn trùng để xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi/ phân bón cho cây trồng.

Sản xuất khí sinh học quy mô trang trại từ chất thải chăn nuôi lợn.

Sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi lợn/gà/bò./.

CỤC CHĂN NUÔI

Phụ lục:

DANH SÁCH TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN ĐƯỢC CỤC CHĂN NUÔI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM PHÙ HỢP TCVN VỀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

TT	Tổ chức chứng nhận	Địa chỉ
1	Trung tâm Giám định và Chứng nhận Hợp chuẩn Hợp quy (Vietcert)	28 An Xuân, phường An Khê, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng
2	Công ty Cổ phần chứng nhận và giám định Vinacert	Tầng 4, tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Công ty Cổ phần chứng nhận và giám định IQC	Ô 6/BT4, khu đô thị mới Cầu Bươu, Thanh Trì, Hà Nội
4	Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa	17 Dốc Ga, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
5	Trung tâm Chứng nhận sự phù hợp (Quacert)	08 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
6	Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm nghiệm FAO	E4-2, Lê Văn Tương, Phường Phú Thứ quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
7	Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP	số 298, Phố Mai Anh Tuấn, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội Giao dịch: số nhà 25, nhà vườn 5, khu nhà ở Tổng cục 5, Yên Xá, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội
8	Công ty TNHH Giám định Vinacontrol TP.Hồ Chí Minh	80 Bà Huyện Thanh Quan, phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
9	Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 3	1105 Lê Hồng Phong, phường Phước Long, Nha Trang, Khánh Hòa
10	Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng	Số 52, ngõ 46, Đường Liên Mạc, Phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
11	Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 2	167-175 Chương Dương, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng
12	Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định Quốc tế ISOCERT	Số 40 dãy A, Lô 12, KĐT mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội
13	Công ty TNHH Công nghệ Nho Nho	K2-17, đường Võ Nguyên Giáp, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ)
14	Công ty TNHH chứng nhận TNV Việt Nam	Số 5/6 Tổ 2, phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP. Hà Nội.

HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN TẠI VIỆT NAM

Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Việt Nam là nước có truyền thống lâu đời về sản xuất nông nghiệp, cái nôi của nền văn minh lúa nước dựa trên những điều kiện lợi thế về tự nhiên, thổ nhưỡng, khí hậu, con người cần cù, chăm chỉ lao động sáng tạo. Trong mọi điều kiện hoàn cảnh, nông nghiệp nước ta luôn khẳng định vai trò trụ đỡ cho nền kinh tế. Trong những năm qua, Việt Nam đã hình thành nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, có độ mở cao, liên kết với nhiều ngành, lĩnh vực trong nước và quốc tế; có thị trường xuất khẩu tới hơn 185 quốc gia và vùng lãnh thổ với kim ngạch đạt được 48,6 tỷ USD (năm 2021). Việt Nam cũng nằm trong số những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới (duy trì xuất khẩu từ 6,0-6,5 triệu tấn/năm), nhiều mặt hàng xuất khẩu tỷ đô như gạo, cà phê, rau quả, điều, thủy sản, gỗ,...

Tuy nhiên, cũng giống như nhiều quốc gia trên thế giới, nông nghiệp nước ta cũng phải chịu rất nhiều tác động từ các yếu tố khách quan và chủ quan như biến đổi khí hậu diễn ra nhanh hơn, mạnh hơn dự kiến; thiên tai, dịch bệnh ngày càng có tính đột biến, khó lường; diện tích đất sản xuất ngày càng bị thu hẹp do quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa; đất đai bị khai thác hết khả năng có thể tái tạo dẫn đến thoái hóa, khô cằn hoặc bị xâm nhập mặn (khu vực Đồng bằng sông Cửu Long); sự chuyên dịch lao động nông nghiệp sang các ngành, lĩnh vực khác. Đặc biệt, sản xuất nông nghiệp cũng gây phát sinh lớn phụ phẩm, khi quản lý không phù hợp sẽ gây ô nhiễm môi trường và lãng phí nguồn chất hữu cơ.

Những khó khăn, thách thức đó đòi hỏi sản xuất nông nghiệp cần phải xác định, lựa chọn những hướng đi đúng đắn, khai thác tối đa các lợi thế so sánh để phát triển theo chiều sâu, khẳng định giá trị và thương hiệu sản phẩm nông nghiệp có chất lượng cao gắn với các mục tiêu phát triển bền vững; trong đó phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ là xu thế tất yếu, phù hợp trong điều kiện hiện nay. Hệ thống canh tác nông nghiệp hữu cơ đã và đang là xu hướng phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới khi áp lực về lương thực giảm đi, trong khi áp lực về vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng nông sản và môi trường tăng lên. Sản xuất nông nghiệp hữu cơ sẽ mang lại một số lợi ích sau: (1) Gia tăng giá trị kinh tế cao hơn các sản phẩm thông thường; (2) Đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng; (3) Sản xuất nông nghiệp hữu cơ không gây ảnh hưởng đến môi trường như nguồn nước, không khí, đất; (4) Sản xuất nông nghiệp hữu cơ có thể kết hợp với du lịch để mang lại thu nhập cao hơn cho người sản xuất. Hơn nữa, ở góc độ nền kinh tế nông nghiệp tuần hoàn gắn với tăng trưởng xanh, phụ phẩm trong nông, lâm, thủy sản phải được xem là nguồn tài nguyên tái tạo, chứ không phải là chất thải. Nguồn nguyên liệu này cần được xem là đầu vào quan trọng, kéo dài chuỗi giá trị gia tăng trong nông nghiệp.

Do vậy, trong thời gian tới, nông nghiệp hữu cơ đang được xác định là xu thế phát triển và sẽ phát triển nhanh do đảm bảo cung cấp được các sản phẩm tốt hơn cho sức khỏe con người và cho xã hội. Bên cạnh phát triển sản xuất hữu cơ, việc sử dụng có hiệu quả các phế phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp cũng góp phần bảo vệ sự phát triển bền vững của môi trường, nâng cao giá trị gia tăng, hướng tới xuất khẩu, góp phần định vị và nâng cao thương hiệu sản phẩm nông nghiệp Việt Nam trên bản đồ nông nghiệp thế giới, đồng thời cũng phù hợp với những cam kết của Việt Nam tại Hội nghị thượng đỉnh Liên hiệp quốc về chống biến đổi khí hậu (COP21) tại Paris năm 2016.

I. HIỆN TRẠNG

1.1. Công tác chỉ đạo, xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn

Ngày 29/8/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/2018/NĐ-CP về Nông nghiệp hữu cơ (gọi tắt là Nghị định 109). Theo đó, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Thông tư số 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2019 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030 tại Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2018 (gọi tắt là Đề án 885).

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Kế hoạch hành động triển khai Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030 tại Quyết định số 5317/QĐ-BNN-CBTTNS ngày 28/12/2020.

Bộ Khoa học và Công nghệ đã công bố 13 TCVN về nông nghiệp hữu cơ (về yêu cầu chung đối với sản xuất, chế biến và ghi nhãn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; về yêu cầu đối với tổ chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; trồng trọt hữu cơ; chăn nuôi hữu cơ; gạo hữu cơ; chè hữu cơ; tôm hữu cơ; sữa hữu cơ...).

Các Bộ, Ngành lồng ghép chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ hiện nay chủ yếu được lồng ghép với các nhóm chính sách chung đã ban hành về khoa học, khuyến nông, đầu tư.

Các địa phương đã ban hành các văn bản hướng dẫn riêng về hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hữu cơ phù hợp với đặc điểm của mỗi địa phương, theo Nghị định 109 và Đề án 885.

1.2. Kết quả

1.2.1. Chính sách hỗ trợ

- Nhiều địa phương đã bước đầu quy hoạch vùng sản xuất hữu cơ và hỗ trợ ban đầu cho một số mô hình sản xuất hữu cơ, hoặc huy động đóng góp từ doanh nghiệp, hoặc có sự hỗ trợ của dự án nước ngoài.

- Có 23 tỉnh, thành phố đã xây dựng và ban hành các đề án hoặc kế hoạch và chính sách của địa phương nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn (10 tỉnh ban hành Đề án với chính sách và 13 tỉnh ban hành Kế hoạch với chính sách); Có 38 tỉnh, thành phố ban hành lồng ghép chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với các chính sách chung về nông nghiệp của địa phương (ví dụ: Nông nghiệp công nghệ cao).

- Các địa phương có chính sách riêng về phát triển nông nghiệp hữu cơ rất sớm là Hòa Bình, Lào Cai, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Kon Tum, Lâm Đồng, Vũng Tàu, Tiền Giang, Bến Tre, Sóc Trăng.

1.2.2. Công tác phổ biến, tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức, năng lực

Công tác phổ biến, tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức, năng lực cho các đối tượng tham gia vào quá trình quản lý, sản xuất, chứng nhận, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, phổ biến yêu cầu của thị trường nhập khẩu... được triển khai dưới nhiều hình thức (hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tập huấn, truyền thông trên các phương tiện truyền hình, phát thanh, báo chí...).

1.2.3. Kết quả đạt được (Theo số liệu của Viện Nghiên cứu Nông nghiệp hữu cơ và báo cáo của Tổ chức nông nghiệp hữu cơ thế giới):

- Số lượng tỉnh, thành phố cả nước tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ hoặc đang chuyển đổi sang canh tác hữu cơ là 62 tỉnh trong năm 2022 (năm 2018 là 46 tỉnh);

- Tổng diện tích đất nông nghiệp hữu cơ Việt Nam khoảng trên 175 nghìn ha, tăng 50% so với năm 2016 (*trồng trọt hữu cơ đạt 63.536 ha, tăng 19% ; nuôi trồng thủy sản hữu cơ đạt 100.000 ha, tăng 71,8%; thu hái tự nhiên nông nghiệp hữu cơ đạt 12.450 ha, tăng 72,7%*);

- Chung loại sản phẩm được chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ ngày càng mở rộng (đối với cả tiêu chuẩn trong nước và nước ngoài);

- Lực lượng các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh nông nghiệp hữu cơ ngày một đông đảo: khoảng 17.500 chủ thể (đơn vị, cá nhân) tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ; khoảng 600 chủ thể chế biến; xuất khẩu là 60 doanh nghiệp và nhập khẩu là 40 doanh nghiệp; kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 350 triệu USD/năm.

- **Cùng với các mô hình do** Trung tâm Khuyến nông Quốc gia triển khai, nhiều địa phương đã tranh thủ điều kiện thuận lợi tự nhiên triển khai quy hoạch vùng sản xuất hữu cơ và hỗ trợ ban đầu xây dựng thành công mô hình điểm sản xuất hữu cơ trên cả 4 lĩnh vực trồng trọt, thủy sản, chăn nuôi và lâm nghiệp.

1.2.4. Về kinh tế tuần hoàn

Hàng năm sản xuất nông nghiệp Việt Nam gây phát sinh một khối lượng rất lớn phụ phẩm, rất đa dạng, tiềm năng lớn. Tổng khối lượng phụ phẩm năm 2020 của cả nước là trên 156,8 triệu tấn, bao gồm: 88,9 triệu tấn phụ phẩm sau thu hoạch từ cây trồng, từ quá

trình chế biến nông sản của ngành trồng trọt (chiếm 56,7%); 61,4 triệu tấn phân gia súc, gia cầm từ ngành chăn nuôi (chiếm 39,1%); 5,5 triệu tấn từ ngành lâm nghiệp (chiếm 3,5%) và khoảng gần 1 triệu tấn từ ngành thủy sản (10,6%) (Tổng cục Thống kê, 2021). Phụ phẩm trong chế biến nông sản thường là các chất hữu cơ, giàu chất xơ và các chất dinh dưỡng khác. Các phụ phẩm này có tiềm năng và cơ hội phát triển rất lớn trong các ngành năng lượng sinh khối, chế biến thực phẩm, mỹ phẩm, sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất phân bón, công nghiệp chế tạo... Tái sử dụng phế phẩm, phụ phẩm nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế, giảm phát khí thải nhà kính, bảo vệ môi trường, qua đó góp phần hướng tới một nền kinh tế xanh và bền vững.

Nhu cầu của các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi trong và ngoài nước đang rất cần các phế phẩm nông nghiệp vì giá trị dinh dưỡng cao nên phù hợp để chế biến thức ăn chăn nuôi như: chất xơ, protein và nhiều chất dinh dưỡng khác. Sản phẩm thức ăn chăn nuôi từ phụ phẩm trồng trọt hiện đang là một sản phẩm xuất khẩu có tiềm năng lớn.

Trước đây sản phẩm phụ từ chế biến thủy sản được xem như một chất thải, nhưng ngày nay được sử dụng trong sản xuất thức ăn chăn nuôi (không chỉ ở dạng bột cá và dầu cá), nhiên liệu sinh học, khí sinh học, các sản phẩm dinh dưỡng (chitosan), dược phẩm (dầu omega-3), chất màu tự nhiên, mỹ phẩm, các chất thay thế cho nhựa...

Việc tái sử dụng phụ phẩm tại cơ sở tập trung tuyệt đại đa số ở các doanh nghiệp chế biến, các hộ chế biến thủ công tỷ lệ này rất thấp. Nguyên nhân do các doanh nghiệp có quy mô lớn, sản lượng phụ phẩm tạo ra nhiều, nếu không có biện pháp xử lý tái sử dụng sẽ gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và không mang lại giá trị kinh tế cho doanh nghiệp. Hơn nữa, các doanh nghiệp có tiềm lực về vốn, cơ hội tiếp cận công nghệ xử lý tái sử dụng phụ phẩm tốt hơn so với các cơ sở chế biến thủ công. Vì vậy, tỷ lệ tiêu thụ, bán cho cơ sở thu mua khác đối với phụ phẩm tạo ra tại các hộ chế biến thủ công rất cao, đạt trên 90%, còn tại doanh nghiệp đạt trên 47%; tỷ lệ phụ phẩm không được tái sử dụng, phế thải tại doanh nghiệp chế biến rất thấp nhỏ hơn 1%, tại hộ chế biến thủ công đạt 6,82%.

Hình thức tái sử dụng phụ phẩm trong chế biến nông sản tại các doanh nghiệp đa dạng và phong phú hơn so với hộ thủ công. Kết quả điều tra cho thấy, tại các hộ chế biến thủ công phụ phẩm chủ yếu được tái sử dụng bằng các hình thức đơn giản như làm chất đốt từ vỏ trấu, vỏ điều; làm thức ăn chăn nuôi từ cám gạo, bã sắn; phân bón từ vỏ trấu dùng làm tăng độ xốp của đất; tạo nhiên liệu sinh học (dầu vỏ hạt điều); tiêu thụ, bán cho cơ sở thu mua có nhu cầu hoặc phế thải.

Ở góc độ nền kinh tế nông nghiệp tuần hoàn gắn với tăng trưởng xanh, phụ phẩm trong nông, lâm, thủy sản phải được xem là nguồn tài nguyên tái tạo, chứ không phải là chất thải. Nguồn nguyên liệu này cần được xem là đầu vào quan trọng, kéo dài chuỗi giá trị gia tăng trong nông nghiệp.

Hiện thế giới cũng đang quan tâm nhiều đến khả năng ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý môi trường và tái tạo rác phế thải từ nông nghiệp thành những sản phẩm sạch, vừa hiệu quả vừa an toàn. Công nghệ xử lý, chế biến phụ phẩm cũng ngày càng phát triển.

1.3. Đánh giá chung

1.3.1. Những mặt được

- Hầu hết các Bộ Ngành và địa phương trên cả nước đều quan tâm và chỉ đạo, hướng dẫn, khuyến khích sản xuất hữu cơ, tạo sự lan tỏa trong cộng đồng người sản xuất, doanh nghiệp; Số lượng các mô hình sản xuất và liên kết sản xuất, tiêu thụ theo quy trình canh tác hữu cơ tại các địa phương ngày càng nhiều giúp cho diện tích sản xuất hữu cơ tăng nhanh, qua đó nâng cao chất lượng nông sản so với canh tác theo phương thức truyền thống.

- Hệ thống văn bản quy phạm về nông nghiệp hữu cơ nói chung và các văn bản hướng dẫn đối với từng lĩnh vực được các cơ quan bộ ngành ở trung ương và địa phương quan tâm hoàn thiện và bổ sung đầy đủ.

- Nhận thức và sự quan tâm của xã hội, người tiêu dùng đối với các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ có chất lượng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và được chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế ngày càng được nâng lên.

- Các mô hình điểm về sử dụng phế phụ phẩm như:

+ Thay thế sử dụng phân bón hóa học bằng: (i) rơm rạ được xử lý ngay tại đồng ruộng bằng chế phẩm sinh học vừa ngăn chặn được hiện tượng ngộ độc hữu cơ do rơm rạ gây ra, vừa giảm được lượng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho cây lúa; (ii) tận dụng trái cây thải loại;

+ Chuỗi trồng trọt - chăn nuôi liên hoàn, khép kín;

+ Trang trại/ làng du lịch sinh thái, du lịch canh nông.

1.3.2. Một số khó khăn, hạn chế

- Về sản xuất

+ Thói quen của người dân trong việc sử dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học vẫn còn phổ biến nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng suất, sản lượng, là thách thức lớn cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Việc chuyển đổi nhận thức và cách làm cần có thời gian để thực hiện.

+ Sản xuất nông nghiệp hữu cơ còn manh mún, diện tích còn khiêm tốn và không tập trung, các khu vực sản xuất hữu cơ bước đầu đang ở dạng mô hình với diện tích nhỏ và đang trong quá trình áp dụng thử nghiệm dẫn đến chi phí đầu tư cao;

+ Việc chuyển đổi sản xuất gặp nhiều khó khăn do một số vùng sản xuất đã trải qua thời gian dài áp dụng phương pháp canh tác thâm canh dựa vào hóa học nên đất trồng, nguồn

nước, hệ sinh thái bị suy giảm chất lượng, cần có chính sách khuyến khích tổ chức thực hiện từng bước, đánh giá rút kinh nghiệm trước khi áp dụng trên diện rộng;

+ Vùng có đủ điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp hữu cơ hiện nay tập trung tại vùng trung du và miền núi. Tuy nhiên, điều kiện địa hình ở những khu vực này còn nhiều khó khăn, chia cắt, đất có độ dốc lớn, giao thông đến các vùng sản xuất còn hạn chế gây khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ;

+ Việc quy hoạch, liên kết vùng, liên kết doanh nghiệp trong nông thôn còn bất cập, tổ chức sản xuất theo chuỗi chưa triển khai được trên diện rộng nên chưa đem lại hiệu quả rõ rệt; việc xác định và tạo lập vùng sản xuất đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn tổ chức sản xuất và chứng nhận hữu cơ còn gặp khó khăn do tiêu chí khắt khe so với điều kiện của một số địa phương;

+ Tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ còn ít cả về số lượng và quy mô, mức độ đầu tư. Sự vào cuộc của các doanh nghiệp có khả năng liên kết sản xuất, tiêu thụ còn hạn chế.

+ Chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về chuỗi khép kín trong sản xuất, chế biến hữu cơ nên nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn, vướng mắc;

+ Chưa có nghiên cứu chuyên sâu hoặc các ứng dụng khoa học công nghệ phù hợp để tận dụng được các phế phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp; chi phí đầu tư cho công nghệ cao; các mô hình chuỗi liên hoàn, khép kín chưa được nhân rộng...

- Về tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ

+ Còn thiếu một số tiêu chuẩn như TCVN nông nghiệp hữu cơ về nuôi trồng thủy sản, nhóm vật tư đầu vào phục vụ sản xuất và một số nhóm sản phẩm nông sản chủ lực khác;

+ Chưa triển khai việc đánh giá, công bố danh sách các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài hài hòa với tiêu chuẩn quốc gia được áp dụng tại Việt Nam;

+ Nhận thức chưa đồng đều của người sản xuất, do vậy việc áp dụng thực hành các TCVN về trồng trọt, chăn nuôi trong thực tiễn cho các cây, con khác nhau còn khó khăn do chưa có quy trình, tài liệu hướng dẫn thực hiện các bước để thuận tiện cho việc áp dụng.

- Về quản lý vật tư đầu vào

Chưa có hướng dẫn cụ thể về danh mục vật tư đầu vào (phân bón, thức ăn gia súc, thuốc thảo mộc, chế phẩm sinh học...) được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ nên gây khó khăn, lúng túng cho người sản xuất và khó khăn cho tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.

- Về kinh doanh

+ Thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ trong nước chưa phát triển, chủ yếu là sản phẩm nhập khẩu, tiêu thụ tập trung tại các kênh phân phối hiện đại và phục vụ thị phần nhỏ khách hàng trung và cao cấp;

+ Có sự cạnh tranh không lành mạnh giữa sản phẩm hữu cơ có chứng nhận và sản phẩm “hữu cơ tự xưng” (sản phẩm không có chứng nhận nhưng được ghi trên bao bì, nhãn mác là sản phẩm hữu cơ) khiến cho doanh nghiệp có chứng nhận bị thiệt hại và người tiêu dùng bị nhầm lẫn; Người tiêu dùng chưa thực sự tin tưởng vào chất lượng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ do chưa phân biệt được chất lượng của sản phẩm hữu cơ so với sản phẩm thông thường;

+ Giá thành sản phẩm hữu cơ còn cao do phải trải qua nhiều khâu trung gian khi đến tay người tiêu dùng, do đó chưa thu hút được sự quan tâm, chấp nhận của người tiêu dùng trong nước;

+ Công tác quản lý thị trường đối với sản phẩm hữu cơ và vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất hữu cơ có nhiều bất cập (thiếu kinh phí kiểm tra, kiểm nghiệm, thiếu nhân lực, thẩm quyền không đầy đủ để kiểm tra, xử lý, ...).

II. GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN TẠI VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

2.1. Đối với nông nghiệp hữu cơ

- Về sản xuất

Sau gần 3 năm kể từ khi Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ ra đời, nông nghiệp hữu cơ đã có những tác động tích cực ban đầu. Tuy nhiên, để đưa sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam từ phong trào tự phát phát triển thành một trong các phương thức sản xuất nông nghiệp chính thì vẫn còn rất nhiều việc cần phải làm như:

+ Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ từ Trung ương đến địa phương; xây dựng các cơ chế, chính sách riêng hỗ trợ cho phát triển các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực, có lợi thế của mỗi địa phương...

+ Phát triển đa dạng các hình thức tổ chức sản xuất sản phẩm hữu cơ và triển khai nhân rộng các mô hình thành công: (i) Các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm hữu cơ tại các vùng sản xuất tập trung tạo ra hàng hóa quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực. (ii) Các hình thức sản xuất quy mô hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ hợp tác sản xuất các sản phẩm đặc sản bản địa, sản phẩm khai thác từ tự nhiên có giá trị gia tăng cao và giá trị truyền thống. (iii) Đẩy mạnh phong trào xây dựng làng hữu cơ, vườn cây hữu cơ gắn với thu gom rác thải, làm phân hữu cơ, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp ở các xã nông thôn mới.

+ Sản xuất nông nghiệp hữu cơ có giá trị gia tăng cao, bền vững, thân thiện với môi trường sinh thái, gắn với kinh tế nông nghiệp tuần hoàn phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu;

+ Sản phẩm nông nghiệp được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam, khu vực và thế giới ngày càng tăng.

- Về thương mại

Bên cạnh việc hoàn thiện các cơ chế chính sách hỗ trợ thúc đẩy sản xuất, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã quan tâm chú trọng các hoạt động thông tin tuyên truyền, hỗ trợ tìm kiếm thông tin về nhu cầu thị trường, kết nối thị trường, tìm đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp hữu cơ thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối sản xuất tiêu thụ trong và ngoài nước. Cụ thể như:

Tại các hội thảo, diễn đàn về nông nghiệp hữu cơ, bên cạnh việc bố trí khu vực để các doanh nghiệp trưng bày và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp hữu cơ đã có chứng nhận, Bộ đã tổ chức kết nối, ký kết ghi nhớ hợp tác liên kết cung ứng theo chuỗi sản xuất - phân phối - tiêu thụ giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tạo lập mạng lưới phân phối sản phẩm hữu cơ, phối hợp thí điểm xây dựng một số chợ đầu mối nông sản đảm bảo an toàn thực phẩm theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp. Một số hoạt động hợp tác như: thỏa thuận hợp tác giữa Công ty TNHH Hưng Thịnh và Công ty Binca Seafoods An Giang nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp của Việt Nam cung cấp thức ăn để nuôi cá, tôm hữu cơ; Thỏa thuận hợp tác giữa Trung tâm Xúc tiến thương mại Nông nghiệp-Bộ Nông nghiệp và PTNT, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tây Ninh, Saigon Co.op, Viện Kinh tế nông nghiệp hữu cơ và Công ty CP Organic Life nhằm kết nối nguồn lực để cung cấp thông tin về sản phẩm hữu cơ và thực phẩm sạch cho cộng đồng.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã và đang phối hợp với các Bộ ngành, địa phương và các tổ chức trong và ngoài nước triển khai xây dựng các chương trình, kế hoạch hàng năm về nghiên cứu, hỗ trợ kết nối thị trường, xúc tiến thương mại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ có thương hiệu, được sản xuất theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

2.2. Đối với phát triển kinh tế tuần hoàn

- Tiếp tục xây dựng, đổi mới hiệu lực, hiệu quả của hệ thống cơ chế, chính sách đầu tư để (i) khuyến khích áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, bao gồm tuần hoàn hở, gắn từng khâu khác nhau và tuần hoàn kín để tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; (ii) hấp dẫn các doanh nghiệp tham gia thông qua mặt bằng đất nông nghiệp sạch, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, giảm thuế nhập khẩu trang thiết bị, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học để đầu tư vào lĩnh vực thu gom, đóng gói, vận chuyển, bảo quản, chế biến các phụ phẩm trồng trọt, chăn nuôi.

- Xây dựng cơ chế, chính sách để thúc đẩy việc nghiên cứu phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ sạch trong lĩnh vực xử lý, chế biến phụ phẩm chăn nuôi để sản xuất, chế biến thức ăn cho vật nuôi; sản xuất phân bón hữu cơ các loại; sản xuất năng lượng tái tạo từ sinh khối phụ phẩm nông nghiệp; sản xuất các loại dầu sinh học và năng lượng sinh học từ sinh khối phụ phẩm nông nghiệp;

- Nâng cao hiệu quả nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ trong chế biến phụ phẩm nông nghiệp; nghiên cứu phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch. Đồng thời, tích hợp phương pháp vật lý, hóa học, sinh học áp dụng hiệu quả trong lĩnh vực xử lý, chế biến phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất, chế biến thức ăn thô cho gia súc ăn cỏ; sản xuất phân bón hữu cơ các loại; sản xuất năng lượng tái tạo từ phụ phẩm nông nghiệp,...

- Tăng cường nghiên cứu phát triển và nhập khẩu công nghệ các chủng vi sinh vật hữu ích có hiệu suất lên men cao để sản xuất các chế phẩm sinh học, ưu tiên cho công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp để xử lý hiệu quả phụ phẩm nông nghiệp; Phát triển, hoàn thiện và xây dựng quy trình chăn nuôi tuần hoàn, ưu tiên cho sự phối hợp hiệu quả giữa trồng trọt và chăn nuôi để phụ phẩm của ngành này là đầu vào của ngành kia và ngược lại.

- Xây dựng quy trình, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về thu gom, bảo quản, chế biến phụ phẩm nông nghiệp có vật chất thô xanh cao để chế biến làm thức ăn cho gia súc ăn cỏ ở quy mô nông hộ, trang trại, công nghiệp; thu gom, ủ compost phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón hữu cơ truyền thống ở quy mô nông hộ và trang trại.

- Xây dựng, hoàn thiện và nhận rộng các mô hình nông nghiệp 4F (Thức ăn - Trang trại - Thực phẩm - Phân bón hữu cơ); Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp ứng dụng nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, sinh thái, nông nghiệp gắn với du lịch; phổ biến kiến thức, kỹ thuật, công nghệ và quản trị, kinh doanh về sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, sinh thái đến các tổ chức liên kết sản xuất trong nông nghiệp, trong đó ưu tiên các hợp tác xã, liên minh hợp tác xã, hình thức nông nghiệp gia công áp dụng công nghệ cao để phát huy giá trị của nguồn phụ phẩm.

- Xây dựng được cơ sở dữ liệu về đàn vật nuôi, số liệu gia súc, gia cầm được giết mổ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Qua đó xây dựng được cơ sở dữ liệu liên quan đến phụ phẩm phát sinh ra trong quá trình chăn nuôi, vận chuyển, giết mổ, sơ chế, chế biến động vật và sản phẩm động vật.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông sâu rộng về ý nghĩa của phụ phẩm nông nghiệp trong nền kinh tế nông nghiệp tuần hoàn, nền nông nghiệp tăng trưởng xanh, nền nông nghiệp thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm thu hút sự quan tâm, thay đổi và nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hiện của lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương và toàn xã hội về quản lý hiệu quả phụ phẩm của ngành nông nghiệp, thông qua đó nâng cao hiệu quả tái tạo sử dụng phụ phẩm, đảm bảo an toàn dịch bệnh động vật, sức khỏe con người và bảo vệ môi trường./.

CỤC CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN, GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TẠI LÂM ĐỒNG

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lâm Đồng

Lâm Đồng là tỉnh có diện tích đất canh tác nông nghiệp lớn và vùng sản xuất rau, hoa, cà phê lớn của cả nước. Năm 2022, toàn tỉnh hiện có 300.000 ha đất canh tác nông nghiệp. Trong đó, diện tích đất gieo trồng 392.980 ha, gồm: 125.673 ha cây hàng năm (gồm: rau các loại 73.532 ha; hoa các loại 9.014 ha; lúa 5.045 ha...) và 267.306,4 ha cây lâu năm (gồm: cà phê 172.922 ha; chè 11.287 ha; điều 23.129,6 ha; cây ăn quả 29.074,7 ha; dâu tằm: 9.440 ha...). Trong những năm gần đây, nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng đã có bước phát triển vượt bậc và trở thành ngành kinh tế chủ lực, chiếm 40,1% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Tỉnh Lâm Đồng với diện tích đất canh tác lớn, ngoài ra còn được thiên nhiên ưu đãi với điều kiện thiên nhiên, khí hậu ôn hòa; đất đai thổ nhưỡng phì nhiêu, màu mỡ thuận lợi cho phát triển đa dạng hóa các loại cây trồng, vật nuôi.

Tuy nhiên trong thời gian gần đây, việc phát triển nông nghiệp ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, trong đó có sử dụng chất hóa học giúp thâm canh, tăng năng suất, sản lượng cây trồng vật nuôi, tăng hiệu quả trong sản xuất làm ảnh hưởng rất lớn đến môi trường sống, sức khỏe của người sản xuất, tiêu dùng, người dân trong vùng sản xuất. Để hạn chế tác động của sản xuất nông nghiệp đến môi trường, tỉnh Lâm Đồng đã triển khai thực hiện Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020 - 2025, đồng thời có các cơ chế, chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển kinh tế tuần hoàn gắn với bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Về triển khai Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020 - 2025 theo Quyết định số 2666/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Sau hơn 02 năm triển khai thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, bước đầu đã đạt được một số kết quả, cụ thể:

+ Đã xác định được 171 vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng và ban hành 17 quy trình tạm thời về sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên các đối tượng cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh bao gồm: Rau ăn lá, rau ăn quả, rau ăn củ, củ năng, lúa, chè, cà phê, sầu riêng, bơ, chuối, mắc ca, atiso, nấm rom, đương quy, bò sữa, bò thịt và gà đẻ trứng.

+ Xây dựng 14 mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ như cà phê, lúa, mắc ca, rau ăn củ, củ năng, măng tây, chè, gà đẻ trứng để người dân học tập và từng bước nhân rộng.

+ Thực hiện hỗ trợ cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ được 13 giấy chứng nhận với 63,15 ha đạt 32,5% mục tiêu Đề án. Ngoài ra các đơn vị, tổ chức, cá nhân sản xuất tự nhân rộng đã được cấp 22 giấy chứng nhận hữu cơ với diện tích 1.351,90 ha. Trong đó, diện tích rau, củ, quả hữu cơ là 63,81 ha tập trung tại các huyện Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà và thành phố Đà Lạt; 30 ha lúa tại huyện Cát Tiên; 3,97 ha cây ăn quả (măng cụt: 1,37 ha và phúc bồn tử: 2,6 ha); 04 ha nếp quýt tại huyện Đa Tễ; 47,8 ha cà phê tại huyện Di Linh và huyện Lâm Hà; 6,5 ha nấm tại huyện Lạc Dương và TP. Đà Lạt; 05 ha chè tại huyện Lâm Hà; 3,6 ha mắc ca tại huyện Di Linh và 1.110,4 ha điều tại huyện Đa Tễ và huyện Cát Tiên.

+ Thực hiện được 2 mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sơ chế, chế biến bảo quản sản phẩm hữu cơ đạt (đạt 40%) mục tiêu của đề án.

+ Đối với sản xuất chăn nuôi, trên địa bàn tỉnh hiện 140 ha đồng cỏ để phục vụ chăn nuôi Bò sữa tại huyện Di Linh và Đơn Dương với 1.005 con bò sữa đạt chứng nhận hữu cơ tại Công ty Cổ phần sữa Việt Nam xây dựng Trang trại bò sữa hữu cơ Đà Lạt.

+ Tập huấn chuyển giao các quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ: đã tổ chức được 30 lớp với 1.140 lượt người tham dự đạt 85,7% mục tiêu Đề án, nội dung phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam, các quy trình sản xuất trồng trọt và chăn nuôi hữu cơ.

+ Đã hỗ trợ xây dựng 06 chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ

+ Đã hỗ trợ xây dựng được 06 thương hiệu nông sản hữu cơ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

+ Đã hỗ trợ cho 7 đơn vị sản xuất nông nghiệp hữu cơ tham gia xúc tiến thương mại quảng bá sản phẩm tại các hội chợ thương mại trên toàn quốc.

- Về phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp được xác định là quá trình sản xuất theo chu trình khép kín thông qua việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học, công nghệ hóa lý, các chất thải, phế phụ phẩm sẽ được tái chế, quay lại làm nguyên liệu đầu vào cho quá trình nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy sản tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giảm lãng phí, thất thoát và giảm tối đa lượng chất thải, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về tái sử dụng phụ, phế phẩm trong sản xuất, bảo vệ môi trường. Với vùng sản xuất nông nghiệp lớn của tỉnh, nguồn phụ phẩm từ hoạt động sản xuất trồng trọt và chăn nuôi là rất lớn, cụ thể:

Trong lĩnh vực trồng trọt toàn tỉnh có khoảng 1.613,1 ngàn tấn phụ phẩm từ hoạt động trồng trọt trong đó: Phụ phẩm rau 894.415 tấn (chiếm 24,8% tổng sản lượng thu hoạch và phụ phẩm); 214.660 tấn phụ phẩm gồm rơm rạ, trấu, cám (chiếm 57% tổng sản lượng thu hoạch và phụ phẩm); phụ phẩm là thân, lá cây ngô có 281.097 tấn được sử dụng làm thức ăn

chăn nuôi; phụ phẩm 812 tấn đậu các loại; phụ phẩm từ vỏ quả cà phê là 211.191 tấn được ủ làm phân bón; Phụ phẩm từ các nhà máy chế biến nông sản khoảng 6.200 tấn tất cả lượng phụ phẩm từ các nhà máy này được dùng làm thức ăn cho chăn nuôi; Phụ phẩm từ các vườn ươm cây giống rau các loại (chủ yếu cà chua ghép) khoảng 4.725 tấn, toàn bộ lượng phụ phẩm này được ủ tái dùng làm giá thể ươm cây giống.

Trong lĩnh vực chăn nuôi tính đến tháng 6/2022, tổng đàn vật nuôi toàn tỉnh: đàn lợn 444.358 con, đàn gia cầm 10.052 ngàn con, đàn bò 98.143 con, trong đó đàn bò sữa 25.137 con, đàn trâu 13.442 con, đàn dê 12.342 con. Với tổng đàn vật nuôi trên, ước tính hàng năm ngành chăn nuôi Lâm Đồng tạo ra khoảng hơn 866.000 tấn chất thải rắn chăn nuôi/năm, đây là một lợi thế lớn cho việc phát triển mô hình chăn nuôi tuần hoàn.

Đến nay trên địa bàn tỉnh, có nhiều mô hình kinh tế tuần hoàn đạt hiệu quả như:

Công ty TNHH Dalat Hasfarm đã triển khai mô hình thu gom, xử lý phế phụ phẩm từ trồng hoa, rau của Trang trại tại xã Đa Ròn, huyện Đơn Dương với quy mô trên 200 ha nhà kính. Công nghệ tích hợp sử dụng máy cơ giới hóa cắt phụ phẩm, đảo trộn, phun chế phẩm đã giúp doanh nghiệp tái chế khoảng 35.000m³ - 36.000m³ phụ phẩm hàng năm, tạo ra sản lượng phân Compost từ 24.000 - 25.000m³/năm (tương đương 12.000 - 12.500 tấn phân) nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm công lao động, hiện đại hóa sản xuất thân thiện với môi trường.

Mô hình của HTX phụ nữ Trùn quế Đơn Dương được thành lập năm 2019, có quy mô 1.000m²: Sử dụng phân bò, các phế phẩm nông nghiệp (rau, củ quả, thân cành,...) làm thức ăn cho trùn; công suất phân trùn quế đạt 140 tấn/năm cung cấp phân bón trung bình 14ha cây trồng. Doanh thu 1 tỷ đồng/năm/1.000m².

Các mô hình chăn nuôi tuần hoàn có hiệu quả như mô hình vườn - ao - chuồng, vườn - ao - chuồng - biogas.

Mô hình sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi (phân lợn, gà, bò) qua quá trình ủ bổ sung thêm chế phẩm sinh học để chăm sóc, cải tạo đất bạc màu, đất thiếu dinh dưỡng, trả lại độ phì cho đất, canh tác rau hữu cơ và rau an toàn.

Mô hình sản xuất tổng hợp (bò, trùn quế, cỏ/ngô, gia súc, gia cầm, cá) tận dụng chất thải rắn chăn nuôi để nuôi trùn quế, lấy phân trùn quế bón cỏ/ngô, trùn quế làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, cá, đem lại hiệu quả kinh tế cao, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường;

Mô hình phát triển trang trại bò sữa thân thiện với môi trường, thực hiện quy trình chăn nuôi khép kín từ làm đất, trồng cỏ, chăm sóc bò đến xử lý chất thải để tạo vòng tuần hoàn xanh. Nhờ công nghệ biogas, chất thải bò sữa được xử lý để tiếp tục bón cho đồng cỏ, cải tạo đất và một phần khác được biến đổi thành khí metan dùng để đun nước nóng dùng cho hoạt động của trang trại.

II. MỘT SỐ THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN

2.1. Thuận lợi

+ Được sự quan tâm chỉ đạo, bám sát mục tiêu thực hiện đề án từ Tỉnh tới địa phương. Thị trường của nông sản hữu cơ tỉnh Lâm Đồng ngày càng được mở rộng do hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11/11/2016 về Phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững, hiện đại đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025; UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng hướng đến toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 12/5/2022.

+ Tỉnh Lâm Đồng có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển nhiều loại cây trồng, vật nuôi; người nông dân có trình độ và tiếp thu nhanh công nghệ mới; đã từng bước hình thành thói quen sử dụng các loại phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thảo mộc trong sản xuất, quan tâm đến sức khỏe người tiêu dùng.

2.2. Khó khăn

+ Biến đổi khí hậu ngày càng rõ làm xuất hiện các loại dịch bệnh mới khó kiểm soát. Thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn Việt Nam chưa được quốc tế công nhận.

+ Công tác xúc tiến thương mại, giới thiệu, quảng bá sản phẩm hữu cơ chưa được thực hiện rộng rãi, chủ yếu do doanh nghiệp tự tìm kiếm thị trường.

+ Nhận thức của các doanh nghiệp, tổ chức và nông dân về vai trò, lợi ích, bản chất của phát triển nông nghiệp tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp chưa đầy đủ.

+ Phương thức sản xuất nông nghiệp tuần hoàn hiện mới chỉ áp dụng cho các mô hình sản xuất trang trại tổng hợp; chưa hoàn toàn khép kín, chủ yếu là tự phát; các doanh nghiệp thu mua chất thải nông nghiệp còn ít, mới chỉ dừng lại trong việc tái sử dụng cho cây trồng của chính các chủ trang trại hoặc thương lái nhỏ lẻ; sản xuất nông hộ, nhỏ lẻ chiếm tỷ lệ cao trong sản xuất nông nghiệp nên khó nhân rộng và phát triển.

+ Việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng trong sản xuất nông nghiệp vẫn hạn chế, chưa đồng bộ, nhất là cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc xử lý chất thải dẫn đến ô nhiễm môi trường còn nhiều.

+ Chưa có tiêu chuẩn hóa về sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, các quy định liên quan đến kinh tế tuần hoàn nằm rải rác ở các luật, nghị định khác nhau, một số vấn đề về tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn liên quan đến thu gom, vận chuyển và tái sử dụng còn bỏ ngõ nên rất khó khăn trong triển khai.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

3.1. Định hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ

+ Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tăng cường sử dụng các vật liệu sẵn có, tái sử dụng, khép kín chu trình trong khu vực sản xuất tạo tiền đề cho sự phát triển nông nghiệp hữu cơ ổn định.

+ Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát đầu vào của sản xuất hữu cơ, thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm để đảm bảo chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn đã được chứng nhận khi lưu thông trên thị trường.

+ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, trong đó triển khai các đề tài, dự án có tính ứng dụng cao như công nghệ sinh học trong sản xuất hữu cơ, nghiên cứu các sản phẩm phân bón sinh học, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu với dịch hại, phù hợp với quy trình canh tác hữu cơ và thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Tăng cường các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong đó cần có đào tạo nghề đối với lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ; Xây dựng mô hình trình diễn để hướng dẫn, chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất hữu cơ phù hợp đối với từng đối tượng;

+ Tăng cường tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ và các quy định có liên quan đến các cấp, các ngành, địa phương, các hội và đoàn thể và nông dân/doanh nghiệp trong tỉnh.

+ Tăng cường đẩy mạnh các hình thức liên kết trong sản xuất như liên kết giữa người sản xuất và tiêu thụ, liên kết giữa người sản xuất với đơn vị cung ứng vật tư đầu vào, liên kết với các địa phương là thị trường tiêu thụ chính để phối hợp trong công tác quản lý, chỉ đạo, hình thành các chuỗi sản phẩm hữu cơ được quản lý chặt chẽ, thuận tiện trong công tác truy xuất nguồn gốc.

+ Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường và quảng bá sản phẩm. Gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất với thị trường thông qua việc thực hiện tốt công tác dự báo thị trường.

3.2. Định hướng phát triển nông nghiệp tuần hoàn

+ Phát triển kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực trồng trọt để cải thiện năng suất lao động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng hướng đến phát triển toàn diện, bền vững và hiện đại.

+ Phát triển kinh tế tuần hoàn đảm bảo tính đồng bộ gắn kết giữa các trang trại, các doanh nghiệp, góp phần ổn định bền vững trong chuỗi sản xuất và môi trường hướng tới nền kinh tế xanh.

+ Áp dụng các biện pháp công nghệ để tái chế, xử lý các phụ phẩm nông nghiệp thành phân bón hữu cơ để phục vụ sản xuất. Trong lĩnh vực chăn nuôi định hướng nâng cao nhận thức của các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp và nông dân về kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền để nhân rộng các mô hình chăn nuôi tuần hoàn đem lại hiệu quả cao.

+ Xây dựng chính sách đặc thù để khuyến khích phát triển kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi cho cả hộ nông dân và doanh nghiệp tham gia tái chế chất thải chăn nuôi.

+ Xây dựng các mô hình phát triển nông nghiệp tuần hoàn, sinh thái trong trồng trọt, chăn nuôi, sử dụng sản phẩm trồng trọt làm thức ăn chăn nuôi và sử dụng hiệu quả các phụ phẩm chăn nuôi, cung cấp hữu cơ cho trồng trọt.

+ Áp dụng các kỹ thuật mới sản xuất phân bón từ phân và chất thải chăn nuôi, khí đốt từ hầm biogas, sử dụng làm nguyên vật liệu nuôi trồng đối tượng khác để khép kín tuần hoàn sản xuất.

+ Khuyến khích nhân rộng các mô hình trồng trọt, chăn nuôi bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh quy trình sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường, ưu tiên phát triển các mô hình chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi tuần hoàn, các mô hình liên kết hợp tác xã tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

+ Xây dựng và nhân rộng các mô hình sử dụng thức ăn chăn nuôi phối trộn, sử dụng phế phẩm sinh học thay thế kháng sinh trong chăn nuôi./.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH LÂM ĐỒNG

NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ VIỆT NAM, THỰC TRẠNG - XU HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN

TSKH. Hà Phúc Mịch

Chủ tịch Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam

I. NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ VÀ NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG CỦA SẢN XUẤT HỮU CƠ

1.1. Nông nghiệp hữu cơ là gì?

Năm 2005 tại Đại hội của tổ chức hữu cơ thế giới (IFOAM) lần thứ 15 đã thống nhất khái niệm về NNHC: “Nông nghiệp hữu cơ là một hệ thống sản xuất nhằm duy trì sức khỏe của đất, của hệ sinh thái và con người. Nó dựa chủ yếu vào các tiến trình sinh thái, sự đa dạng sinh học và các chu trình thích nghi với điều kiện địa phương hơn là sử dụng các yếu tố đầu vào mang theo những ảnh hưởng bất lợi. Nông nghiệp hữu cơ kết hợp phương pháp canh tác truyền thống với những tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm mang lại lợi ích cho môi trường chung, thúc đẩy mối quan hệ bình đẳng và nâng cao chất lượng cuộc sống cho tất cả các thành phần tham gia vào NNHC”¹.

Hoặc nói một cách khác để nhận biết cụ thể hơn khi thực hành hữu cơ: Sản xuất hữu cơ là quá trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ về nước tưới, đất không bị ô nhiễm; không sử dụng các vật tư đầu vào là phân hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ và các thuốc kích thích sinh trưởng bằng hóa chất; không dùng giống cây trồng, vật nuôi và nguyên liệu có nguồn gốc là sinh vật biến đổi gen (GMOs). Do vậy sản xuất hữu cơ là sản xuất cho sản phẩm chất lượng cao, bảo đảm an toàn thực phẩm và sản xuất thân thiện với môi trường.

1.2. Những nguyên tắc chung của sản xuất hữu cơ

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng sản phẩm và đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững, sản xuất hữu cơ cần đảm bảo **4 nguyên tắc** sau:

i) Nguyên tắc về sức khỏe

Nông nghiệp hữu cơ cần đảm bảo và tăng cường sức khỏe của đất, của cây trồng, động vật, con người và cả hành tinh như một thể thống nhất không thể tách rời.

Nguyên tắc này chỉ rõ rằng sức khỏe của mỗi cá thể và quần thể không thể tách rời khỏi sức khỏe của hệ sinh thái. Đất “khỏe” tạo ra cây trồng khỏe, để nuôi dưỡng sức khỏe của vật nuôi và con người. Vai trò của nông nghiệp hữu cơ dù là trong nuôi trồng, chế biến, tiêu thụ hay tiêu dùng thì đều cần đảm bảo duy trì và tăng cường sức khỏe của hệ sinh thái và

¹Theo Nghị định 109/2018/NĐ-CP

các sinh vật sống từ nhỏ nhất ở trong đất đến con người. Đặc biệt, nông nghiệp hữu cơ tập trung sản xuất các loại lương thực thực phẩm có chất lượng cao, giàu dinh dưỡng để cung cấp và bảo vệ sức khoẻ của con người. Trên cơ sở nguyên tắc này, nông nghiệp hữu cơ phải tránh sử dụng các loại phân hoá học tổng hợp, thuốc trừ sâu bệnh, thuốc kháng sinh và các chất kích thích - mà đó là những nguyên liệu đầu vào có ảnh hưởng đối nghịch về sức khỏe.

ii) Nguyên tắc về sinh thái

Nông nghiệp hữu cơ dựa vào hệ sinh thái sống động và chu trình tự nhiên. Các thành phần trong hệ sinh thái làm việc cùng nhau, cạnh tranh nhau và cùng nhau duy trì cuộc sống. Nguyên tắc này gắn NNHC sâu vào trong hệ sinh thái năng động. Nó cho thấy sản xuất phải được dựa vào các tiến trình của sinh thái và sự tái sinh. Để có được thức ăn và sức khỏe tốt phải thông qua sinh thái của môi trường sản xuất cụ thể. Ví dụ như đối với cây trồng thì cần có một môi trường đất sống động, đối với động vật nuôi cần có hệ sinh thái trang trại, đối với cá và các sinh vật biển là môi trường nước.

Các hệ thống canh tác hữu cơ, đồng cỏ chăn thả và hệ thống thu hái tự nhiên cần phù hợp với các chu trình sinh thái và sự cân bằng trong tự nhiên. Quá trình quản lý phải phù hợp với quy mô, với văn hóa với sinh thái và các điều kiện địa phương. Giảm thiểu đầu vào bằng cách tái sử dụng, tái chế và quản lý hiệu quả nguồn năng lượng và vật liệu đầu vào để duy trì và cải thiện chất lượng môi trường và bảo tồn các nguồn lực.

iii) Nguyên tắc về sự công bằng

Nông nghiệp hữu cơ cần xây dựng trên mối quan hệ đảm bảo tính công bằng cùng với sự quan tâm đến môi trường chung và những cơ hội sống cho tất cả các sinh vật.

Sự công bằng được mô tả như là sự hợp tình hợp lý, sự tôn trọng, ngay thẳng và tận tình đối với con người và cả với những mối quan hệ với các đời sống khác ở xung quanh. Nguyên tắc này nhấn mạnh rằng tất cả những gì có liên quan đến nông nghiệp hữu cơ cần đối xử trong mối quan hệ như con người đảm bảo công bằng tới tất cả các tầng lớp và các bên liên quan: nông dân - công nhân - trí thức - nhà phân phối - thương nhân và người tiêu dùng. Nó cũng bao hàm rằng các vật nuôi hữu cơ cần được tôn trọng và được cung cấp những điều kiện và cơ hội sống theo bản năng, tập tính tự nhiên và sống thoải mái.

Công bằng còn được thể hiện trong cách sử dụng và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên không chỉ đảm bảo tính sinh thái mà còn chú trọng đến tính xã hội trong sự tin tưởng đối với các thế hệ tương lai. Sự công bằng này đòi hỏi các hệ thống sản xuất, phân phối và thương mại cần cởi mở và công bằng tính toán đến các chi phí thực tế cho môi trường và xã hội.

iv) Nguyên tắc về sự cẩn trọng

Nông nghiệp hữu cơ cần được quản lý theo **cách** phòng ngừa và có trách nhiệm để bảo vệ môi trường, sức khỏe và hạnh phúc của các thế hệ hiện tại và tương lai. Đó là những quan

tâm chính trong việc lựa chọn cách quản lý, phát triển và áp dụng công nghệ trong nông nghiệp hữu cơ. NNHC cần ngăn ngừa những khả năng rủi ro trước khi áp dụng công nghệ và không chấp nhận sử dụng những công nghệ không thể dự đoán được những hậu quả của nó như công nghệ gen chẳng hạn.

Người làm nông nghiệp hữu cơ có thể cố gắng tìm cách tăng năng suất và hiệu quả sản xuất, nhưng không được gây ra các nguy cơ có hại cho sức khỏe và đời sống muôn loài. Do đó, các công nghệ mới cần được đánh giá và cân nhắc các phương pháp hiện tại đang vận dụng. Những hiểu biết chưa đầy đủ về nông nghiệp và sinh thái khi được đưa ra cần phải được cân nhắc cẩn thận.

Nông nghiệp hữu cơ cần phòng ngừa các rủi ro nghiêm trọng thông qua áp dụng các công nghệ thích hợp và loại bỏ những công nghệ khó lường trước như **kỹ thuật chuyển gen**. Các quyết định nên phản ánh các giá trị và nhu cầu của tất cả mọi đối tượng có thể bị ảnh hưởng thông qua quá trình minh bạch có sự tham gia.

II. THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TRÊN THẾ GIỚI VÀ NƯỚC TA

1.1. Nông nghiệp hữu cơ trên thế giới

Năm 1972 - Liên Đoàn các Phong trào Nông nghiệp Hữu cơ Quốc Tế (IFOAM) được thành lập tại Versailles - Pháp, IFOAM đã được thành lập với mục đích là truyền thông và trao đổi các thông tin liên quan đến nguyên tắc và thực hành của nông nghiệp hữu cơ trên thế giới. Năm 1980 với sự đòi hỏi của thực tiễn sản xuất hữu cơ và tựu chung những nghiên cứu của các nhà khoa học trên nhiều nước, IFOAM đã ban hành tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ bản đầu tiên. Từ năm 1972 đến nay IFOAM là tổ chức nông nghiệp hữu cơ lớn nhất thế giới và là tổ chức nông nghiệp hữu cơ quốc tế duy nhất.

Đến năm 2016, trên thế giới có 179 quốc gia sản xuất NNHC, trong đó có 87 quốc gia đã có Tiêu chuẩn quốc gia (Theo FiBL - 2016) phần lớn các quốc gia này quy định bắt buộc áp dụng theo Tiêu chuẩn hữu cơ (77 quốc gia). Các quốc gia phát triển sản xuất hữu cơ đều nhận thấy sự quan trọng của việc ban hành Tiêu chuẩn quốc gia.

Các Tiêu chuẩn nhằm 2 mục tiêu chủ yếu là: Thúc đẩy sản xuất nội địa hướng tới xuất khẩu; nhưng vẫn đảm bảo giữ vững 4 nguyên tắc kim chỉ nam của nông nghiệp hữu cơ là sức khỏe, sinh thái, cân trọng, công bằng.

Theo IFOAM, thì lịch sử sản xuất hữu cơ của thế giới đã trải qua 3 giai đoạn sau:

- Giai đoạn HỮU CƠ 1.0 là giai đoạn đầu mà các của các nhà *TIÊN PHONG* trong sản xuất hữu cơ bắt đầu từ khi hình thành ý tưởng đến giai đoạn năm 1970; điển hình là: 1924 - Rudolf Steiner, 1939- Lord Northbourne, 1943- Lady Eva Baifour, 1950- J I Rodale, 1962- Rochel Carson,

- Giai đoạn HỮU CƠ 2.0 là giai đoạn được ghi nhận khi mà sản xuất nông nghiệp hữu cơ thế giới đã thiết lập được hệ thống sản xuất nông nghiệp hữu cơ từ sau năm 1970. Với các hướng dẫn cho tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp hữu cơ và hình thành tổ chức chứng nhận của bên thứ 3 và các quy định của các chính phủ. Hữu cơ 2.0 đã thúc đẩy cho phát triển cho thị trường hiện nay với hơn 80 tỷ USD các sản phẩm hữu cơ được chứng nhận. IFOAM hữu cơ quốc tế đã là định hướng Chuẩn mực cho các Tiêu chuẩn cơ sở của IFOAM. Tiêu chuẩn này đã là tài liệu tham khảo cho các quốc gia và các tổ chức khác áp dụng.

- Giai đoạn HỮU CƠ 3.0 từ 2015 đến nay với chiến lược gồm 6 nội dung chính sau:

1. Đổi mới nhận thức, thu hút sự hấp dẫn người nông dân tiên tiến chấp nhận sản xuất hữu cơ và tăng năng suất;

2. Cải tiến không ngừng đến tính hoàn thiện trong sản xuất hữu cơ tại khu vực cũng như địa phương;

3. Đa dạng hóa hình thức chứng nhận để bảo đảm sự minh bạch, cho sự mở rộng ngoài hình thức chứng nhận của bên thứ 3;

4. Cần quan tâm toàn diện và đầy đủ sự bền vững thông qua sự liên minh với nhiều phong trào và tổ chức mà có thể bổ sung cách tiếp cận hỗ trợ, hỗ trợ cho sản xuất lương thực và canh tác bền vững;

5. Trao quyền toàn diện từ sản xuất đến sản phẩm cuối cùng để thừa nhận sự phụ thuộc lẫn nhau và mối quan hệ đối tác thực sự trong chuỗi giá trị tại cùng khu vực;

6. Giá trị thực tế gắn với giá thành và giá cả hợp lý, để khuyến khích tính minh bạch cho người tiêu dùng và nhà hoạch định chính sách, cũng như trao quyền cho người nông dân như một đối tác toàn diện.

Chương trình hữu cơ 3.0 kêu gọi sự hợp tác để nâng cao nhận thức về hữu cơ, để thúc đẩy một môi trường chính sách thuận lợi hơn cho phát triển hữu cơ từng quốc gia, khu vực và trên toàn cầu. Tất cả các bên liên quan và các nhà hoạch định chính sách đều nên tham gia vào việc xây dựng các chiến lược địa phương và quốc tế thúc đẩy sự ứng dụng của hữu cơ 3.0 trên toàn cầu.

Như vậy, từ khi thành lập IFOAM đã dẫn dắt các nước trong việc quan tâm tới ban hành các quy định về an toàn các sản phẩm hữu cơ như Mỹ, Châu Âu, Nhật... Liên minh Châu Âu cung cấp khung hình luật cho nông nghiệp hữu cơ (1991) - Mỹ thông qua Chương trình Hữu cơ quốc gia (National Organic Program - NOP), cung cấp khung phát triển cho nông nghiệp hữu cơ (2002). Năm 1971-1972 thành lập Hiệp hội nông nghiệp hữu cơ Nhật bản (JOAA)...

Với sự lớn mạnh của Liên Đoàn các Phong trào Nông nghiệp Hữu cơ Quốc Tế -IFOAM, nông nghiệp hữu cơ là một trong những lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp phát triển nhanh nhất trên thế giới, với tốc độ tăng trưởng hai con số hàng năm đất theo canh tác hữu cơ, giá trị của sản phẩm hữu cơ và số lượng những người nông dân tham gia. Năm 2003, có khoảng

26 triệu ha đất nông nghiệp hữu cơ và giá trị thị trường toàn cầu hàng hóa hữu cơ là 25 tỷ USD / năm (Willer và Youssefi 2005), chiếm khoảng 2% so với khoản tiền 1,3 nghìn tỷ USD mỗi năm trong sản xuất nông nghiệp toàn cầu (Wood et al.2001). Nhưng năm 2012 đã tăng lên 37,5 triệu ha với giá trị thị trường là 64 tỷ USD/năm. Đến năm 2022, đã có 190 quốc gia có sản xuất NNHC với 76 quốc gia có quy định, luật nông nghiệp hữu cơ, tổng diện tích hữu cơ trên thế giới đạt 74,9 triệu ha giá trị thị trường sản phẩm hữu cơ khoảng 136,4 tỉ USD. Như vậy, trên thế giới những năm gần đây diện tích và nhu cầu của người tiêu dùng về các sản phẩm hữu cơ đang tăng cao (FiBL & IFOAM International).

Doanh số bán ra tăng nhanh qua các năm so với năm 1999, năm 2004 tăng 188%, năm 2009 tăng gấp hơn 3 lần, năm 2018 tăng hơn 7 lần so với năm 1999, đến năm 2022 đã tăng gần 9 lần so với 1999 (xem số liệu Bảng 1 dưới đây):

Bảng 1. Sự phát triển thị trường toàn cầu về thực phẩm hữu cơ (1999-2022)

TT	Thị trường toàn cầu (tỷ USD)					
	1999	2004	2009	2014	2018	2022
Năm	1999	2004	2009	2014	2018	2022
Doanh số bán ra	15,2	28,7	54,9	80,0	118	136
Tăng so với 1999(%)	100	188,8	361,2	526,3	776	897

(Theo báo cáo FiBL 2000-2023)

1.2. Nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam

Từ xa xưa, kể từ khi có tổ tiên loài người đã bắt đầu phương thức sản xuất thu hái lượm từ thiên nhiên, canh tác hoàn toàn phù hợp với phát triển thiên nhiên; hệ sinh thái được bảo vệ cân đối - hài hòa giữa con người, các vi sinh vật, cây trồng và vật nuôi. Các sản phẩm từ thiên nhiên đã được sử dụng rất tốt cho sức khỏe con người cho đến ngày nay. Từ khi con người sử dụng các sản phẩm vật tư đầu vào bằng công nghiệp hóa chất nhằm giải quyết cung - cầu về lương thực, thực phẩm đã dẫn đến sự lạm dụng quá mức dẫn đến phá vỡ sự cân bằng sinh thái, môi trường ô nhiễm nặng, sức khỏe bị suy giảm. Phát sinh nhiều hệ lụy không lường được cho thế hệ tương lai (môi trường, bệnh tật, biến đổi khí hậu...)

Đầu những năm 90 có một số tổ chức phi chính phủ của các nước đã đến Việt Nam nghiên cứu và đầu tư một số dự án sản xuất hữu cơ. Đầu tiên là dự án trồng chè hữu cơ tại xã Tứ Tranh - Phú Lương - Thái Nguyên của tổ chức CIDCE. Sự ra đời của các công ty về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hữu cơ như công ty Ecolink và Hanoi Organics (HO) đã góp phần thúc đẩy xuất khẩu chè hữu cơ, rau quả hữu cơ. Từ năm 2005, tổ chức Phát triển Nông nghiệp Châu Á của Đan Mạch (ADDA) đã đến Việt Nam khảo sát và phát triển dự án về Nông nghiệp hữu cơ. Trên cơ sở đã có kinh nghiệm đầu tư dự án rau an toàn tại Hà Nội (1998 - 2004), ADDA đã đến với đối tác là Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Hai bên đã hình thành dự án “Phát triển khung sản xuất và thị trường Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam”. Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (TW HND) đã được tiếp nhận và thực hiện dự án đó

trong thời gian 7 năm (2005 – 2012) và được triển khai ở 7 tỉnh (Lào Cai, Tuyên Quang, Hà Nội, Hòa Bình, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Phòng). Sản phẩm của dự án tập trung vào Rau củ quả, lúa, cam, quả vải, bưởi, chè, cá,...vv. Đã hình thành gần 90 nhóm nông dân và hàng ngàn hội viên nông dân tham gia. Tất cả nông dân cán bộ tham gia dự án đã được các chuyên gia nước ngoài đào tạo về kiến thức và thực hành nông nghiệp hữu cơ. Những nguyên tắc chung về sản xuất hữu cơ đã được huấn luyện cho nông dân các địa phương tham gia dự án. Những mô hình sản xuất hữu cơ và nguồn nhân lực đã được đào tạo vẫn đang còn phát huy tác dụng đi đầu, tiên phong trong phong trào sản xuất hữu cơ hiện nay ở Việt Nam (như sản xuất rau ở Lương Sơn – Hòa Bình, xã Thanh Xuân – Sóc Sơn – Hà Nội, chè Shan Tuyết Bắc Hà – Lào Cai, cam ở Hàm Yên – Tuyên Quang...)

Hiện nay, xuất phát từ nhu cầu của thị trường và sự chủ động của nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại và hội viên Hiệp hội nông nghiệp hữu cơ Việt Nam, trên cả nước đã hình thành nhiều mô hình sản xuất – tiêu thụ sản phẩm hữu cơ như: Trác Văn (Hà Nam), Hội An (Đà Nẵng), Bến Tre; Đơn Dương (Lâm Đồng); công ty Viễn Phú sản xuất lúa – cá (Cà Mau) với diện tích canh tác trên 250 ha, Công ty đã có nhiều sản phẩm được chứng nhận hữu cơ và xuất khẩu; Công ty Organic Đà Lạt sản xuất rau hữu cơ; Nuôi cá basa hữu cơ tại An Giang, nuôi tôm sinh thái ở rừng ngập mặn Cà Mau đã có chứng nhận hữu cơ khoảng 10.000 ha xuất khẩu sang Đức và EU; Tại huyện Thạch Thành (Nghệ An), tập đoàn TH quản lý một trang trại chăn nuôi bò sữa hiện đại, sản xuất tuân thủ nghiêm ngặt theo quy trình hữu cơ với hàng ngàn bò sữa đã đạt chứng nhận của USDA, EU và sản phẩm rau củ quả, dược liệu cũng đạt tiêu chuẩn tương tự...vv. Gần đây đã có một số tỉnh thành có chủ trương thành lập Hội nông nghiệp hữu cơ tỉnh như: Khánh Hòa, Bình Thuận, Ninh Thuận, Hòa Bình, Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên... Số địa phương (tỉnh, thành) và diện tích, sản lượng NNHC tăng nhanh từ khi chỉ 7 tỉnh (trước năm 2011) đến nay (2020) tăng hơn 6 lần (43 tỉnh thành); diện tích sản xuất hữu cơ từ năm 2012 là 36.285 ha đến năm 2015 là 76.666 ha (tăng 111%).

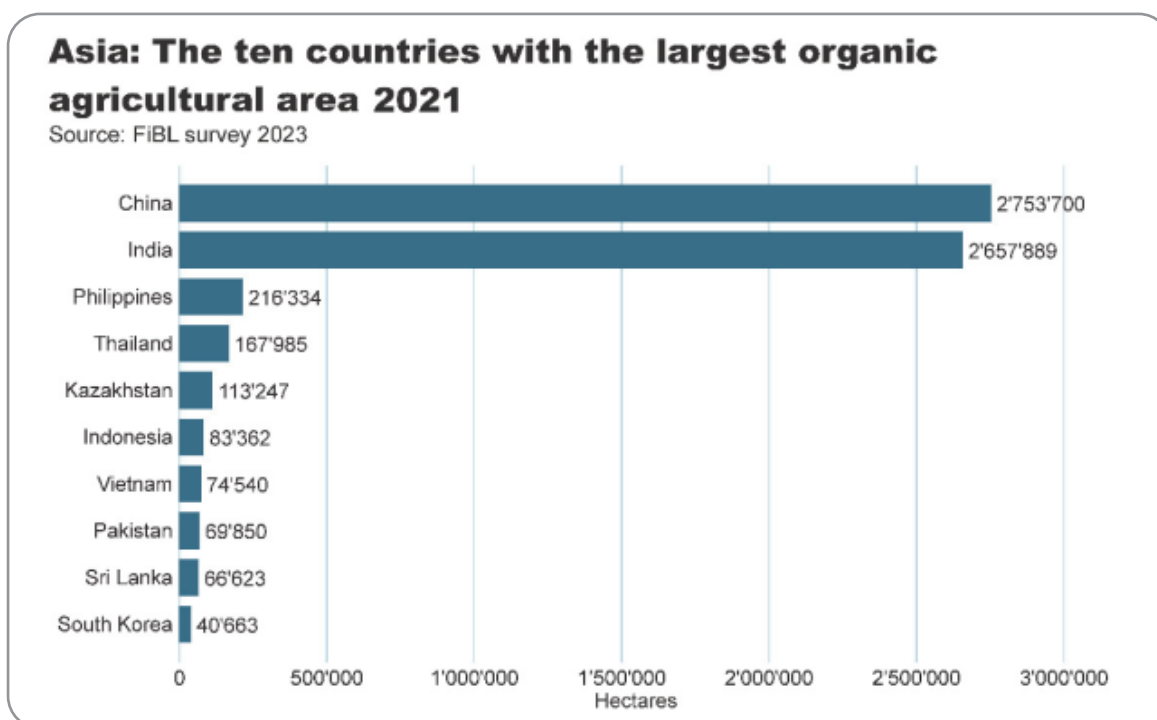
Năm 2011, Bộ Nội vụ đã có Quyết định số 1820/2011/QĐ-BNV thành lập Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam. Sự kiện thành lập Hiệp hội nông nghiệp hữu cơ Việt Nam là một bước ngoặt của phong trào phát triển nông nghiệp hữu cơ Việt Nam, Hiệp hội sau khi ra đời đã có những kết quả hoạt động thực chất, nhất là tư vấn, đề xuất với Bộ NN&PTNT, Bộ Khoa học Công nghệ và Chính phủ về ban hành chính sách. Thúc đẩy kết nối các cá nhân, đơn vị tham gia chuỗi tiêu thụ sản phẩm hữu cơ; đồng thời Hiệp hội là ngôi nhà chung, là trung tâm tập hợp những cá nhân, đơn vị có tâm huyết tham gia nghiên cứu, sản xuất, phân phối tiêu thụ sản phẩm hữu cơ.

Bảng 2: Tổng hợp sơ lược tình hình phát triển NNHC Việt Nam 2019-2021

STT	Nội dung	2021	2020	2019
1	Tổng diện tích đất hữu cơ (ha)	118.645 ha	157.945 ha	163.251 ha
2	% diện tích đất hữu cơ/ tổng dt đất nông nghiệp	0,5%	0,5%	0,5%
	<u>Trong đó:</u>			
	Diện tích đất nông nghiệp (ha)	40.623	48.415	100.000
	Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)	3.943	4.215	1.350
	Diện tích thu hái tự nhiên (ha)	74.080	105.315	61.901
3	Số lượng nhà sản xuất (hộ sản xuất)	18.865	19.921	17.174
4	Tiêu chuẩn hữu cơ	TCVN11041:2017; TCVN11041:2018	TCVN 11041:2017; TCVN11041:2018	TCVN 11041:2017; TCVN11041:2018
5	Ghi nhãn bắt buộc	Từ 2018	Từ 2018	Từ 2018
6	Các sản phẩm chính	Tôm, chè, rau, gạo, gia vị	Tôm, chè, rau, gạo, gia vị	Tôm, chè, rau, gạo, gia vị

(Theo Báo cáo thường niên của IFOAM)

Việt Nam thuộc top 10 các quốc gia có diện tích đất NNHC lớn nhất Châu Á



(Theo báo cáo của Fibl năm 2023)

1.3. Về chủ trương chính sách

1/ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 (Khóa XII) tháng 12/2016 BCH TW Đảng

“... *Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; tập trung ưu tiên phát triển nông nghiệp với các sản phẩm sạch, thân thiện với môi trường, nông nghiệp hữu cơ, có năng suất cao, có giá trị lớn...*”

2/ Kết luận số 11-KL/TW ngày 19/01/2017 của Ban bí thư

“...*Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp luật khuyến khích phát triển nền nông nghiệp hữu cơ, xanh và sạch...*”

3/ Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội:

“...*Tăng sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế hướng tới một nền nông nghiệp hữu cơ, chất lượng và có giá trị kinh tế cao...*”

4/ Nghị định của Chính phủ số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 về Nông nghiệp hữu cơ

5/ Thông tư số 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2019: Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 về Nông nghiệp hữu cơ

6/ Quyết định của Thủ tướng chính phủ: số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 phê duyệt Đề án phát triển Nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030

7/ Tiêu chuẩn quốc gia về NNHC: 11041:2017 và 11041:2018 (Gồm có 8 tiêu chuẩn quốc gia), TCVN 11041:2023 (5 tiêu chuẩn quốc gia). Tổng cộng có 13 tiêu chuẩn quốc gia về NNHC.

Đặc biệt có sự tham gia của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc và cùng tham gia có Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Nguyễn Xuân Cường, Chủ tịch Hiệp hội NNHC Việt Nam Hà Phúc Mịch tại Diễn đàn Quốc tế “Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam - Phát triển và Hội nhập” tháng 12/2017. Tại Hội nghị này, Thủ tướng đã có bài phát biểu chỉ đạo và kết luận Hội nghị rất quan trọng.

2.4. Những cơ hội, thách thức và giải pháp triển khai thực hành “nông nghiệp hữu cơ” trong tình hình mới

*** Những cơ hội thuận lợi**

1. Chính sách phát triển NNHC tại Việt Nam đã gần như đầy đủ cơ sở pháp lý cho các Địa phương tổ chức triển khai thực hiện sản xuất, tiêu thụ và hỗ trợ lĩnh vực sản xuất hữu cơ.

2. Việt Nam đã tham gia hội nhập sâu rộng với các quốc gia trên thế giới đồng thời tham gia nhiều Hiệp định thương mại khu vực và quốc tế như WTO, FTA, CPTPP...

3. Thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ trên Việt Nam và Thế giới vẫn giữ được mức phát triển ổn định trong khủng hoảng kinh tế và bước vào giai đoạn mới (các doanh nghiệp lớn, các hệ thống siêu thị, các nhà đầu tư quan tâm đến phát triển hữu cơ một cách bài bản,

thay vì giai đoạn trước là các Tổ chức Phi chính phủ (NGOs), các công ty vừa và nhỏ phát triển theo phong trào).

*** Một số thách thức trở ngại chủ yếu**

- Người tiêu dùng trong nước chưa biết nhiều và hiểu nhiều về NNHC và SPHC, do vậy chưa tồn tại, hình thành thị trường tiêu thụ tại chỗ và chưa khuyến khích các nhà sản xuất chuyển đổi từ nông nghiệp thông thường sang NNHC.

- Hạ tầng phụ trợ (chứng nhận, xúc tiến thương mại, cơ chế đầu tư, dịch vụ, cung cấp vật tư cho NNHC như phân bón, thức ăn gia súc, thuốc thú y, thuốc trừ sâu...) cho NNHC hầu như chưa có.

- Danh mục đầu vào được sử dụng trong sản xuất hữu cơ vẫn chưa được ban hành.

- Về tổ chức chứng nhận sản phẩm hữu cơ: Phí chứng nhận sản phẩm hữu cơ của tổ chức quốc tế quá cao, trong khi các tổ chức chứng nhận trong nước chứng nhận theo TCVN chưa thực sự chiếm được lòng tin của động đồng.

- Sản xuất thông thường như hiện nay (có hóa chất ở phân bón, thuốc trừ sâu, kích thích tăng trưởng...) đã trở thành thói quen gần 60 năm qua trong sản xuất nông nghiệp. Vì vậy khi chuyển đổi sang phương pháp canh tác theo tiêu chuẩn hữu cơ phải được coi là một cuộc “cách mạng” của tất cả các cấp và người lao động nông nghiệp.

Vì vậy, các tỉnh thành địa phương, các doanh nghiệp khi quan tâm phát triển nông nghiệp hữu cơ cần có phương án, đối sách và chiến lược cụ thể phù hợp để xử lý được các khó khăn trên đây.

*** Một số định hướng chiến lược hành động cho các tỉnh, thành:**

- UBND các tỉnh, thành phố cả nước cần sớm triển khai đưa Nghị định 109/2018/NĐ-CP và quyết định 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 phê duyệt Đề án phát triển Nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030 để đưa NNHC vào thực tiễn địa phương. Các địa phương có thể ban hành thêm các chính sách ưu tiên của tỉnh cho phát triển NNHC.

- UBND các tỉnh, thành phố theo thẩm quyền quy định xây dựng, ban hành thêm một số chính sách ưu đãi của địa phương cho phát triển NNHC.

- UBND tỉnh, huyện nên có đề án hoặc nghị quyết chuyên đề về phát triển nông nghiệp hữu cơ của tỉnh, địa phương.

- Ngoài các chính sách khuyến khích sản xuất NNHC đã quy định tại Nghị định 109/2018/NĐ-CP, các địa phương cần chủ động và cụ thể hơn trong phát triển hữu cơ tại địa phương như hỗ trợ: sản xuất phân bón hữu cơ; giống cây trồng, vật nuôi hữu cơ; phân bón, thức ăn hữu cơ.

- Mục tiêu là phát triển được các thương hiệu nông sản hữu cơ lớn trên thị trường (trong nước cũng như xuất khẩu) với chuỗi cung cấp bền vững có tính cạnh tranh cao:

+ Cần chú ý quan tâm mọi mắt xích của chuỗi cung cấp (nguyên liệu, chế biến, phân phối...).

+ Thực phẩm hữu cơ đi song hành với thương hiệu ẩm thực và du lịch sinh thái là đặc trưng của “Thương hiệu Việt Nam”.

+ UBND tỉnh quy hoạch và quyết định xây dựng vùng thâm canh sản phẩm NNHC đủ lớn để có khối lượng hàng hóa có thương hiệu.

+ Cần tranh thủ sự hỗ trợ từ các nguồn lực của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương, các doanh nghiệp đầu tư, của cộng đồng dân cư và các tổ chức quốc tế. Các dự án, chương trình từ các tổ chức quốc tế, các mạng lưới và hỗ trợ từ các nước là người mua có vai trò quan trọng (Ví dụ: EU, Nhật, Hàn Quốc, Mỹ...) vai trò của các tổ chức địa phương tại Việt Nam và các Sứ quán cũng rất quan trọng.

+ Xác định đúng sản phẩm chủ lực về hữu cơ là lợi thế của địa phương. Trước khi quyết định cho các dự án đầu tư hoặc nông dân tham gia theo phương pháp hữu cơ cần thiết phải xác định thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm đó.

*** Một số định hướng giành cho các cá nhân, tổ chức tham gia vào chuỗi sản xuất, tiêu thụ và sử dụng sản phẩm hữu cơ:**

- Người sản xuất cần định hướng rõ thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ của gia, trang trại (chợ địa phương, khu vực dân cư, siêu thị hay xuất khẩu...) mỗi một thị trường đều có các yêu cầu về tiêu chuẩn hữu cơ riêng và để đáp ứng được các yêu cầu đó cần phải đảm bảo tìm hiểu thị trường, tiêu chuẩn và các quy định ATTP theo luật.

- Các tổ chức chứng nhận nâng cao trình độ, hiểu biết trong chứng nhận hữu cơ, giữ vững chữ “tâm” với nghề đảm bảo chứng nhận đúng, đủ các nguyên tắc của tiêu chuẩn hữu cơ, minh bạch các hoạt động của tổ chức chứng nhận, khuyến khích người sản xuất theo đúng tiêu chuẩn hữu cơ đã lựa chọn và góp phần làm minh bạch thị trường. Không bao che cho các đơn vị sản xuất chưa đạt chuẩn mà vẫn được chứng nhận, điều này gây méo mó thị trường và mất niềm tin của người tiêu dùng vào sản phẩm hữu cơ có chứng nhận.

- Nhà phân phối là đại diện nói lên nhu cầu của đại đa số người tiêu dùng, nhà phân phối là đơn vị tìm hiểu chất lượng sản phẩm trước tiên, chính vì vậy mọi nhà phân phối sản phẩm nên tìm hiểu rõ sản phẩm đang phân phối, ví dụ: tiêu chuẩn hữu cơ nào đang được áp dụng, đã được chứng nhận chưa? Đơn vị nào chứng nhận? phẩm chất, chất lượng có ổn định không và hơn cả là giá cả cần phải đảm bảo đi liền với giá trị sản phẩm.

- Người tiêu dùng tìm hiểu rõ các thông tin khi mua sản phẩm hữu cơ, thông tin chứng nhận, truy xuất nguồn gốc, thường xuyên đóng vai trò là giám sát viên thị trường đối với sản phẩm gia đình đang sử dụng, điều này đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng và thúc đẩy tính minh bạch của thị trường lên cao hơn...

Trong khuôn khổ, chức năng, nhiệm vụ và khả năng cho phép, Hiệp hội nông nghiệp hữu cơ Việt Nam sẵn sàng đồng hành cùng các cá nhân, tổ chức liên quan nhằm phát triển nông nghiệp hữu cơ Việt Nam bền vững, hội nhập và phát triển./.

HIỆP HỘI NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

HỘI NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN VIỆT NAM CHUNG TAY PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG KINH TẾ TUẦN HOÀN, GIẢM PHÁT THẢI TẠI VIỆT NAM

Hội Nông nghiệp tuần hoàn Việt Nam

I. MỞ ĐẦU

Tây Nguyên được thiên nhiên ưu đãi với diện tích đất đỏ bazan phì nhiêu rộng lớn, sinh thái đa dạng, là thủ phủ của nhiều loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, tạo nên danh tiếng của Việt Nam trên trường quốc tế, cũng như đã đóng góp lớn cho kinh tế nói chung, nông nghiệp nói riêng như: Cà phê, tiêu, cao su... và nhiều loại cây ăn trái nổi tiếng khác. Chính có những ưu thế vượt trội ấy, nhiều năm liền chúng ta đã canh tác không bền vững, đã để lại những hệ lụy cho môi trường, suy giảm đa dạng sinh học, đất đai thoái hoá, nguồn nước ngầm suy giảm, dịch bệnh trên cây trồng gia tăng, nhiều cây trồng chủ lực khó tái canh, sử dụng quá nhiều hoá chất, dẫn tới nông sản, thực phẩm chất lượng không cao, còn tồn dư hóa chất vượt quá mức cho phép. Việc phát triển nông nghiệp Tây Nguyên theo hướng hiệu quả, bền vững đang là những thách thức vô cùng lớn. Để giải quyết các khó khăn hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã vào cuộc quyết liệt để đưa nông nghiệp Tây Nguyên phát triển xứng tầm, các quyết sách ấy tập trung vào sản xuất sạch, theo hướng hữu cơ, tuần hoàn, theo chuỗi có sự tham gia của các thành phần kinh tế, xã hội, để vừa đạt được hiệu quả kinh tế cao, vừa bảo vệ tài nguyên tự nhiên vừa cải tạo lại các vùng đất đã thoái hoá.

Hội Nông nghiệp Tuần hoàn Việt Nam là tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Giữ vai trò nòng cốt trong tập hợp, đoàn kết rộng rãi và phát huy sức mạnh sáng tạo của các cá nhân và tập thể người Việt Nam trên mọi lĩnh vực để đóng góp cho sự phát triển nền nông nghiệp tuần hoàn Việt Nam, trở thành động lực phát triển nền kinh tế tuần hoàn, góp phần phát triển bền vững đất nước. Hội NNTH Việt Nam đã được Tập đoàn Quế Lâm hỗ trợ về kinh tế và các vật tư đầu vào để xây dựng, phát triển các mô hình NNTH tại các địa phương. Tham luận này tóm tắt kết quả chính của Hội chung tay phát triển Kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp, giảm phát thải ở một số vùng miền trên cả nước.

II. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TUẦN HOÀN, GIẢM PHÁT THẢI Ở MỘT SỐ TỈNH THÀNH TRONG CẢ NƯỚC CỦA HỘI NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN VIỆT NAM

Nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi là con đường tất yếu của nông nghiệp thế giới và Việt Nam trong hiện tại và tương lai. Vì thế Chính phủ và Bộ NN&PTNT đã ban hành nghị quyết và các đề án phát triển kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ. Để ủng hộ chủ trương chính sách của nhà nước, Hội NNTH Việt Nam được sự hỗ trợ của Tập đoàn

Quế Lâm về các giải pháp khoa học công nghệ và vật tư đầu vào, hàng năm đã cùng Hội viên của Hội và các Chi hội trực thuộc xây dựng được hàng trăm mô hình nông nghiệp hữu cơ tuần hoàn ở các tỉnh thành trên cả nước. Kết quả sau đây minh chứng cho nỗ lực của Hội cũng như cả xã hội đã vào cuộc phát triển nông nghiệp tuần hoàn, giảm phát thải.

2.1. Phát triển mô hình chăn nuôi trồng trọt an toàn sinh học, theo hướng hữu cơ liên kết theo chuỗi giá trị

Nông nghiệp bản địa của ông cha ta đã gắn chặt trồng trọt với chăn nuôi, những phụ phẩm hữu cơ từ nông nghiệp và đời sống không bỏ đi thứ gì, nó được thu gom tạo thành phân bón, trả lại cho đất và cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng. Nối tiếp kinh nghiệm của cha ông, kết hợp với công nghệ vi sinh hiện đại được các nhà khoa học của Tập đoàn Quế Lâm phát triển, hội viên của Hội ở cả ba miền đã ứng dụng trong các trang trại chăn nuôi của gia đình của các hội viên và của nhiều bà con trong thôn bản, trong cả chăn nuôi, trồng trọt an toàn sinh học, theo hướng hữu cơ. Nhờ áp dụng công nghệ vi sinh hiện đại, chăn nuôi gia súc, gia cầm của các gia trại/trang trại các hội viên đã hạn chế tối đa sử dụng nước, không mùi hôi, không xả thải, không ô nhiễm môi trường, không bỏ phí đi thứ gì, hạn chế tối đa dịch bệnh, nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo sinh kế cho hội viên dù họ ở đâu và trong hoàn cảnh nào nếu họ có khát vọng chăn nuôi an toàn sinh học, tuần hoàn.

Kết quả này, hơn ai hết, những hội viên của Hội, người trực tiếp chuyển đổi sang áp dụng kỹ thuật chăn nuôi an toàn sinh học, tuần hoàn, theo hướng hữu cơ thấy rõ sự đổi thay, truyền nhau lan tỏa rộng.

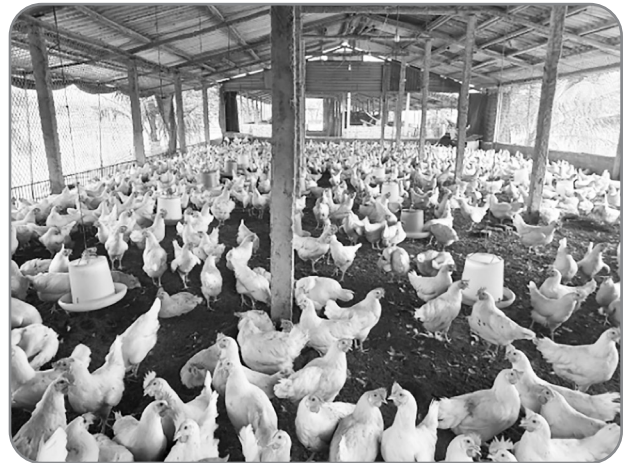
Chăn nuôi An toàn sinh học, tuần hoàn, theo hướng hữu cơ

Đầu vào	Chỉ tiêu		Hiệu quả tích cực	
Chuồng nuôi	Chuồng hở, đông ấm, hè mát, nền xi măng - Bảo vệ môi trường (không để nước chuồng thấm xuống đất và không có rãnh xả thải vào môi trường)		-2/3-3/4 diện tích nền chuồng sử dụng đệm lót sinh học (bổ xung chế phẩm vi sinh Lactor powder T) -Hệ thống phun chế phẩm Bảo vệ an toàn sinh học cho vật nuôi và môi trường bằng vi sinh vật.	Tiết kiệm từ 80-85% lượng nước - Bảo vệ nguồn nước và không xả thải, giảm chi phí.
Thức ăn Tuần hoàn trong việc tái sử dụng phụ phẩm sản xuất đậm cho chăn nuôi (ruồi lính đen)		Người dân chủ động trồng ngô, đậu tương (không dùng giống biến đổi gen) và rau xanh, cây thảo dược cho vật nuôi Nuôi ruồi lính đen bổ xung protein vào thức ăn (lợn, gia cầm) Thức ăn bổ xung chế phẩm vi sinh Lactor powder T An toàn sinh học trong cơ thể vật nuôi bằng chế phẩm Lactor powder T		Chủ động sản xuất thức ăn theo hướng hữu cơ. Tăng hấp thụ thức ăn, giảm dịch bệnh, giảm mùi hôi chuồng nuôi.

Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp: “Phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn gắn với bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học”

Kỹ thuật chăm nuôi	- Thức ăn ủ 24-36 tiếng trước khi cho ăn Bổ sung cây thảo dược khi cần thiết; Phòng chống bệnh cho vật nuôi		Bảo dưỡng đệm lót và chuồng nuôi – An toàn sinh học bằng vi sinh vật			Tăng sức đề kháng cho vật nuôi, không sử dụng kháng sinh
	Lợn					
Tăng trọng/giá thành/giá bán/lợi nhuận	Tăng trọng bình quân 20 kg/tháng (lợn)	Giá thành 50.000-53.000 đ/kg	Bán theo chuỗi 57.000 -67.000 đ/kg	Bán đệm lót :70.000 -100.000 đ/đầu lợn	Lợi nhuận/đầu lợn 700.000 – 1.300.000 đồng/đầu lợn	Người nuôi luôn có lãi, giá bán cao/ổn định -Liên kết theo chuỗi ngay từ khi nuôi
	Bò và gà tăng trọng tương đương nuôi bằng thức ăn công nghiệp		Giá bán như giá nuôi thông thường			
Môi trường được bảo vệ nhờ CN vi sinh -Tuần hoàn phụ phẩm cho trồng trọt (tăng hiệu quả kinh tế, hoàn toàn sạch cho môi trường)	Không dùng nước, không mùi hôi, không sả thải, ít dịch bệnh, không lan truyền dịch bệnh		Phù hợp với chăn nuôi nông hộ, gia trại và trang trại ở mọi điều kiện và ở mọi vùng miền trên cả nước. Bảo đảm sinh kế cho người dân			Tạo sinh kế cho người dân và hoàn toàn không sả thải, thu gom được phân phục vụ trồng trọt
Số địa phương và số đầu vật nuôi áp dụng quy trình chăn nuôi ứng dụng chế phẩm vi sinh	Đã có 240 hội viên của 20 tỉnh thành áp dụng quy trình chăn nuôi An toàn sinh học, theo hướng hữu cơ cho lợn, gà, bò. Các địa phương có số hộ/gia trại/trang trại áp dụng phổ biến: Vĩnh Phúc, Thừa Thiên Huế, Hà Tĩnh, Đồng Nai. -Năm 2022: 2.550 đầu vật nuôi -Năm 2023: 2.560 đầu vật nuôi -tính đến thời điểm này					
Tuần hoàn hiệu quả	- Người chăn nuôi luôn có đầu ra ổn định, giá cao, có lãi cao - Không ô nhiễm môi trường, bảo vệ nguồn nước. Không sả thải, không mùi hôi - Không bỏ đi thứ gì: Sản xuất đậm động vật cho vật nuôi và Tạo nguồn phân hữu cơ chất lượng cao cho trồng trọt từ phụ phẩm trong chăn nuôi, trồng trọt và đời sống. - Có chứng nhận gia trại/trang trại chăn nuôi hữu cơ.					

Một số hình ảnh các hội viên của Hội NNTH Việt Nam thuộc các chi hội áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, tuần hoàn, giảm phát thải hiệu quả





Bộ trưởng Bộ NN-PTNT Lê Minh Hoan (thứ 3 từ phải sang) tặng quà cho Nguyễn Văn Lịch, Hội viên của Chi hội NNTH miền Trung người đã rất thành công trong sản xuất NNHC, tuần hoàn theo chuỗi ở HTX Phong Thu, Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế

2.2. Phát triển mô hình trồng trọt tuần hoàn, theo hướng hữu cơ, giảm phát thải

Đã có 250 hội viên của các chi hội và bà con nông dân của tại một số tỉnh thành trên cả nước từ Bắc vào Nam hợp tác cùng Hội và Tập đoàn Quế Lâm phát triển các mô hình trồng trọt theo hướng hữu cơ trên nhiều loại cây trồng: Cây lương thực, cây ăn quả, cây công nghiệp và cây rau màu (lúa, khoai, cam bưởi, thanh long, xoài, mận, na, hồ tiêu, cà phê, chè, măng tây, hành tím, rau các loại..). Tất cả các mô hình trồng trọt tuần hoàn, theo hướng hữu cơ đã áp dụng Quy trình 5 không: Không thuốc trừ cỏ, không phân bón và thuốc trừ sâu hóa học, không cây trồng biến đổi gen, không thuốc kích thích, không sử dụng nước tưới bị nhiễm bẩn, hạn chế tối đa đốt phụ phẩm nông nghiệp.

Diện tích các loại cây trồng sản xuất NNTH, theo hướng hữu cơ được hội viên của Hội NNTH phát triển trong thời gian (năm 2022 - 2023)

STT	Khu vực	Loại cây trồng	Diện tích (ha)
1	Miền Bắc	Lúa	75
		Cây ăn quả và rau màu các loại	55
2	Miền Trung	Lúa	95
		Cây ăn quả và rau màu các loại	30
3	Tây Nguyên (Lâm Đồng)	Cà Phê	4
4	Miền Nam	Lúa	52
		Cây ăn quả và rau màu các loại	15
TỔNG CỘNG (ha)			326



Do các sản phẩm làm ra từ các mô hình nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn của các hội viên và bà con có chất lượng cao, sạch, thêm vào đó lại có chuỗi tiêu thụ ổn định của Tập đoàn Quế Lâm nên hầu hết các mô hình đều thu được hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất đại trà, cụ thể: Cây lúa tăng hiệu quả kinh tế so với sản xuất thông thường 16% (DT 39 và Bắc Thơm 7) ở các vùng phía Bắc và Miền Trung, tăng 35,8% trên giống (ST 24 và ST 25) tại các địa phương miền Nam. Cây ăn quả tùy loại và địa phương đều tăng hiệu quả từ 10,6% (dưa lê ở Vĩnh Phúc) tới 30,1% (thanh long ở Long An) và 14% (dưa hấu ở Sóc Trăng); Hành tím tăng 42,6% (sóc Trăng) và 28,9% (su su ở Vĩnh Phúc). Kết quả quan trọng hồi phục độ phì của đất và môi trường sống là giảm tối đa việc sử dụng hóa chất (không sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu hóa học), số lần phun thuốc bảo vệ thực vật giảm đi đáng kể, có nơi không phải phun thuốc vì không có sâu bệnh.

Hiệu quả kinh tế, môi trường của một số mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, tuần hoàn (2022-2023)

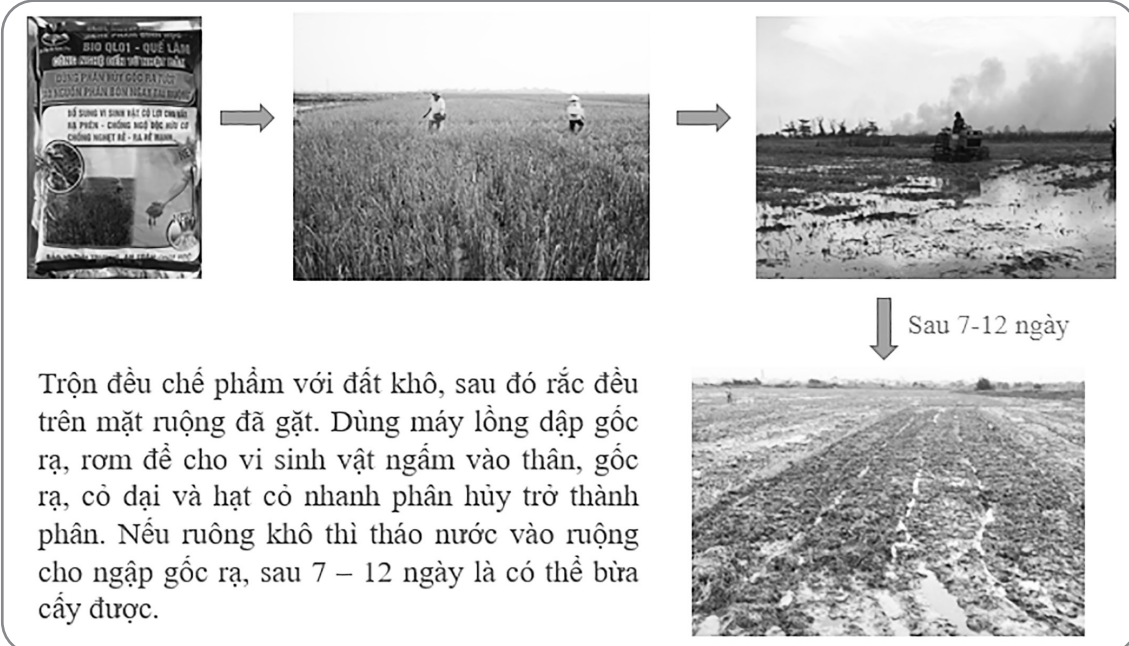
Cây trồng	Loại cây/giống	Địa bàn	Hiệu quả so với sản xuất thông thường		
			Kinh tế (%)	Môi trường	
				Sản xuất theo hướng hữu cơ	Sản xuất thông thường
Lúa	DT 39, Bắc thơm 7 và Tê Râu	miền bắc và miền Trung	16,0 -18%	Không phun	3-4 lần (thuốc hóa học)
	ST 24 và ST 25	miền Nam	35,8	2-3 lần thảo mộc	4-5 lần (thuốc hóa học)
Cây ăn quả	Dưa hấu	miền Nam	14	3-5 lần thảo mộc	7-10 lần (thuốc hóa học)
	Dưa lê	miền Bắc	10,6	3-4 lần sinh học	10 lần (thuốc hóa học)
	Thanh long	miền Nam	30,1	20-25 lần sinh học và thảo mộc	25-30 lần (thuốc hóa học)
Rau	Su su	miền Bắc	28,91	Không phun	1-2 lần (thuốc hóa học)
	Hành tím	miền Nam	42,6	3-4 lần thảo mộc	5-6 lần (thuốc hóa học)

2.2.1. Giải pháp sử dụng chế phẩm vi sinh xử lý phụ phẩm nông nghiệp, giảm giảm phát thải, tăng chất hữu cơ cho đất.

Chất hữu cơ là yếu tố cấu thành quan trọng nhất của độ phì nhiêu đất. Không có chất hữu cơ, không thể gọi là đất. Chất hữu cơ cũng là nguồn các bon để cây trồng quang hợp, tạo năng suất, việc cân bằng và ổn định hàm lượng hữu cơ trong đất là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, bởi nhờ có chúng mà độ phì nhiêu đất được hình thành. Có nhiều giải pháp để cân bằng hữu cơ trong đất như vùi phế phụ phẩm, bón phân ủ, phân chuồng, phân xanh. Tuy nhiên trong một thời gian dài do quá lệ thuộc vào phân bón hóa học nên nhiều giải pháp cổ truyền đã bị lãng quên. Để giải quyết vấn đề đót rơm rạ, giảm xả thải ra môi trường, cũng như góp phần lấy lại cân bằng hữu cơ cho đất, Hội NNTH Việt Nam đã sử dụng các chế phẩm vi sinh do Viện Nghiên cứu và Ứng dụng CNSH Quê Lâm phát triển, đã xử lý cho hàng ngàn ha rơm rạ mỗi năm ở các địa phương điển hình là tỉnh Vĩnh Phúc, Thừa Thiên Huế và Hà Tĩnh. Kết quả như sau

Chỉ tiêu theo dõi	Không xử lý	Xử lý bằng vi sinh trước khi lỏng cấy
Thời gian phân hủy gốc rạ	Hơn 10 ngày	Dưới 7 ngày
Bệnh ghệt rễ	Trên 30% số ruộng	Không bị ghệt rễ
Trừ cỏ	Thuốc trừ cỏ hóa học 1-2 lần	Làm cỏ bằng tay 1 lần
Diện tích ứng dụng (2022-2023)		12.000 ha (riêng Vĩnh Phúc là 10.000 ha)

Qua theo dõi cho thấy; Các ruộng dùng chế phẩm xử lý rơm rạ trước khi lồng cấy đã Cải thiện tính chất của đất, tạo nền thâm canh, tạo môi trường thuận lợi cho hệ vi sinh vật và động vật đất phát triển, tạo thành hệ sinh thái đất hoàn thiện nên cây lúa gieo/cấy lên nhanh, rễ dài, không bị ngộ độc, không bị bọ trĩ hại giai đoạn cây lúa còn nhỏ, giảm lượng phân bón 10-15%, cây lúa khỏe, lá cứng, chống chịu sâu bệnh và gió bão tốt hơn không xử lý.



Trộn đều chế phẩm với đất khô, sau đó rắc đều trên mặt ruộng đã gặt. Dùng máy lồng đập gốc rạ, rơm để cho vi sinh vật ngấm vào thân, gốc rạ, cỏ dại và hạt cỏ nhanh phân hủy trở thành phân. Nếu ruộng khô thì tháo nước vào ruộng cho ngập gốc rạ, sau 7 – 12 ngày là có thể bừa cấy được.





III. KẾT LUẬN

Biết rằng nông nghiệp tuần hoàn là con đường tất yếu và chủ động và hiệu quả của NN Việt Nam, tuy nhiên để chuyển đổi từ thói quen lạm dụng hóa chất trong trồng trọt và chăn nuôi, sử dụng nước quá nhiều trong chăn nuôi và xả thải ra môi trường..không dễ, nhưng dưới sự lãnh đạo của Chính Phủ của Bộ NN và PTNT và sự chung tay của toàn xã hội trong đó có các tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp như Hội NNTH Việt Nam. Chúng ta tin chắc rằng Kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp, giảm phát thải chắc chắn sẽ thu được nhiều thành công trong các năm tiếp theo, thực hiện thắng lợi Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn do Thủ tướng ký ban hành tháng 6/2022./.

HỘI NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN VIỆT NAM

ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN TRÊN CÂY CÔNG NGHIỆP DÀI NGÀY: CÀ PHÊ, ĐIỀU, HỒ TIÊU

*Đào Thị Lan Hoa, Đinh Thị Tiểu Oanh,
Đinh Văn Phê, Đặng Đình Đức Phong, Nguyễn Văn Ngọc*
Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên (WASI)

I. GIỚI THIỆU

Cà phê, điều, hồ tiêu là những mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam, xuất khẩu đứng vào nhóm các quốc gia có sản lượng xuất khẩu cao của thế giới (xuất khẩu cà phê xếp thứ 2; hồ tiêu và điều xếp thứ nhất).

Trong năm 2022, sản lượng cà phê xuất khẩu đạt 1,78 triệu tấn, kim ngạch đạt hơn 4 tỷ USD, tăng 13,8% về lượng và tăng 32% về trị giá; cà phê đạt 1,78 triệu tấn, kim ngạch đạt hơn 4 tỷ USD. Hạt tiêu đạt 229 nghìn tấn, kim ngạch đạt 971 triệu USD, giảm 12,4% về lượng nhưng tăng 3,5% về trị giá. Hạt điều đạt 520 nghìn tấn, kim ngạch đạt 3,1 tỷ USD, giảm 10,3% về lượng và 15,1% về trị giá (Bộ Công Thương, 2023).

Tuy vậy giá bán đạt chưa cao do chủ yếu xuất khẩu nguyên liệu thô, hơn nữa sản phẩm chưa có nhiều phân khúc tốt như nông sản sạch, nông sản hữu cơ. Để tăng giá trị của ngành hàng cần phải chú trọng đến sản xuất các loại nông sản này theo hướng hữu cơ, sản xuất khép kín - kinh tế tuần hoàn; đây cũng là hướng đi và là xu thế tất yếu trong sản xuất các loại nông sản hiện nay.

Nông nghiệp hữu cơ

Nông nghiệp hữu cơ là hệ thống đồng bộ hướng tới thực hiện các quá trình với kết quả bảo đảm hệ sinh thái bền vững, thực phẩm an toàn, dinh dưỡng tốt, nhân đạo với động vật và công bằng xã hội, không sử dụng các hóa chất nông nghiệp tổng hợp và các chất sinh trưởng phi hữu cơ, tạo điều kiện cho sự chuyển hóa khép kín trong hệ canh tác, chỉ được sử dụng các nguồn hiện có trong nông trại và các vật tư theo tiêu chuẩn của quy trình sản xuất (Liên đoàn Quốc tế các phong trào Canh tác Nông nghiệp Hữu cơ (IFOAM)).

Các nguyên tắc sản xuất nông nghiệp hữu cơ được quy định trong tiêu chuẩn của IFOAM, với mục tiêu đảm bảo hệ sinh thái cây trồng, vật nuôi, tạo ra những sản phẩm có chất lượng an toàn với người sử dụng, đem lại hiệu quả kinh tế, duy trì và nâng cao độ màu mỡ của đất.

Kinh tế tuần hoàn

Kinh tế tuần hoàn là quan điểm mới đã được đề cập và nhấn mạnh trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030,

tầm nhìn 2045, theo đó, “khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất”. Nghị quyết Đại hội XIII đã đưa tầm nhìn và định hướng phát triển giai đoạn 2021-2030, đó là “Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”.

Kinh tế tuần hoàn là kinh tế khép kín, thông minh, tái chế sử dụng các nguồn tài nguyên hiệu quả, hướng đến triệt tiêu các chất thải ra môi trường.

Trong phát triển nông nghiệp hữu cơ và kinh tế tuần hoàn trên cây công nghiệp lâu năm như cây cà phê, điều, hồ tiêu có rất nhiều tiến bộ kỹ thuật có thể được áp dụng để nâng cao năng suất, đạt hiệu quả kinh tế cao và bền vững. Dưới đây là một số tiến bộ kỹ thuật đã và đang được áp dụng trong sản xuất.

2. ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT VỀ GIỐNG

Có nhiều giống cây công nghiệp lâu năm mới được nghiên cứu, tuyển chọn và công nhận giống quốc gia được đưa vào sản xuất phục vụ cho chương trình phát triển cà phê, điều, hồ tiêu bền vững. Các giống này có khả năng chống chịu bệnh tốt hơn, có năng suất cao và chất lượng tốt, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế trên từng đơn vị diện tích canh tác, tăng thu nhập cho người dân, đóng góp vào GDP của ngành nông nghiệp và của quốc gia.

2.1. Giống cà phê vối

Một số giống cà phê vối mới phục vụ tốt yêu cầu phát triển cà phê bền vững gồm: TR4, TR9, TR11, TR12, TR14, TR15, TRS1, Cà dây, Xanh lùn. Các giống cà phê mới này không những cho năng suất cao, đạt từ 4 đến 7 tấn cà phê nhân/ha, kháng cao với bệnh gỉ sắt, với chỉ số biến động $\leq 0,1\%$, mà còn có kích cỡ hạt được cải thiện, trọng lượng 100 nhân đạt từ 17 - 23 g so với trọng lượng 100 nhân bình quân của các giống cà phê cũ chỉ đạt 13 đến 14 g (đây là chỉ tiêu chính để phân loại cà phê).

2.2. Giống cà phê chè

Các giống cà phê chè lai tạo mới của WASI gồm: TN1, TN2, TN6, TN7, TN9 và THA1 cho năng suất 3 - 4 tấn cà phê nhân/ha, kháng cao với bệnh gỉ sắt, tỷ lệ hạt loại 1 đạt trên 80%, thích nghi tốt với các vùng trồng cà phê chè chính trong cả nước (Lâm Đồng, Kon Tum, Quảng Trị, Sơn La).

2.3. Giống điều

Ưu tiên sử dụng các giống điều ghép có năng suất và chất lượng cao, thích nghi rộng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn khuyến cáo như: PN1 (vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên); ĐDH67-15 và ĐDH 102-293 cho vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ và một

số giống điều ghép mới đã được khảo nghiệm rộng đồng thời khẳng định được ưu thế trong sản xuất tại các tỉnh Đông Nam bộ và Tây Nguyên như AB29, AB05-08. Ngoài ra có thể phát triển một số giống mới có triển vọng như LBC5, LBC1, VNĐ10.

2.4. Giống hồ tiêu

Các giống hồ tiêu Vĩnh Linh, Lộc Ninh đã được công nhận lưu hành đặc cách, hiện đã và đang được phát triển tại các vùng trồng chính của Việt Nam. Đây là hai giống hồ tiêu địa phương của Việt Nam, được trồng lâu đời và được thực tế sản xuất chấp nhận với ưu thế là sinh trưởng khỏe, thích nghi rộng và có chất lượng tốt đáp ứng đầy đủ các yêu cầu xuất khẩu.

III. ỨNG DỤNG CÁC QUY TRÌNH KỸ THUẬT CANH TÁC MỚI TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, KINH TẾ TUẦN HOÀN TRÊN CÂY CÔNG NGHIỆP DÀI NGÀY: CÀ PHÊ, ĐIỀU, HỒ TIÊU

Việc áp dụng ứng dụng khoa học các quy trình, tiến bộ kỹ thuật trong thay đổi các quy trình sản xuất nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu cũng đã được thực hiện tích cực. Trong lĩnh vực trồng trọt, các loại cây công nghiệp: cà phê, điều, hồ tiêu đã có các quy trình kỹ thuật như: Quy trình kỹ thuật sản xuất cà phê vối theo hướng hữu cơ; Quy trình kỹ thuật sản xuất cà phê chè theo hướng hữu cơ; Quy trình tái canh cà phê vối; Quy trình tái canh cà phê chè; Quy trình canh tác cà phê vối chất lượng cao bền vững cho các vùng trồng chính ở Tây Nguyên; Quy trình kỹ thuật canh tác giống cà phê chè mới chất lượng cao, bền vững tại các vùng trồng chính; Quy trình canh tác tổng hợp cà phê vối tái canh theo hướng cơ giới hóa (tiền bộ kỹ thuật); Quy trình tưới tiết kiệm phun mưa tại gốc cho cà phê vối; Quy trình trồng xen trên vườn cà phê; Quy trình kỹ thuật thâm canh và ghép cải tạo vườn điều; Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch hồ tiêu; Một số biện pháp phòng chống bệnh chết nhanh, chết chậm hại hồ tiêu (tiền bộ kỹ thuật)...

Hiện nay việc sản xuất cà phê, điều, hồ tiêu hữu cơ để phục vụ nội tiêu trong nước phải tuân thủ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-2:2017 về Nông nghiệp hữu cơ - Phần 2: Trồng trọt hữu cơ. Trên thế giới hiện nay có rất nhiều chứng nhận hữu cơ, được ban hành từ các tổ chức có uy tín thuộc nhiều quốc gia khác nhau: chứng hữu cơ của Mỹ - USDA, chứng nhận hữu cơ của Nhật Bản - JAS, chứng nhận hữu cơ của Úc - ACO; Chứng nhận hữu cơ của Châu Âu - EU.

3.1. Áp dụng quy trình trồng xen

Sản xuất cà phê, điều, hồ tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời nhằm thực hiện mục tiêu đưa phát thải ròng về 0 vào năm 2050, chúng ta mong muốn sản xuất cà phê, điều, hồ tiêu không chỉ về giá thành, mà đòi hỏi phải chú trọng đến phát thải khí nhà kính cho mỗi tấn sản phẩm là bao nhiêu? Giải pháp trồng xen các loại cây có giá trị cao trên vườn

cà phê, điều, hồ tiêu rất thiết thực. Cho đến nay đa số các vùng trồng chính cà phê, điều, hồ tiêu trên cả nước đã và đang áp dụng mô hình này.

3.2. Ứng dụng biện pháp tưới nước tiết kiệm

Hệ thống tưới nhỏ giọt khá đơn giản bao gồm bơm hoặc tháp nước, hệ thống lọc tạp chất, hệ thống phân bón hoặc chất dinh dưỡng đi kèm, đường ống dẫn và thiết bị tạo giọt. Hệ thống bơm và các van xả có thể điều khiển bằng tay hoặc tự động bằng máy tính. Đến nay, hệ thống tưới tiêu nhỏ giọt là biện pháp tưới tiêu tiết kiệm nước nhất.

Phương pháp tưới nước nhỏ giọt hay phun mưa tại gốc giúp phân bố lượng nước đồng đều cho tất cả các điểm mà không làm xói mòn hoặc nén chặt đất trồng trọt. Mặc dù rất hiện đại, nhưng công nghệ này dễ thao tác và lắp đặt, không cần hỗ trợ kỹ thuật nhiều.

Tưới nhỏ giọt, phun mưa tại gốc ít phụ thuộc vào các yếu tố tự nhiên như địa hình dốc hay chia cắt, thành phần cũng như cấu trúc đất, giúp tiết kiệm nước so với phương pháp tưới truyền thống. Vật tư, vật liệu lắp đặt hệ thống có trên thị trường trong nước, lắp đặt 1 lần sử dụng được lâu dài...

Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy nếu được tưới bằng các phương pháp tưới nhỏ giọt thì năng suất cây trồng tăng lên khoảng 50% và lượng nước tiết kiệm khoảng 40-70% so với các biện pháp tưới thông thường.

Tại các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm phun mưa tại gốc kết hợp với bón phân đã giúp người trồng cà phê sử dụng nguồn nước tưới, phân bón và công lao động một cách có hiệu quả; Giúp tiết kiệm 30 - 40% lượng nước tưới so với truyền thống, tăng năng suất cà phê từ 15 - 20%. Qua đánh giá thực tế 100% diện tích áp dụng mô hình tưới tiết kiệm cho cây cà phê đều đem lại lợi ích cao.

Trên cây hồ tiêu, hệ thống tưới nước tiết kiệm (phun mưa tại gốc) kết hợp bón phân qua hệ thống tưới đã làm giảm lượng nước từ 15 - 20 %, góp phần sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước; tiết kiệm được lượng phân bón từ 30 - 40 %; từ đó lợi nhuận cũng được tăng lên rõ.

3.3. Áp dụng quy trình sản xuất hữu cơ

Trong những năm gần đây, nhu cầu về nông sản sạch càng trở nên quan trọng, các vùng canh tác cà phê, điều, tiêu hữu cơ đã được đầu tư về quy trình lựa chọn giống phù hợp, quy trình chăm sóc và sản xuất để đảm bảo chất lượng hạt tốt hơn và lan tỏa các giá trị tích cực về bảo vệ thiên nhiên tới cộng đồng.

Để tạo ra nguồn nông sản an toàn cho người tiêu dùng, nhiều nông hộ, hợp tác xã, doanh nghiệp đang dần thay đổi áp dụng quy trình sản xuất hữu cơ, kinh tế tuần hoàn.

Nhìn chung canh tác theo quy trình hữu cơ, năng suất không cao bằng canh tác truyền thống. Quy trình sản xuất khá nghiêm ngặt và đòi hỏi tính công khai, minh bạch, trình độ sản xuất cao.

Trên cây cà phê, điều, hồ tiêu, nếu người dân tuân thủ nghiêm các quy định và quy trình sản xuất hữu cơ thì phải mất từ 3 - 5 năm mới bắt đầu có sản phẩm hữu cơ để xuất bán nhưng đổi lại vườn cây sinh trưởng bền vững, sức khỏe người trồng được đảm bảo, đầu ra của sản phẩm luôn ổn định với giá trị cao hơn khoảng 25% so với giá thị trường.

*** Trên cây cà phê**

Các mô hình sản xuất cà phê chè theo hướng hữu cơ có truy xuất nguồn gốc và liên kết theo chuỗi giá trị phù hợp hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo chuỗi liên kết, nâng cao năng suất, chất lượng cà phê chè được thực hiện từ năm 2021 - 2022 tại Lâm Đồng (trên 10 ha) và Sơn La (11 ha), đều cho thấy năng suất cà phê được ổn định, từ đó có thể mở rộng liên kết thị trường tiêu thụ, giá bán sản phẩm cao, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho bà con nông dân sản xuất cà phê; Ngoài ra còn có rất nhiều mô hình sản xuất cà phê với hữu cơ được thực hiện tại các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ đều cho kết quả rất khả quan. Các mô hình thành công có tính lan tỏa cao, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, sức khỏe cho người sản xuất và người tiêu dùng, giảm ô nhiễm môi trường do ít sâu bệnh hại, không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật độc hại, hướng tới một nền nông nghiệp xanh, bền vững.

Trong những năm gần đây, các mô hình sản xuất cà phê hữu cơ, cà phê cảnh quan vừa sản xuất nông nghiệp vừa kết hợp với du lịch trải nghiệm ngày càng gia tăng, đáp ứng nhu cầu của xã hội theo hướng gần gũi với thiên nhiên, môi trường sinh thái, văn hóa vùng miền. Đây là mô hình có tiềm năng, góp phần phát triển nông nghiệp du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới, phù hợp với chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Hiện nay các hợp tác xã, trang trại sản xuất nông nghiệp đang từng bước hoàn thiện đầu tư cơ sở hạ tầng, vườn cây và chất lượng các sản phẩm nông nghiệp như: Hợp tác xã Nông nghiệp Hữu cơ, Công ty Vương cà phê, trang trại cà phê sinh thái Hưng Định, Hợp tác xã Công bằng Ea Tu, Trang trại Đặng Farm, Công ty Vĩnh Hiệp (ở Gia Lai)... Hàng năm các mô hình nông nghiệp này đã thu hút khách tham quan trong và ngoài nước. Các sản phẩm chế biến sâu, đặc trưng có chất lượng như: cà phê nhân, cà phê bột, cà phê sấy lạnh, mật hoa cà phê, trà hoa cà phê, trà vỏ quả cà phê cascara đã được du khách và người tiêu dùng đánh giá cao về chất lượng, đã và đang mang lại thu nhập cao cho người sản xuất cà phê, góp phần tăng tỷ trọng giá trị kinh tế của vùng Tây Nguyên

*** Trên cây điều**

Trong những năm gần đây, việc chuyển đổi canh tác điều sang hướng hữu cơ đã được rất nhiều nông hộ, và các công ty, hợp tác xã thực hiện. Các mô hình canh tác điều hữu cơ đã hình thành và phát triển ở một số vùng trồng điều chính trên cả nước như Bình Phước, Ninh Thuận. Tại Tây Nguyên đã hình thành các mô hình canh tác điều hữu cơ ở các địa phương như Đạ Terh, Lâm Đồng; Ia Grai, Gia Lai.

Đã có rất nhiều mô hình ứng dụng thành công, cụ thể như Công ty Cổ phần Visimex Sài Gòn đã triển khai chương trình chuyển đổi canh tác điều theo hướng hữu cơ tại các xã Đạ Lây, Đạ Pal, Mỹ Đức, Triệu Hải, Quốc Oai của huyện Đạ Tẻh vào năm 2020. Tham gia

mô hình sản xuất điều hữu cơ, nông dân được nhận hỗ trợ đầu tư tái canh vườn điều, ghép, trồng thay thế bằng giống điều chất lượng cao, hướng dẫn chăm sóc, bón phân theo quy trình hữu cơ; hướng dẫn ghi chép sổ sách theo quy trình quản lý canh tác hữu cơ; cách thức thiết lập vùng đệm, hàng rào sinh học, loại bỏ các nguồn lây nhiễm như bao phân hóa học, bao bì thuốc bảo vệ thực vật ra khỏi vườn cây...

Đến nay, Công ty Cổ phần Visimex Sài Gòn đã hướng dẫn cho 350 hộ nông dân tham gia (500 ha) mô hình trên địa bàn các xã áp dụng quy trình trồng điều hữu cơ. Đồng thời, khoanh vùng, ký kết hợp đồng bao tiêu, thu mua sản phẩm vùng điều tại các xã tham gia mô hình. Điều có chứng nhận hữu cơ được công ty thu mua giá cao hơn 3.000 - 4.000 đồng/kg so với giá thị trường.

Tại Gia Lai, Hợp tác xã Mật ong đã phối hợp cùng chính quyền và 133 nông hộ ở 2 xã Ia Chía, Ia O, liên kết trồng điều hữu cơ trên diện tích gần 370 ha. Bước đầu, Hợp tác xã tổ chức tập huấn kỹ thuật cho các nông hộ, chuyển đổi quy trình canh tác cây điều theo tiêu chuẩn của Mỹ (USDA) và EU.

Tại Bình Phước, điều hữu cơ đạt chuẩn Âu, Mỹ như của hộ ông Dụng Quý Đông, xã Tân Hưng, huyện đồng Phú, tỉnh Bình Phước (với diện tích trồng 420 ha, trong đó ½ diện tích đạt chứng nhận theo tiêu chuẩn Châu Âu, Mỹ) (Hồng Thủy, Minh Sáng, 2023).

*** Trên cây hồ tiêu**

Diện tích sản xuất tiêu hữu cơ còn chiếm tỷ lệ rất nhỏ, nhất là tại các tỉnh Tây Nguyên là vùng trồng tiêu lớn của cả nước (chỉ chiếm 3,53% trong tổng diện tích hồ tiêu và đa phần diện tích canh tác hữu cơ tại đây đều được sản xuất theo đặt hàng của các đơn vị thu mua (Số liệu điều tra của PRDC tháng 12 năm 2022).

IV. ỨNG DỤNG CÁC TIẾN BỘ KỸ THUẬT TRONG QUẢN LÝ SÂU BỆNH HẠI

Áp dụng các biện pháp quản lý dịch bệnh trên các diện tích cây trồng áp dụng quy trình trồng hữu cơ bằng cách tạo điều kiện cho các thiên địch, vi sinh vật có ích trên đồng ruộng phát triển, bổ sung thêm các loại thiên địch, vi sinh vật có lợi. Điều này giúp giảm sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón hóa học, làm cho sản phẩm hạt cà phê, điều, hồ tiêu an toàn và chất lượng cao hơn, bảo đảm sức khỏe cho người trồng, an toàn cho người sử dụng... Các quy trình kỹ thuật, giải pháp phòng, chống sinh vật gây hại cũng được áp dụng phổ biến. Trong đó, các giải pháp không gây tác hại tới môi trường, bằng việc sử dụng nấm xanh, nấm trắng, nấm *Trichoderma*, vi khuẩn *Bacillus*... được sử dụng

Cùng với đó là việc ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác bảo vệ thực vật, như: phần mềm quản lý sinh vật gây hại; ứng dụng công nghệ trạm khí tượng tự động dự báo thời tiết và dự báo sinh vật gây hại đã được ứng dụng trong sản xuất cà phê, điều, hồ tiêu.

V. ỨNG DỤNG CÁC TIẾN BỘ KỸ THUẬT TRONG TÁI CHẾ VÀ CHUYÊN HÓA CHẤT THẢI

Trong sản xuất cà phê, điều, hồ tiêu sẽ tạo ra các phụ phẩm, phế phẩm ngoài các sản phẩm thu hoạch chính. Nếu không sử dụng có hiệu quả nguồn phế phụ phẩm này sẽ rất lãng phí, đồng thời phế phụ phẩm sẽ trực tiếp gây ô nhiễm môi trường. Áp dụng kỹ thuật tái chế phế phẩm từ quá trình chế biến cà phê, điều, hồ tiêu để tạo ra phân bón hữu cơ và các sản phẩm khác, giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường đã được triển khai áp dụng trên quy mô rộng. Đã có các quy trình được áp dụng trong sản xuất: Quy trình áp dụng các chế phẩm vi sinh trong việc xử lý tàn dư thực vật làm phân bón hữu cơ; Quy trình xử lý vỏ cà phê làm phân bón cho cây trồng; Quy trình xử lý vỏ quả điều làm phân bón; Quy trình xử lý vỏ cà phê, vỏ hạt điều làm than hoạt tính...

Hiện có nhiều mô hình kinh tế tuần hoàn, tái chế, tái sử dụng chất thải được các doanh nghiệp triển khai áp dụng thành công trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, mang lại lợi ích, giá trị lớn về kinh tế, xã hội và môi trường cho doanh nghiệp cũng như cộng đồng.

*** Trong ngành cà phê**

Một số đơn vị trong quá trình hoạt động đã và đang thực hiện giảm thiểu chất thải. Ở một số đơn vị sản xuất cà phê bột, cà phê 2 trong 1, 3 trong 1 hay cà phê sấy lạnh đã tối ưu hóa các phế phụ phẩm sau chế biến thành thành nguyên liệu than phục vụ lại làm chất đốt hoặc sản xuất gạch phục vụ xây dựng. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến cà phê, nhờ áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, mỗi năm, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nestlé Việt Nam có thể giảm gần 13.000 tấn CO₂ phát thải trong quá trình đốt lò hơi. Toàn bộ bã cà phê đều được tuần hoàn, tái sử dụng. Bã cà phê sau chế biến được sử dụng làm viên năng lượng sinh khối, thay thế hơn 74% nguồn năng lượng cho vận hành lò hơi. Chỉ riêng việc sử dụng viên năng lượng sinh khối giúp doanh nghiệp tiết kiệm 40 - 50 tỷ đồng/năm chi phí năng lượng lò hơi. Cùng với đó, cát thải tạo ra trong quá trình vận hành lò hơi được sử dụng làm viên gạch không nung được sử dụng cho công trình thương mại và dân dụng. Bùn thải sau chế biến cà phê được dùng làm phân vi sinh.

Thân cây cà phê sau hết chu kỳ kinh doanh được thanh lý, các sản phẩm gỗ được gia công chế biến thành các vật liệu phục vụ nội thất, trang trí; các phế phụ phẩm nhỏ có thể được sử dụng để làm nguyên liệu cho lò sấy cà phê hoặc biochar để bón cho cây cà phê và các cây trồng khác. Bã cà phê, vỏ cà phê được phối trộn với phân hữu cơ và các nguyên liệu khác, ủ với men vi sinh dùng làm phân bón cho cây trồng. Một số đơn vị còn phát triển vỏ bao bì cà phê có thể phân hủy hoặc tái sử dụng hay cốc từ bã cà phê đã qua sử dụng hoặc vỏ cà phê...

Quy trình sử dụng chế phẩm sinh học ủ vỏ quả cà phê và các phế phụ phẩm, tàn dư thực vật trên vườn cà phê làm phân bón hữu cơ được người dân áp dụng rất nhanh và rộng khắp trên các vùng trồng cà phê.

Ngoài ra, các mô hình nông lâm kết hợp đa tầng trên vườn cà phê (Ví dụ: cành nhánh cây keo dậu, cây dâm bụt, cỏ voi, cỏ sả, chè đại, cỏ stylo... được làm nguyên liệu thức ăn cho gia súc, gia cầm, cá; các loại dược liệu được chế biến làm thuốc...); các mô hình trồng cà phê kết hợp với nuôi ong mật (sản phẩm mật ong, phấn hoa phục vụ con người); các hồ chứa nước nhân tạo trong vườn cà phê (nuôi cá phục vụ con người, thức ăn cho gia cầm, làm phân bón) cũng đã gia tăng thu nhập và hiệu quả kinh tế trên vườn cà phê.

*** Trong ngành điều**

Điều là cây đa mục đích, ngoài sản phẩm chính là nhân hạt điều, các sản phẩm khác từ cây điều (quả điều, dầu vỏ hạt điều, bã vỏ hạt điều, vỏ lụa, gỗ, củi...) cũng có giá trị. Việc nghiên cứu sử dụng phụ phẩm từ cây điều rất phù hợp với xu hướng phát triển nông nghiệp tuần hoàn hiện nay. Việc ứng dụng các quy trình tái sử dụng các phụ phẩm từ cây điều đã thực hiện tại các vùng trồng điều chính.

Nhiều quy trình đã được công nghiệp hóa để chuyển đổi quả điều thành một số sản phẩm như nước trái cây, mứt, sirô... Quy trình xử lý vỏ quả điều với men vi sinh để làm thức ăn gia súc, phân bón giúp tăng thu nhập cho người dân, đồng thời góp phần làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Cùng với đó là việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất thực nghiệm các sản phẩm có giá trị gia tăng từ thịt quả điều tại tỉnh Bình Phước là dự án đang được triển khai với mục tiêu tạo ra sản phẩm là mứt điều, bột dinh dưỡng, nước giải khát quả điều nhằm góp phần nâng cao giá trị kinh tế của vùng trồng điều Bình Phước cũng như làm sản phẩm đặc sản của địa phương, hướng đến phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững.

Quy trình sử dụng bã điều để sản xuất chất đốt đang được đánh giá là một giải pháp thúc đẩy sự phát triển bền vững và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường

Quy trình chế biến than hoạt tính từ vỏ điều, tàn dư thực vật trên cây điều đã được ứng dụng trong sản xuất.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật là giải pháp tất yếu, đã và đang đạt hiệu quả cao trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn trên các loại cây công nghiệp dài ngày: cà phê, điều, hồ tiêu. Tuy nhiên do tiềm lực kinh tế, nguồn vốn hỗ trợ xây dựng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao còn ít, trình độ của người dân chưa đều nên việc phổ biến, áp dụng phương thức canh tác tiến bộ còn khó khăn và diện tích sản xuất hữu cơ nhóm nông sản cà phê, điều, hồ tiêu chưa được nhiều. Đây là những tình trạng cần sớm có giải pháp khắc phục để phát triển nền nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn bền vững trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Công thương, 2023. Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam 2022.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2019. Thông tư số 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2019 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ.

Hồng Thủy, Minh Sáng, 2023. Điều hữu cơ đạt chuẩn Âu, Mỹ của người trồng điều lớn nhất Bình Phước. <https://nongsanviet.nongnghiep.vn/dieu-huu-co-dat-chuan-au-my-cua-nguoi-trong-dieu-lon-nhat-binh-phuoc-d304841.html>.

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-2:2017 về Nông nghiệp hữu cơ - Phần 2: Trồng trọt hữu cơ./.

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG LÂM NGHIỆP TÂY NGUYÊN (WASI)

THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG

Trung tâm Khuyến nông và Giống, nông lâm nghiệp tỉnh Đắk Nông

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn là những khái niệm không còn mới nhưng là những hệ thống canh tác đã gây nên sự chú ý ngày càng tăng ở nhiều quốc gia trong 2 thập kỷ qua, nhất là các nước phát triển, khi mà áp lực về lương thực giảm đi, song áp lực về vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng nông sản và môi trường, đa dạng sinh học lại tăng lên. Nhiều nước trên thế giới như ở châu Âu, Bắc Mỹ,... đã khuyến khích nông dân áp dụng nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn vào sản xuất và mang lại hiệu quả thiết thực. Tuy nhiên ở nhiều quốc gia khác, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn là câu chuyện còn khá mới mẻ, khái niệm về các loại hình canh tác này được hiểu rất khác nhau, có nhiều quan niệm và cách thức áp dụng vào thực tiễn sản xuất, chưa có quy trình cụ thể và Việt Nam chúng ta cũng không là ngoại lệ. Hiện tại có rất nhiều định nghĩa khác nhau về nông nghiệp hữu cơ cũng như nông nghiệp tuần hoàn. Phần lớn đều hiểu nông nghiệp hữu cơ là một nền nông nghiệp không sử dụng hóa chất, các nguồn hữu cơ được tái sử dụng một cách triệt để. Nông nghiệp tuần hoàn là một chu trình sản xuất nông nghiệp khép kín, chất thải hay phế phụ phẩm nông nghiệp của quá trình này là khởi đầu của quá trình khác thông qua việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học. Tuy nhiên, dù có khác nhau trong khái niệm và yêu cầu trong quy trình nhưng bản chất của bất kỳ một nền nông nghiệp nào cũng phải gắn với năng suất, chất lượng của sản phẩm cuối cùng và tính bền vững của môi trường.

Cùng với sự phát triển của khoa học, khi mà kiến thức con người đã dần chi phối được các quy luật của tự nhiên thì khái niệm hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn cũng được hiểu theo nghĩa rộng hơn, tổng hợp hơn. Xem xét bản chất quá trình sử dụng dinh dưỡng của cây trồng chúng ta thấy rằng, chất dinh dưỡng dù sử dụng ở bất kỳ dạng nào, hữu cơ hay vô cơ thì chúng đều phải trải qua một quá trình chuyển hóa về dạng ion (anion hoặc cation) trước khi được cây trồng hấp phụ. Thêm nữa, chất lượng nông sản không hoàn toàn phụ thuộc vào dạng phân bón sử dụng mà lại phụ thuộc vào liều lượng, chủng loại, tỉ lệ, phương pháp và thời kỳ bón cho cây trồng. Với thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học không hoặc ít độc hại, thời gian phân hủy ngắn... và phải đảm bảo thời gian cách ly. Như vậy, sản phẩm sạch đáp ứng yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm không hoàn toàn không có chứa các yếu tố độc hại mà là sản phẩm có hàm lượng các chất độc hại dưới ngưỡng cho phép theo tiêu chuẩn quốc gia hay quốc tế.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng ta có thể thấy nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn là hệ thống sản xuất cho phép khai thác tối ưu các nguồn tài nguyên như đất, năng lượng, các chất dinh dưỡng, các quá trình sinh học diễn ra trong tự nhiên với một phương pháp quản lý hợp lý nhất nhằm mục đích tạo ra sản phẩm đáp ứng yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm, đồng thời cũng đảm bảo cho hệ thống sản xuất bền vững về môi trường, xã hội và kinh tế. Đây là xu hướng tất yếu của nông nghiệp và là nền nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp bền vững, thân thiện, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG

Với những giá trị mang lại cho sản xuất nông nghiệp cũng như môi trường cho thấy phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp cần được đẩy mạnh, để tiếp tục gia tăng chuỗi giá trị cho ngành nông nghiệp và hướng đến phát triển kinh tế xanh và bền vững. Thực tế tại Đắk Nông đã có nhiều mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn trong trồng trọt cũng như chăn nuôi, cụ thể các mô hình: Tạo và sử dụng khí bioga làm chất đốt từ chất thải, nước thải trong chăn nuôi; mô hình kết hợp trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; mô hình nông - lâm kết hợp; mô hình vườn rừng; mô hình tuần hoàn lấy phế phụ phẩm trong nông nghiệp làm chất xúc tác hoặc tạo ra các sản phẩm có giá trị khác; mô hình tiết chế hóa, gắn liền với việc hạn chế sử dụng phân hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc thú y, thuốc tăng trưởng trong trồng trọt và chăn nuôi; mô hình đạ cá trong trồng trọt;

Theo số liệu thống kê, đến nay toàn tỉnh có khoảng 10 cơ sở (Tổ hợp tác, Hợp tác xã,...) sản xuất đạt chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ với tổng diện tích hơn 659 ha; sản lượng hơn 2.525 tấn. Các cơ sở đã hình thành và áp dụng sản xuất NNHC, tạo chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản an toàn, trong số 10 cơ sở hiện được chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ trên địa bàn tỉnh có tới 6 HTX tham gia. Các sản phẩm nông nghiệp đã được chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ chủ yếu là cà phê (70 ha), hồ tiêu (492 ha), còn lại là các sản phẩm khác như rau và cây ăn trái (97,26 ha). Mặc dù rau hữu cơ đang chiếm diện tích ít (khoảng 7 ha) nhưng đã đạt được tiêu chuẩn hữu cơ của Mỹ và châu Âu - một trong những tiêu chuẩn cao của thị trường quốc tế.

Chăn nuôi theo hướng hữu cơ đã và đang dần hình thành tại các huyện Cư Jut, Krông Nô, Đắk Glong, với quy mô khoảng từ 500 - 2.000 con; thủy sản có một số mô hình theo hướng hữu cơ như nuôi cá lăng đuôi đỏ và cá bông lau tại H.Đắk Rlấp, nuôi cá lồng bè tại H.Đắk Glong. Việc áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ đã từng bước thay đổi tập quán canh tác của nông dân, tiến đến sản xuất áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng cao hơn, sạch hơn, thân thiện với môi trường. Các sản phẩm tạo đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, bảo đảm an toàn cho người tiêu dùng.

Sản xuất nông nghiệp tuần hoàn đã trở thành một lựa chọn và là xu hướng tất yếu của ngành nông nghiệp Đăk Nông trong thời gian tới. Với tỷ lệ cao dân cư tập trung ở nông thôn và thu nhập chính của người dân chủ yếu dựa vào nông nghiệp như hiện nay cùng với sự hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng, việc định hướng cho người dân cũng như ngành nông nghiệp phát triển đáp ứng được yêu cầu là cần thiết. Chính vì vậy, các cấp ủy đảng, chính quyền, ban ngành đang nỗ lực không ngừng để ngành nông nghiệp tỉnh Đăk Nông phát triển bền vững, mang lại hiệu quả cao cho người sản xuất. Với những cây trồng chủ lực như cà phê, hồ tiêu và cây trồng khác thì hằng năm lượng phế phụ phẩm được sinh ra không nhỏ, đây là nguồn tài nguyên quan trọng để sản xuất phân hữu cơ chất lượng cao, bổ sung nguồn dinh dưỡng cho cây trồng, cải tạo đất nhưng giá thành chỉ bằng 30% so với giá thị trường.

Trên thực tế, nông nghiệp tuần hoàn đã được người dân áp dụng vào sản xuất nhưng vẫn còn mang tính nhỏ lẻ, tự phát, chưa tập trung, thiếu liên kết nên hiệu quả chưa được phản ánh rõ rệt. Với sự liên kết trong sản xuất của những người cùng chí hướng thì nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn càng phát triển mạnh hơn. Sự ra đời của các hợp tác xã đã giúp các thành viên không chỉ liên kết đơn thuần mà cùng nhau có trách nhiệm và tuân thủ đúng quy định chung, giúp nhau phát triển cùng xây dựng và làm cho hợp tác xã phát triển một cách hiệu quả nhất. Tại Đăk Nông có thể kể đến Hợp tác xã nông nghiệp thương mại dịch vụ hữu cơ Hoàng Nguyên, Hợp tác xã thương mại – dịch vụ - Nông nghiệp hữu cơ Tâm Thành Phát,... Từ khi thành lập đến nay, các hợp tác xã này luôn hướng tới sản xuất bền vững, sản xuất tạo ra sản phẩm hữu cơ, đạt chuẩn “ogarnic”. Để đạt được kết quả đó, ngoài việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình kỹ thuật thì các hợp tác xã tiến hành sản xuất phân hữu cơ từ các phế phụ phẩm nông nghiệp có sẵn để thay thế phân hóa học. Hiện nay, để tăng được sản lượng phân hữu cơ các hợp tác xã tích cực thu mua những phế phụ phẩm tại địa phương do người dân không sử dụng.

Những năm qua, nông nghiệp của tỉnh Đăk Nông tăng trưởng cao so với bình quân cả nước. Nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng toàn diện, bền vững và hiện đại, đặc biệt là lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã đạt được những kết quả khả quan. Công nghệ cao được ứng dụng phổ biến là sản xuất trong nhà màng và nhà lưới, sử dụng hệ thống tưới tự động, tưới tiên tiến tiết kiệm nước trên cây công nghiệp, công nghệ bảo quản và chế biến sau thu hoạch, Việc áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật đã từng bước thay đổi tập quán canh tác của nông dân, tiến đến sản xuất theo hướng kỹ thuật, chất lượng cao hơn, sạch hơn, thân thiện với môi trường. Các sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên, nguồn gốc sinh học được sản xuất đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, bảo đảm an toàn cho người tiêu dùng. Bên cạnh đó, phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn cũng đang được người sản xuất và người tiêu dùng hướng tới. Sản xuất nông nghiệp hữu cơ được coi là công tác an toàn nông sản có kiểm soát, không sử dụng hóa chất, phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, chất diệt cỏ, chất kích thích tăng trưởng. Mọi công đoạn từ khâu làm đất, đến thu hoạch đều được ghi

chép để truy xuất nguồn gốc nếu có vấn đề khi tiêu dùng... Qua đó, cho thấy nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn là xu thế tất yếu của nông nghiệp Đắc Nông và ngoài mang giá trị về mặt kinh tế mà còn góp phần rất lớn trong việc bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học tạo ra nhiều cơ hội cho người nông dân khi hội nhập với thị trường quốc tế.

III. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN TẠI TỈNH ĐẮC NÔNG

3.1. Cơ hội

Nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn là xu hướng tất yếu để đảm bảo nền nông nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. Trong những năm gần đây, việc sử dụng các loại phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật tràn lan, chủ yếu với mục đích tăng năng suất cây trồng nhưng đã gây ra những tác động, ảnh hưởng xấu tới hệ sinh thái; môi trường bị ô nhiễm, suy thoái; nguy hại đến con người. Việc sản xuất truyền thống gây lãng phí nguồn tài nguyên tái tạo được như nguồn phụ phẩm nông nghiệp đã và đang gây ra hiện tượng ô nhiễm môi trường sinh thái, ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng, tăng chi phí đầu tư,... Vì vậy, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn sẽ là xu hướng tất yếu của nền nông nghiệp tương lai. Sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn với mục tiêu đảm bảo thân thiện môi trường, hệ sinh thái cây trồng, vật nuôi, tạo ra những sản phẩm có chất lượng an toàn với người sử dụng, đem lại hiệu quả kinh tế, duy trì và nâng cao độ màu mỡ cho đất, việc phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái và sử dụng sản phẩm hữu cơ góp phần quan trọng để phục hồi, duy trì, bảo dưỡng hệ sinh thái, sức khỏe của con người. Đặc biệt, trong bối cảnh biến đổi khí hậu như hiện nay, đang có những ảnh hưởng ngày càng rõ rệt đối với ngành nông nghiệp, việc sản xuất nông nghiệp theo mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn với việc luân canh các loại cây trồng, tận dụng nguồn phụ phẩm, không sử dụng các hóa chất độc hại, không gây ô nhiễm môi trường, canh tác đúng cách, đúng thời điểm để đảm bảo dinh dưỡng, thân thiện môi trường và đảm bảo sự cân bằng của đất làm giảm phát thải khí nhà kính, cải thiện và đảm bảo cân bằng hệ sinh thái nông nghiệp, tránh việc khai thác quá mức tài nguyên.

Ngoài xu hướng lựa chọn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của người tiêu dùng, cơ hội cho phát triển nông nghiệp hữu cơ còn phải kể đến nhu cầu trong nước và quốc tế tăng cao đối với những sản phẩm an toàn. An toàn vệ sinh thực phẩm đang là tiêu chí hàng đầu của đa số người tiêu dùng trước tình trạng thực phẩm không rõ nguồn gốc, sử dụng các hóa chất độc hại. Vì thế người tiêu dùng đang dần có xu hướng thay đổi thói quen, bắt đầu quan tâm tới chất lượng sản phẩm và an toàn sức khỏe hơn trước đây. Thêm vào đó, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam ngày càng tăng sẽ thúc đẩy thói quen mua sắm sản phẩm chất lượng cao và đảm bảo. Ngoài ra, thị trường nước ngoài ngày càng ưa chuộng các sản phẩm hữu cơ thì việc phát triển nông nghiệp hữu cơ thực sự là cơ hội cho nông nghiệp Việt Nam nói chung và ngành nông nghiệp Đắc Nông nói riêng. Chính vì vậy, một số sản phẩm hữu cơ đã có chỗ đứng vững trên thị trường như rau sạch, trái cây hữu cơ, thịt sạch, hồ tiêu

organic,... Tuy nhiên, hầu hết nông sản chúng ta xuất khẩu ở dạng thô, chưa qua chế biến, chất lượng chưa cao, do vậy giá trị gia tăng rất thấp.

Cơ hội học hỏi kinh nghiệm từ các nước, tình có nền nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn phát triển. Theo Viện Nghiên cứu nông nghiệp hữu cơ (FiBL) và Liên đoàn quốc tế các phong trào NNHC - IFOAM (2016), đến cuối năm 2014 trên thế giới có 172 nước sản xuất nông nghiệp hữu cơ, với tổng diện tích 43,7 triệu ha (chiếm 0,99% diện tích đất nông nghiệp toàn cầu). Với vị thế là một quốc gia đi sau trong xu thế phát triển nông nghiệp hữu cơ, Việt Nam sẽ có cơ hội học hỏi kinh nghiệm, kỹ thuật canh tác, tìm hiểu về thị trường tiềm năng các sản phẩm của các nước đi trước, đặc biệt các quốc gia có tính chất tương đồng về vị trí địa lý, điều kiện khí hậu như Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia... Ngoài ra, trên toàn quốc có nhiều tỉnh thành đã xây dựng các mô hình sản xuất hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn và mang lại hiệu quả cao.

Lợi thế từ một tỉnh nông nghiệp và có nhiều sản phẩm phong phú, đa dạng phù hợp nhu cầu ngày càng cao của con người. Đắk Nông xác định nông nghiệp là một trong những lĩnh vực phát triển kinh tế chính, tỉnh Đắk Nông hiện đang chú trọng nền nông nghiệp hữu cơ, đồng thời đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp. Đây là cơ hội để người dân phát triển sản xuất hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn mang lại giá trị cho người nông dân, tăng thu nhập, đảm bảo sức khỏe cộng đồng, thân thiện bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng sinh học và đúng theo định hướng của tỉnh.

Nhà nước có nhiều chính sách trong khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn. Đảng và Nhà nước đã có nhiều định hướng và giải pháp nhằm xây dựng một nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh thúc đẩy sự phát triển ngành nông nghiệp. UBND tỉnh có nhiều chủ trương, chính sách trong phát triển nông nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường và hướng tới bền vững.

3.2. Thách thức

Sản xuất nông nghiệp theo phương thức truyền thống, thói quen sản xuất vẫn còn những bất cập như sử dụng phân bón chưa theo nguyên tắc 4 đúng, chưa áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất thực tiễn nên hệ số sử dụng phân bón rất thấp, làm tăng chi phí sản xuất và gây ảnh hưởng tới hệ sinh thái. Việc lãng phí nguồn phụ phẩm nông nghiệp, ngại ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào để tái sử dụng gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng sức khỏe.

Người nông dân vẫn còn thờ ơ với loại hình sản xuất này do chi phí sản xuất cao, thu nhập không ổn định, chưa có nhiều tổ chức kiểm tra chứng nhận sản xuất hữu cơ, phần lớn việc chứng nhận hữu cơ phải thuê các tổ chức nước ngoài nên chi phí cao, khó thực hiện, nhất là với các doanh nghiệp nhỏ hoặc các hộ dân. Khi chuyển sang nông nghiệp hữu cơ thì nông dân phải đối mặt với việc sụt giảm sản lượng, năng suất trên cùng một đơn vị diện tích giảm hơn 20-25% so với sản xuất thông thường. Khoảng cách năng suất giữa luân canh cây trồng hữu cơ khác nhau (canh tác hữu cơ tốt nhất) và các canh tác đơn lẻ (canh tác thông

thường kém nhất) thường là thấp hơn đáng kể, trung bình 10% cho toàn bộ hệ thống. Sự liên kết chuỗi từ khâu sản xuất, chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chưa có. Người sản xuất, doanh nghiệp vẫn đang loay hoay tìm đầu ra cho sản phẩm của mình.

Công tác quản lý chất lượng còn nhiều hạn chế, người tiêu dùng chưa tin tưởng và khó phân biệt giữa sản phẩm sản xuất hữu cơ và các sản phẩm thông thường khác. Thị trường hiện nay xuất hiện nhiều loại sản phẩm đóng nhãn, mác thực phẩm hữu cơ, nhưng chưa thật sự phù hợp với tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ, không đáp ứng các yêu cầu an toàn thực phẩm khiến người tiêu dùng trong nước khó phân biệt được sản phẩm hữu cơ thực sự hay sản phẩm không hữu cơ, dẫn đến tâm lý hoang mang, lo ngại khi mua các sản phẩm hữu cơ.

Nhà nước luôn ủng hộ mạnh mẽ sự nỗ lực phát triển một nền nông nghiệp bền vững và thân thiện môi trường, nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp, trong đó có nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp tuần hoàn. Việc thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp tuần hoàn cần có nhiều giải pháp đồng bộ. Tuy nhiên, các chính sách cụ thể về định hướng chiến lược và kế hoạch hành động quốc gia về nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp tuần hoàn nói riêng, các chính sách và pháp luật liên quan đến nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp tuần hoàn còn thiếu và yếu.

Chưa có quy hoạch về sản xuất hữu cơ, chưa có các cơ chế chính sách riêng hỗ trợ cho sản xuất hữu cơ, sản xuất tuần hoàn mà chủ yếu được lồng ghép thực hiện trong các chương trình, dự án khác như chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng...

Quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tài liệu tập huấn đào tạo về sản xuất hữu cơ còn hạn chế, chưa phổ biến. Quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, nên khó khăn trong việc sản xuất quy mô lớn dẫn đến chi phí đầu tư cao. Nguồn nhân lực tinh thông sản xuất nông nghiệp hữu cơ còn quá ít so với nhu cầu.

Giá thành các sản phẩm từ sản xuất nông nghiệp luôn cao hơn nhiều so với các sản phẩm nông sản thông thường hoặc nông sản sạch theo tiêu chuẩn VietGAP hay GlobalGAP. Do vậy, thực phẩm hữu cơ chủ yếu phục vụ cho nhóm khách hàng có thu nhập cao, các nhà hàng, khách sạn lớn... hoặc phục vụ nhu cầu xuất khẩu sang các nước như Mỹ, Nhật Bản... Việc mở rộng kênh phân phối cho nhóm khách hàng có thu nhập thấp hơn gặp nhiều khó khăn.

Mặc dù thị trường quốc tế rất ưa chuộng các sản phẩm từ sản xuất nông nghiệp hữu cơ nhưng để xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng, nông sản của Việt Nam phải đạt những tiêu chuẩn rất khắt khe. Đây chính là rào cản lớn cho việc tiếp cận và mở rộng thị trường tiêu dùng của các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

Thách thức do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu hiện nay. Những thay đổi bất thường của thời tiết dẫn đến việc phát sinh nhiều dịch bệnh, ngập úng, thiếu nước tưới... làm năng suất cây trồng và vật nuôi suy giảm. Đây chính là một trong những thách thức căn bản đối với việc phát triển và mở rộng canh tác theo phương thức nông nghiệp hữu cơ.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG

Trong thời gian tới ngành nông nghiệp Đắk Nông đang hướng đến một nền nông nghiệp bền vững, vì vậy việc phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn là điều quan trọng và cần thiết, đặc biệt phải gắn với việc bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học của địa phương vừa hội nhập với quốc tế vừa đảm bảo nét riêng, đặc trưng của tỉnh. Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã đề ra mục tiêu đến năm 2025 Đắk Nông phấn đấu trở thành tỉnh trung bình khá và tỉnh phát triển khá vào năm 2030 của vùng Tây Nguyên. Tái cơ cấu, chuyển đổi nền nông nghiệp phát triển theo hướng hiệu quả, chất lượng, giá trị gia tăng cao. Để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ tỉnh đề ra liên quan tới nông nghiệp, nông thôn và nông dân ngành nông nghiệp tỉnh đưa ra có những định hướng cụ thể như sau:

1. Đổi mới tư duy về quản lý, quản trị và sản xuất nông nghiệp: Ngày 28/1/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 150/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chiến lược hướng tới xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa, đồng thời phát triển nông nghiệp dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao thuộc nhóm dẫn đầu trong khu vực và trên thế giới...; phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái có hiệu quả cao, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh. Tiếp đó, ngày 16/6/2022, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết nêu rõ: Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, trụ đỡ của nền kinh tế. Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh... Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp có trách nhiệm, nông nghiệp đa giá trị tạo ra sản phẩm an toàn cho con người, thân thiện, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. Đồng thời, phấn đấu xây dựng một nền nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

2. Tiếp tục tái cơ cấu duy trì và khôi phục tăng trưởng theo lĩnh vực và lợi thế của địa phương: Xây dựng các vùng sản xuất nguyên liệu đáp ứng nhu cầu thị trường, phát triển sản phẩm địa phương theo hướng nông nghiệp sinh thái; tăng cường chế biến, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới tổ chức thể chế (HTX, THT, DN, hiệp hội, hội) nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” tại Quyết định số 1390/QĐ-UBND với mục đích chính của tái cơ cấu là xác định được các ngành hàng chủ lực của tỉnh có lợi thế về điều kiện kinh tế xã hội, khí hậu, thổ nhưỡng, nhằm định hướng tập trung phát triển và

đáp ứng nhu cầu thị hiếu của người dân và nhu cầu xuất khẩu. Đề án tập trung phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng chứ không chỉ là số lượng, tăng giá trị trên một đơn vị diện tích. Các ngành hàng phải đáp ứng được các nhu cầu, yêu cầu về an toàn thực phẩm, quy trình sản xuất, đáp ứng trong thời đại hiện nay. Trên cơ sở đó, để sản xuất nông nghiệp tăng trưởng và phát triển bền vững, tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 693/KH-UBND ngày 23/11/2022, cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2025, với mục tiêu chiến lược là tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững; nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh nông sản gắn với chuỗi giá trị, xây dựng nông thôn mới; bảo vệ môi trường sinh thái; nâng cao thu nhập cho người nông dân; hướng đến nền nông nghiệp xanh thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

3. Hoàn thiện hệ thống đầu vào phục vụ sản xuất hiệu quả bền vững: Hệ thống quản lý các loại vật tư đầu vào như giống, thuốc thú y, bảo vệ thực vật, phân bón,... cần được kiểm soát; Công tác khuyến nông cần được quan tâm, ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực và chuyên gia giúp người dân ứng dụng có hiệu quả vào thực tiễn của địa phương. Đồng bộ, hiện đại hóa hệ thống hạ tầng, nhất là giao thông đi lại khu sản xuất, hệ thống thủy lợi để nâng cao hiệu quả sản xuất và giá trị nông sản.

4. Liên kết phát triển chuỗi giá trị nông sản bền vững: Đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị; thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025; Hỗ trợ thúc đẩy phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại nông nghiệp gắn với nhiệm vụ chuyên dịch cơ cấu kinh tế và lồng ghép với các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo vùng, ngành và lĩnh vực, tranh thủ mọi điều kiện thuận lợi trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện để các hợp tác xã xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm, tham quan học tập kinh nghiệm; đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, hỗ trợ thành lập mới từ 10-15 hợp tác xã nông nghiệp, 15 - 20 THT, 3-5 trang trại đạt tiêu chí theo quy định tại Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Xây dựng 02 mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu; phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ và kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Từ đó xây dựng chuỗi nông sản chủ lực, vùng chuyên canh và chế biến nông sản. Tạo ra khối liên kết ngang, liên kết dọc có hiệu quả, trách nhiệm từ đó xây dựng thương hiệu cho sản phẩm nông sản của tỉnh.

5. Thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải nhà kính: Ứng dụng các tiên bộ khoa học kỹ thuật, tận dụng nguồn tài nguyên có sẵn để sản xuất nông nghiệp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu được hiệu quả và giảm lượng phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp một cách tối đa nhất. Thực hiện Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2050, trên cơ sở đó tỉnh xây dựng kế hoạch, quy hoạch về cây trồng, vật nuôi, công trình

thủy lợi phù hợp với BĐKH. Mục tiêu đến năm 2025, tỉnh Đắk Nông cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển đổi nền nông nghiệp phát triển theo hướng hiệu quả, chất lượng, giá trị gia tăng cao; tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm nghiệp bình quân 4,5%/năm; phấn đấu tỷ lệ giá trị nông sản sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt đạt 25% trở lên; công nhận mới thêm 30 sản phẩm OCOP, nâng tổng số sản phẩm OCOP đạt trên 80 sản phẩm. Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Đắk Nông phát triển nông nghiệp thông minh, thích ứng BĐKH, bền vững, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với thị trường; tăng trưởng ngành nông, lâm nghiệp... đạt trên 5,1%; phấn đấu giá trị sản xuất đạt trên 150 triệu đồng/ha; công nhận mới thêm ít nhất 40 sản phẩm OCOP, trong đó có trên 15% sản phẩm đạt tiêu chuẩn 4 - 5 sao, có ít nhất 60% hợp tác xã nông nghiệp sở hữu sản phẩm OCOP; tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 42%, kinh tế rừng hướng tới phát triển bền vững...

6. Thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp: Triển khai thực hiện dự án chuyển đổi số; xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp. Tổ chức thực hiện Kế hoạch số 380/KH-UBND ngày 04/7/2020 về triển khai thực hiện Đề án Nâng cấp hệ thống thông tin thị trường nông sản tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030, trong đó: Xây dựng Website và App tích hợp ứng dụng; Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu thị trường nông sản; Xây dựng các Ứng dụng phục vụ thu thập, quản lý và khai thác thông tin. Nâng cao năng lực nghiên cứu và dự báo thị trường; kết nối với mạng lưới tiêu thụ toàn quốc; nâng cao vị thế và khả năng cạnh tranh của hàng nông sản tỉnh Đắk Nông; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong kết nối cung - cầu, tiêu thụ nông sản. Thực hiện tốt công tác xúc tiến thương mại. Kêu gọi đầu tư các doanh nghiệp logistics nông sản, hệ thống kho lạnh gắn với vùng nguyên liệu. Ngoài ra, trong đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Bộ NN-PTNT xác định hai trụ cột quan trọng là khoa học công nghệ và tổ chức lại sản xuất. Cả hai vấn đề này đều liên quan mật thiết đến chuyển đổi số. Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn có vai trò đặc biệt quan trọng trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo hướng hiện đại, giá trị gia tăng cao và bền vững. Chuyển đổi số là giải pháp quan trọng giúp người nông dân, HTX, doanh nghiệp sản xuất nông sản chất lượng, với chi phí thấp nhất, nhưng đạt lợi nhuận cao nhất với kỳ vọng tạo được sự đột phá về năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cho nông sản. Qua đó, giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước có đủ dữ liệu, số liệu cập nhật để hoạch định chiến lược, sách lược vĩ mô (gồm hoạch định tìm kiếm thị trường, hoạch định chính sách quản lý, hoạch định vùng cây trồng...). Hệ thống dữ liệu số trong nông nghiệp cũng sẽ giúp kết nối giữa bên mua và bên bán, mở rộng thị trường đầu ra, nâng cao giá trị sản phẩm. Các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp có thông tin khách quan, cập nhật, đầy đủ để hoạch định chiến lược, kế hoạch kinh doanh.

7. Phát triển thị trường: Chỉ dừng lại ở tiêu thụ thị trường nội địa sẽ không đáp ứng được mục tiêu của ngành nông nghiệp nên việc hướng tới xuất khẩu nông sản là điều tất yếu. Đề xuất khâu được các mặt hàng nông sản cần đáp ứng nhu cầu thị trường và tiêu chuẩn của thị trường nhập khẩu vì vậy việc sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần

hoàn là bắt buộc. Bên cạnh đó cũng nhắm tới một số sản phẩm phục vụ cho số đông người dân trong nước nhưng chất lượng đảm bảo mà giá cả phù hợp. Phần đầu đến năm 2030, trên cơ sở các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, Đắk Nông thực hiện sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận, nông nghiệp sạch, hữu cơ... ứng dụng công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường./.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG VÀ GIỐNG, NLN TỈNH ĐẮK NÔNG

HIỆN TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, TUẦN HOÀN, GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TỈNH KON TUM

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Kon Tum

I. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, TUẦN HOÀN TẠI TỈNH KON TUM

1.1. Tình hình chung

Kon Tum là tỉnh miền núi, nằm ở cực Bắc Tây nguyên, có vị trí chiến lược về giao thương kinh tế với các thị trường lớn trong và ngoài nước, có lợi thế so sánh về điều kiện tự nhiên, khí hậu và đất đai để phát triển đa dạng các sản phẩm nông nghiệp, chất lượng cao ở 02 tiểu vùng khí hậu là vùng Đông Trường Sơn và Tây Trường Sơn. Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh đến năm 2022 là 967.418,38 ha; trong đó: Diện tích đất nông nghiệp: 902.391,01 ha, chiếm 93,25% tổng diện tích tự nhiên (đất sản xuất nông nghiệp: 298.813,45 ha; đất lâm nghiệp có rừng: 601.971,95 ha; đất nuôi trồng thủy sản: 1.241,28 ha; đất nông nghiệp khác: 364,35 ha); Diện tích đất phi nông nghiệp: 56.063,00 ha (chiếm 5,79% tổng diện tích tự nhiên); Đất chưa sử dụng: 9.275,82 ha (chiếm 0,96% tổng diện tích tự nhiên). Các loại cây trồng chủ lực của tỉnh tiếp tục được chú trọng phát triển. Đến nay, tổng diện tích cây cà phê khoảng 29.708,9ha; cao su khoảng 77.030ha; cây mắc ca khoảng 2.362,7ha; cây ăn quả ước khoảng 9.375 ha; sâm Ngọc Linh khoảng 1.741 ha; cây dược liệu khác khoảng 4.857 ha; tổng đàn gia súc đạt 274.500 con; Diện tích nuôi trồng thủy sản tại ao hồ nhỏ trên địa bàn toàn tỉnh khoảng 844 ha...

Sau 03 năm triển khai Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ, tỉnh Kon Tum đã đạt được những kết quả sau:

Về trồng trọt: Bước đầu mở rộng và hình thành mới các vùng sản xuất trồng trọt hữu cơ, diện tích cây trồng sản xuất theo hướng hữu cơ ngày càng tăng so với tổng diện tích gieo trồng với một số cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh; Một số vùng sản xuất theo hướng hữu cơ đã được hình thành và phát triển như: Vùng lúa canh tác theo hướng hữu cơ (Đăk Hà, Sa Thầy, Thành phố Kon Tum...); Vùng rau sản xuất theo hướng hữu cơ (KonPlông, định hướng phát triển thời gian tới tại thành phố Kon Tum); Vùng cây ăn quả sản xuất theo hướng hữu cơ (KonPlông, Đăk Hà,...); Vùng cà phê sản xuất theo hướng hữu cơ (Đăk Hà, KonPlông, thành phố Kon Tum, Đăk Glei,...); Các mặt hàng nông sản trên địa bàn tỉnh đã dần theo xu hướng áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng đáp ứng yêu cầu thị trường: VietGAP, hữu cơ, GlobalGAP, UTZ, Fairtrade Certificate ...đến nay diện tích áp dụng theo các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đạt gần 800 ha. Một số Mô hình trồng trọt theo hướng hữu cơ đã được triển khai thực hiện và bước đầu mang lại hiệu quả cao.

Về chăn nuôi và thủy sản: Ngành chăn nuôi của tỉnh Kon Tum từng bước được phát triển theo hướng chăn nuôi hàng hoá, trang trại, tập trung và đã hình thành một số mô hình chăn nuôi liên kết có hiệu quả kinh tế cao. Tỷ trọng ngành chăn nuôi có xu hướng tăng trong tổng giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp của tỉnh. Chăn nuôi hữu cơ trên địa bàn tỉnh Kon Tum mặc dù đã được quan tâm và phát triển, tuy nhiên hiện tại mới chỉ có ở quy mô nhỏ lẻ, mô hình, đa số chỉ mới dừng lại ở việc sản xuất theo hướng hữu cơ, chưa được chứng nhận chất lượng sản phẩm; Trên địa bàn tỉnh hiện nay đã có một số mô hình chăn nuôi áp dụng một phần theo hình thức chăn nuôi hữu cơ mang lại hiệu quả cao. Từng bước xây dựng các vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ với các sản phẩm cá nước ngọt, các loài thủy sản bản địa... Phát triển vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ gắn với thị trường trong nước, xuất khẩu. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng lồng bè, tận dụng nguồn thức ăn sẵn có, khai thác và đánh bắt được trên lòng hồ thủy điện, với các đối tượng nuôi chủ yếu, như: Cá lăng, ếch, cá lóc, cá thát lát, diêu hồng,...

Về phát triển dược liệu: Trong thời gian qua với nhiều nỗ lực của các ngành, các cấp công tác bảo tồn và phát triển dược liệu trên địa bàn tỉnh đã có những thành công nhất định, cụ thể: Diện tích cây dược liệu sản xuất theo hướng hữu cơ đạt 3.904,4 ha (trong đó sâm Ngọc Linh 1.240,7 ha, các dược liệu khác 2.663,7 ha) Các doanh nghiệp, hộ gia đình trồng và phát triển sâm Ngọc Linh trên địa bàn tỉnh đều áp dụng mô hình liên kết trồng sâm Ngọc Linh theo hướng hữu cơ với người dân tại chỗ, gắn kết mô hình liên kết với bà con đồng bào dân tộc thiểu số trồng sâm Ngọc Linh của Công ty Cổ phần sâm Ngọc Linh Kon Tum góp phần ổn định đời sống, nâng cao thu nhập cho người dân trong vùng trồng sâm Ngọc Linh; Một số loại cây dược liệu hữu cơ như Hồng Đăng sâm, đương quy, nghệ vàng, gừng, ngũ vị tử, giao cổ lam, lan kim tuyến, bo bo... phát triển tốt. Sản lượng các loại dược liệu chủ yếu sấy khô, tiêu thụ chủ yếu thông qua mạng lưới thương lái, một phần được các doanh nghiệp chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh thu mua như: Công ty TNHH Thái Hòa Kon Tum, Công ty Cổ phần Sâm Ngọc Linh Tu Mơ Rông, Công ty chế biến nước sâm dây Ngọc Linh huyện Đăk Glei... để chế biến thành các sản phẩm dưới dạng nước chiết tinh chất, trà khô, trà hòa tan, nước uống.

Áp dụng khoa học và công nghệ: Một số đề tài, nhiệm vụ trong lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ được Sở Khoa học và Công nghệ đã và đang triển khai thực hiện, cụ thể: Dự án “Xây dựng mô hình nhân giống, trồng và sơ chế gác (*Momordica cochinchinensis* (Lour) Spreng) theo tiêu chuẩn GACP-WHO trên địa bàn tỉnh Kon Tum”; Đề tài “Nghiên cứu ứng dụng giải pháp sinh học trong phòng chống sinh vật hại phục vụ sản xuất một số loại cây trồng hàng năm chủ lực theo hướng hữu cơ, an toàn và bền vững tại tỉnh Kon Tum”; Dự án “Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình liên kết sản xuất nguyên liệu đảng sâm và khổ qua rừng theo tiêu chuẩn GACP-WHO và chế biến sản phẩm đạt chuẩn ISO 2000”.

Nhìn chung, việc phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn trên địa bàn tỉnh đã có những bước chuyển biến tích cực và đạt một số kết quả nhất định. Thời gian vừa qua, tư duy sản xuất của người dân trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển biến rõ rệt. Có thể nhận

thấy việc sử dụng các loại thuốc hoá học trong sản xuất đã giảm dần, đặc biệt là các loại thuốc bảo vệ thực vật có những hoạt chất độc, cấm sử dụng để diệt cỏ hầu như không còn được sử dụng trên địa bàn; Tỷ lệ người dân sử dụng phân bón hữu cơ ngày càng tăng; Đối với sản phẩm dược liệu, lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên và thâm canh, hầu như các sản phẩm đều theo hướng hữu cơ; 100% các sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn hữu cơ trên địa bàn tỉnh đáp ứng tiêu chí truy xuất nguồn gốc và liên kết sản xuất, tiêu thụ. Giá thành các sản phẩm tương đối cao, mang lại hiệu quả tăng từ 1,3-1,5 lần so với sản phẩm truyền thống.

1.2. Tình hình thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ; các sở, ban ngành, đơn vị, địa phương của tỉnh Kon Tum đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ tái cơ cấu, xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo Quyết định 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ, trong đó, xác định doanh nghiệp là trụ cột, hợp tác xã kiểu mới là hạt nhân trong liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp phải gắn kết chặt chẽ sản xuất với công nghiệp bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ; tích tụ ruộng đất, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; Quyết định số 1325/QĐ-UBND, ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Đề án “Phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 -2025, tầm nhìn đến năm 2030”; Kế hoạch số 1649/KH-UBND thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Thường xuyên tuyên truyền, thay đổi nhận thức trong cán bộ và nhân dân về canh tác hữu cơ bằng nhiều hình thức phù hợp; giới thiệu các mô hình mới về nông nghiệp hữu cơ và hiệu quả đạt được để mang tính lan toả, nhân rộng trong sản xuất; Tiếp cận và khai thác có chọn lọc thông tin khoa học công nghệ về canh tác hữu cơ từ nhiều nguồn.

- Ưu tiên kinh phí khoa học, khuyến nông để thực hiện đề tài nghiên cứu, dự án khuyến nông, đặc biệt về giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc thú y thảo mộc.

- Cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm hữu cơ hoặc vật tư đầu vào phục vụ cho sản xuất hữu cơ được ưu tiên hưởng các chính sách khuyến khích đầu tư đối với nông nghiệp, nông thôn đã được ban hành gồm: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp; chính sách liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, xây dựng cánh đồng lớn; chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chính sách tín dụng phục vụ phát triển

nông nghiệp nông thôn; chính sách cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch.

- Bên cạnh đó là chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong nuôi trồng, khai thác dược liệu; chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu; chính sách hỗ trợ gắn Nhãn xanh Việt Nam, hỗ trợ cơ sở thân thiện với môi trường; các chính sách có liên quan khác. Trong cùng thời điểm và mục tiêu, cơ sở chỉ được lựa chọn 1 chính sách phù hợp nhất.

- Nội dung, định mức hỗ trợ; điều kiện hỗ trợ; nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện theo các văn bản đã được ban hành đối với các chính sách hỗ trợ nêu trên.

- Đồng thời, triển khai thực hiện một số chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, nhóm hộ sản xuất sản phẩm hữu cơ. Theo đó, hỗ trợ 100% kinh phí xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ do tổ chức chứng nhận cấp (*cấp lần đầu hoặc cấp lại*); về hỗ trợ đào tạo, tập huấn sản xuất hữu cơ, định mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chính phủ về khuyến nông.

- Về hỗ trợ xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ theo TCVN, định mức hỗ trợ chi phí giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học đối với mô hình trồng trọt; chi phí giống, thức ăn hữu cơ, thuốc thú y được phép sử dụng đối với mô hình chăn nuôi, thủy sản và chi phí nhân rộng mô hình theo quy định của Chính phủ về khuyến nông.

1.3. Việc xây dựng các cơ chế chính sách đặc thù của địa phương phục vụ cho phát triển nông nghiệp hữu cơ

Ngày 29/12/2020, UBND tỉnh Kon Tum đã ban hành Quyết định số 1325/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án “Phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

Trong đó, nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ đã nêu rõ: Áp dụng tối đa cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông nghiệp hữu cơ của Trung ương, địa phương đảm bảo theo đúng quy định.

Nguồn vốn triển khai thực hiện Đề án:

- Vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Vốn ngân sách thông qua việc hỗ trợ xây dựng các đề án, dự án, tư vấn kỹ thuật và cơ sở hạ tầng của các bộ ngành trung ương, địa phương và lồng ghép từ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, kinh phí khoa học công nghệ, khuyến nông, các dự án ODA và chương trình khoa học và công nghệ khác có liên quan.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

1.4. Việc bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện các dự án nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh

Hàng năm, tỉnh Kon Tum đã chỉ đạo các địa phương xây dựng và đề xuất kế hoạch thực hiện Đề án hàng năm của các huyện/thành phố, các tổ chức và cá nhân. Xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn vốn sự nghiệp nông nghiệp để xây dựng các mô hình về sản xuất nông nghiệp hữu cơ được quy định trong Đề án.

Các dự án nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh chủ yếu do các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn ra để triển khai thực hiện.

1.5. Về chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ

a) Số lượng Tổ chức chứng nhận đang hoạt động và đang làm thủ tục để được hoạt động trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) và tiêu chuẩn nước ngoài

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Kon Tum chưa có Tổ chức chứng nhận nào đang hoạt động và đang làm thủ tục để được hoạt động trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) và tiêu chuẩn nước ngoài.

Chỉ duy nhất có Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và dịch vụ khoa học công nghệ (trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh) đang triển khai các giải pháp nâng cao năng lực để đáp ứng đủ tiêu chuẩn là đơn vị cấp chứng nhận VietGAP.

b) Số lượng đơn vị, tổ chức sản xuất đã được/đang xin cấp Giấy chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ (theo TCVN và tiêu chuẩn nước ngoài)

* *Lĩnh vực cây ăn quả:* Có 02 tổ chức được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ: Công ty TNHH BioPhap (sản phẩm được chứng nhận: Cam, bưởi, bơ, chanh); Trang trại Nông nghiệp sinh thái Măng Đen (Sản phẩm được chứng nhận: Bơ, cam, bưởi).

* *Lĩnh vực rau các loại:* Có 02 tổ chức được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ: Hợp tác xã rau, hoa và du lịch Thanh Niên Măng Đen (Sản phẩm được chứng nhận: rau củ các loại); Công ty TNHH Nông nghiệp xanh Măng Đen (Sản phẩm chứng nhận hữu cơ: các loại rau ăn lá, rau ăn củ, rau ăn quả).

* *Lĩnh vực trái cây:* Có 01 công ty. Công ty TNHH BioPhap (Sản phẩm chứng nhận: Trái cây các loại).

1.6. Về nông nghiệp tuần hoàn

- Từ năm 2022-2023, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai 15 lớp tập huấn về kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp, qua đó đã hướng dẫn nông dân tổ chức sản xuất có trách nhiệm với môi trường thông qua việc tái sử dụng nguồn phụ phẩm, chất thải như một nguồn nguyên liệu cho chu kỳ sản xuất tiếp theo.

- Các mô hình nông nghiệp tuần hoàn có hiệu quả, được áp dụng rộng rãi trên địa bàn tỉnh Kon Tum như: Mô hình vườn ao chuồng, vườn ao chuồng biogas; Mô hình sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi (phân lợn, gà, bò) qua quá trình ủ bổ sung thêm chế phẩm sinh học để chăm sóc, cải tạo đất bạc màu, đất thiếu dinh dưỡng, trả lại độ phì cho đất, canh tác rau hữu cơ và rau an toàn; Mô hình sản xuất tổng hợp (bò, trùn quế, cỏ/ngô, gia súc, gia cầm, cá) tận dụng chất thải rắn chăn nuôi để nuôi trùn quế, lấy phân trùn quế bón cỏ/ngô, trùn quế làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, cá, đem lại hiệu quả kinh tế cao, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường; Mô hình phát triển trang trại dê sữa thân thiện với môi trường, thực hiện quy trình chăn nuôi khép kín từ làm đất, trồng cỏ, chăm sóc bò đến xử lý chất thải để tạo vòng tuần hoàn xanh.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, TUẦN HOÀN TẠI TỈNH KON TUM

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ, trong đó, xác định doanh nghiệp là trụ cột, hợp tác xã kiểu mới là hạt nhân trong liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp phải gắn kết chặt chẽ sản xuất với công nghiệp bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ; tích tụ ruộng đất, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; Quyết định số 1325/QĐ-UBND, ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Đề án “Phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 -2025, tầm nhìn đến năm 2030”; Kế hoạch số 1649/KH-UBND thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2.1. Định hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ

a) Định hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 - 2025

- Xác định được các khu vực, diện tích đất phù hợp canh tác, sản xuất nông nghiệp hữu cơ; các đối tượng sản xuất phù hợp với từng địa bàn, khu vực cụ thể; xây dựng được quy trình chuyển hóa đất canh tác hiện có sang canh tác đáp ứng các tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ; ứng với các loại sản phẩm thế mạnh của địa phương; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để duy trì và mở rộng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, bước đầu hình thành các chuỗi liên kết gắn với tiêu thụ nông sản hữu cơ trên địa bàn các huyện, thành phố.

- Mở rộng và hình thành mới các chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, sản phẩm hữu cơ, diện tích cây trồng hữu cơ đạt khoảng 0,5 - 1% tổng diện tích gieo trồng với một số cây trồng chủ lực, ở các vùng sản xuất tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Cơ cấu 40% sản phẩm từ chăn nuôi tập trung, chuyên nghiệp quy mô lớn, 60% sản phẩm truyền thống, 1-2% sản phẩm hữu cơ trên tổng sản phẩm chăn nuôi.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ đạt khoảng 0,5-1,5% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản, trong đó một số loài thủy đặc sản có giá trị kinh tế: cá nước ngọt, các loài thủy sản bản địa...

- Đối với sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên, tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 90 - 95%, đối với hình thức thâm canh (sử dụng môi trường rừng để sản xuất) tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 75 - 80%.

- Tỷ lệ người dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học đạt trên 30%; tăng tỷ lệ sản phẩm phân bón hữu cơ trên tổng số sản phẩm phân bón lên 15%; hướng dẫn biện pháp phòng chống sinh vật gây hại phù hợp với sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất hữu cơ trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản hữu cơ cao gấp 1,3 - 1,5 lần so với sản xuất phi hữu cơ.

- 100% sản phẩm hữu cơ được chứng nhận, tiêu thụ theo hệ thống và truy xuất được nguồn gốc.

- Mỗi huyện/thành phố có ít nhất 03 chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ các sản phẩm hữu cơ được chứng nhận.

b) Định hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ đến năm 2030

- Diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng 2 - 3% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp; Diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt khoảng trên 2% tổng diện tích đất trồng trọt với các cây trồng chủ lực: lúa, rau đậu các loại, cây ăn quả, cà phê...; tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ đạt khoảng 2-3% tính trên tổng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trên địa bàn tỉnh. Các sản phẩm chăn nuôi được chứng nhận hữu cơ bao gồm: sữa, thịt gia súc gia cầm...; Diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ đạt khoảng 1,5 - 3% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản, trong đó một số loài thủy đặc sản có giá trị kinh tế: cá nước ngọt, các loài thủy sản bản địa...

- Đối với sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên, tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 95 - 98%, đối với hình thức thâm canh (sử dụng môi trường rừng để sản xuất) tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 80 - 85%.

- Mỗi huyện/thành phố có ít nhất 05 chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ các sản phẩm hữu cơ được chứng nhận.

- Tăng tỷ lệ người dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, sản phẩm phân bón hữu cơ.

- Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản hữu cơ cao gấp 1,5 - 1,8 lần so với sản xuất phi hữu cơ.

2.2. Định hướng phát triển nông nghiệp tuần hoàn

a) Nông nghiệp tuần hoàn trong lĩnh vực trồng trọt

Phát triển kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực trồng trọt để cải thiện năng suất lao động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Kon Tum hướng đến phát triển toàn diện, bền vững và hiện đại; Phát triển kinh tế tuần hoàn đảm bảo tính đồng bộ gắn kết giữa các trang trại, các doanh nghiệp, góp phần ổn định bền vững trong chuỗi sản xuất và môi trường hướng tới nền kinh tế xanh; Áp dụng các biện pháp công nghệ để tái chế, xử lý các phụ phẩm nông nghiệp thành phân bón hữu cơ để phục vụ sản xuất.

b) Nông nghiệp tuần hoàn trong lĩnh vực chăn nuôi

Trong lĩnh vực chăn nuôi định hướng nâng cao nhận thức của các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp và nông dân về kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi; Tăng cường công tác tuyên truyền để nhân rộng các mô hình chăn nuôi tuần hoàn đem lại hiệu quả cao; Xây dựng chính sách đặc thù để khuyến khích phát triển kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi cho cả hộ nông dân và doanh nghiệp tham gia tái chế chất thải chăn nuôi;

c) Xây dựng các mô hình phát triển nông nghiệp tuần hoàn, sinh thái trong trồng trọt, chăn nuôi

Sử dụng sản phẩm trồng trọt làm thức ăn chăn nuôi và sử dụng hiệu quả các phụ phẩm chăn nuôi, cung cấp hữu cơ cho trồng trọt; Áp dụng các kỹ thuật mới sản xuất phân bón từ phân và chất thải chăn nuôi, khí đốt từ hầm Biogas, sử dụng làm nguyên vật liệu nuôi trồng đối tượng khác để khép kín tuần hoàn sản xuất; Khuyến khích nhân rộng các mô hình trồng trọt, chăn nuôi bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh quy trình sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường, ưu tiên phát triển các mô hình chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi tuần hoàn, các mô hình liên kết hợp tác xã tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; Xây dựng và nhân rộng các mô hình sử dụng thức ăn chăn nuôi phối trộn, sử dụng phế phẩm sinh học thay thế kháng sinh trong chăn nuôi.

III. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

3.1. Khó khăn, hạn chế

- Tỉnh Kon Tum có đặc điểm địa hình dốc và chia cắt nhiều nên việc tích tụ ruộng đất hình thành “cánh đồng lớn” để phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa được thuận lợi.

- Chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh, nguồn lực tài chính phục vụ đầu tư ứng dụng các công nghệ tiên tiến như: công nghệ tự động hóa, công nghệ sinh học,... vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế.
- Việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tham gia tích tụ ruộng đất phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của người nông dân còn gặp nhiều vướng mắc, khó khăn. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu vẫn là sản xuất quy mô nhỏ, phân tán, chất lượng nông sản và hiệu quả sản xuất chưa cao.
- Công tác xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, bao bì, truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa được quan tâm, chú trọng đúng mức.
- Năng lực chế biến các sản phẩm nông nghiệp, phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu chưa đáp ứng được yêu cầu.
- Trên địa bàn tỉnh chưa có tổ chức chứng nhận nào đang hoạt động và đang làm thủ tục để được hoạt động trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) và tiêu chuẩn nước ngoài. Vì vậy, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân muốn cấp giấy chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ phải liên hệ với các tổ chức chứng nhận ngoài tỉnh hoặc tổ chức chứng nhận quốc tế.
- Nhiều doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn trong việc đáp ứng đủ các tiêu chí để được công nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.
- Nguồn ngân sách của tỉnh Kon Tum còn hạn chế, chưa bố trí được nhiều kinh phí để triển khai thực hiện các nội dung về nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.
- Người tiêu dùng chưa tin tưởng và khó phân biệt giữa sản phẩm sản xuất hữu cơ và các sản phẩm thông thường khác; trong thực tế giá thành của sản phẩm trồng trọt đạt tiêu chuẩn hữu cơ tương đối cao, thị trường và đối tượng tiêu thụ trong nước bị bó hẹp.

3.2. Đề xuất, kiến nghị

- *Thứ nhất*, cần thống nhất về quan điểm và chỉ đạo tập trung từ cấp tỉnh xuống đến cấp xã trong định hướng đến một nền sản xuất nông nghiệp bền vững, sản xuất sạch, hữu cơ với các vùng sản xuất tập trung. Trên cơ sở xác định rõ quan điểm, mục tiêu, phương hướng, cần xây dựng lộ trình và giải pháp thực hiện nền sản xuất nông nghiệp sạch song hành, tổng thể cùng các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác.
- *Thứ hai*, cần quan tâm đến quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng sản xuất tập trung gắn với phát triển kinh tế xã hội mang tính lâu dài bền vững, ổn định. Trong đó quan tâm đến quy hoạch chi tiết từng vùng và thực hiện tốt quy hoạch được phê duyệt. Thực hiện chiến lược bảo vệ diện tích đất nông nghiệp có giá trị vì đất sản xuất đang ngày càng bị thu hẹp. Dựa trên điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng, đặc điểm cây trồng, vật nuôi, đặc điểm dân cư - lao động, thế mạnh từng vùng đất trong tỉnh để hình thành nên các vùng sản xuất lớn, từ đó có điều kiện cho đầu tư vốn, cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật.

- *Thứ ba*, thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút, hỗ trợ các doanh nghiệp lớn đầu tư vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong đó, tập trung thu hút đầu tư vào nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp sạch. Khuyến khích hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển kinh tế hợp tác trên cơ sở liên kết, liên minh giữa các hộ, các trang trại bằng nhiều hình thức, nhiều cấp độ để nâng cao hiệu quả kinh tế. Tiếp tục có chính sách hỗ trợ giống, vốn, vật tư cho nông dân để thuận lợi trong quy hoạch vùng sản xuất và khuyến khích người dân tham gia mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- *Thứ tư*, cần đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; tăng cường tìm thị trường đầu ra cho sản phẩm. Cần tăng cường sự liên kết giữa nhà nông - nhà khoa học và nhà doanh nghiệp. Tăng cường nguồn vốn đầu tư cho các chương trình khuyến nông, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật từ sản xuất đến chế biến, bảo quản, vận chuyển nông sản. Khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nghiệp bao tiêu đảm bảo đầu ra cho sản phẩm... Khuyến khích các cửa hàng, siêu thị thu mua sản phẩm để sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ phát triển ổn định. Thực hiện xúc tiến thương mại, thông qua các kênh thông tin, triển lãm, các hội chợ... để quảng bá thương hiệu hàng nông sản sạch, hữu cơ. Tăng cường mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm ở các vùng, miền khác trong nước và đặc biệt là việc tìm hiểu, kết nối, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, nông dân xuất khẩu nông sản sạch, hữu cơ ra nước ngoài.

- *Thứ năm*, quan tâm phát triển sản phẩm nông nghiệp có tính đặc trưng, đặc sản vùng miền theo tiêu chuẩn sản phẩm OCOP. Sự đa dạng về khí hậu, đất đai, vị trí địa lý là điều kiện để mỗi địa phương có được nhiều loại nông sản, đặc sản đa dạng, phong phú. Khi được sản xuất theo quy trình sản xuất sạch, hữu cơ, những đặc sản đó không chỉ được nhân dân trong nước yêu thích, mà sẽ là sản phẩm xuất khẩu được người dân nhiều nước trên thế giới đón nhận.

- *Thứ sáu*, cần tuyên truyền sâu rộng về sản xuất bền vững, sản xuất sạch, hữu cơ và việc tiêu thụ, sử dụng nông sản sạch trong đông đảo các tầng lớp nhân dân. Loại bỏ dần tâm lý vì lợi nhuận nhất thời mà sử dụng hóa chất độc hại vào sản xuất, gây ô nhiễm môi trường, tổn hại sức khỏe người tiêu dùng và tổn hại chính bản thân người nông dân. Tập trung hình thành thói quen lựa chọn nông sản, thực phẩm sạch trong tiêu dùng và đời sống sinh hoạt.

- *Thứ bảy*, các cơ quan quản lý nhà nước cần kiểm soát chặt chẽ chất lượng các loại giống cây trồng, vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học; thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường nông thôn; ngăn chặn hàng giả, kém chất lượng để đảm bảo thị trường nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch.

- *Thứ tám*, Bộ Nông nghiệp và PTNT cần hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách trong hỗ trợ các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, đặc biệt là sớm xây dựng hành lang pháp lý trong công nhận, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ./.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG TỈNH KON TUM

BÁO CÁO THAM LUẬN VỀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN, NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TẠI NINH THUẬN

Nguyễn Đức Thuận _ Giám đốc
Trung tâm Khuyến nông tỉnh Ninh Thuận

I. TÍNH TẤT YẾU PHẢI THỰC HIỆN NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN, NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

Sự tăng trưởng ấn tượng của ngành nông nghiệp và khả năng cạnh tranh của nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu đang bị đe dọa bởi tình trạng suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu, nhu cầu thị trường ngày càng đòi hỏi sâu về chất lượng cũng như bảo vệ môi trường sinh thái; Nông nghiệp tuần hoàn là chìa khóa để quản lý hiệu quả các tài nguyên nông nghiệp thông qua trung gian giảm thiểu việc sử dụng các yếu tố đầu vào bên ngoài, khép kín vòng dinh dưỡng, tái tạo đất; nông nghiệp tuần hoàn là sự lựa chọn tất yếu của phát triển nông nghiệp bền vững, nền tảng của nền nông nghiệp xanh. Do đó chủ động phát triển nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ là tất yếu, phù hợp với xu hướng, yêu cầu tạo đột phá trong phục hồi kinh tế và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững; góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, hiện thực hóa Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

II. THỰC TRẠNG VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN, NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TỈNH NINH THUẬN

Ninh Thuận có tổng diện tích đất nông nghiệp toàn tỉnh là 290,885 ha, trong đó: đất sản xuất nông nghiệp 84.800 ha, đất lâm nghiệp có rừng 198.955 ha, đất nuôi trồng thủy sản 2.030 ha, ... Tài nguyên động thực vật dồi dào, phong phú, với diện tích đất đai trong tình trạng còn là hữu cơ tự nhiên khá lớn tập trung ở các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn (không hoặc rất ít sử dụng hóa chất). Nguồn tài nguyên nước phục vụ sản xuất nông nghiệp của tỉnh cơ bản là nguồn nước sạch, ít chịu ảnh hưởng của các khu công nghiệp hoặc chất thải công nghiệp, thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Bên cạnh đó, nông dân sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có kinh nghiệm sản xuất lâu đời, đặc biệt là hướng tiếp cận và khai thác điều kiện tự nhiên và nguồn tài nguyên hợp lý. Đây là những điều kiện thuận lợi để định hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, Ninh Thuận được biết đến là vùng đất có điều kiện khí hậu khắc nghiệt nhất nước. Mỗi năm mùa mưa chỉ kéo dài khoảng 3 tháng, còn lại là nắng nóng, lượng bốc hơi nước lớn hơn lượng mưa là điều kiện bất lợi cho sản xuất nông nghiệp khi nguồn nước khan hiếm, tình trạng hạn hán thường xuyên xảy ra. Trong những năm gần đây, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn đang có hướng phát triển mạnh mẽ và mang lại hiệu quả khá tốt, tốc độ nhân rộng khá mạnh tại tỉnh Ninh Thuận.

Điển hình như mô hình sản xuất tại các trang trại của GC Food Group Ninh Thuận đã mang lại hiệu quả thiết thực trong việc áp dụng mô hình nông nghiệp tuần hoàn. Các trang trại của GC Food Group áp dụng hiệu quả mô hình nông nghiệp tuần hoàn là trang trại VietFarm, trang trại Năng và Gió... Để không lãng phí, tất cả vỏ, bẹ nha đam từ nhà máy được thu gom, ủ men vi sinh, phối trộn cùng phân gia súc để tạo ra phân hữu cơ bón cho vùng nha đam nguyên liệu, vườn nho, vườn táo và cả đồng cỏ để nuôi bò và cừu.

Có 04 doanh nghiệp được chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ của Mỹ (USDA), Liên minh Châu Âu (EU), Nhật Bản (JAS) cụ thể: Hợp tác xã Điều hữu cơ của Truecoop, đã đạt chứng nhận USDA với diện tích 2.615 ha; Công ty CP phát triển Nông nghiệp Hải Âu (Seagull ADC), đạt chứng nhận hữu cơ USDA và JAS trên cây dưa lưới, nhãn, chà là, xoài Úc với diện tích 48 ha; Trang trại Nông nghiệp hữu cơ Tiên Tiến, đã đạt chứng nhận hữu cơ USDA và EU trên cây măng tây với diện tích 15 ha và một số cây trồng vật nuôi đặc thù của tỉnh như: tỏi, nho, đậu phộng (lạc), Chà là,... đang tiến hành cấp chứng nhận; Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Đình Lợi, chứng nhận sản xuất hữu cơ USDA trên cây nha đam với diện tích 08 ha. Bên cạnh đó, có 01 một số đơn vị đang xin cấp giấy chứng nhận bởi Liên minh Châu Âu và Hoa Kỳ với quy mô 40 ha, chứng nhận trên cây dưa lưới, măng cầu.

** Mô hình nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ điển hình tại Năng và Gió:*

- Vườn táo, nho, ổi, dưa lưới, nha đam, rau sạch... được canh tác theo tiêu chuẩn GlobalGAP theo quy trình nghiêm ngặt, đồng thời ứng dụng các phương pháp tự nhiên để cải tạo đất như trồng đậu xanh xen các vườn cây, trồng cỏ Vetiver để cải tạo đất và tạo sinh khối... để cho ra sản phẩm chất lượng thượng hạng nhất.

- Ao chứa nước dự trữ để cung cấp nước tưới và sẽ triển khai nuôi cá, thủy sản và đồng thời kết hợp làm cảnh quan phát triển Farm Stay du lịch tại trang trại.

- Các chuồng nuôi bò theo quy mô công nghiệp có nhật ký canh tác chăm sóc cho từng con và đóng khoen tai để kiểm soát, nguồn phân bò được tận dụng để xử lý vỏ lá nha đam tạo ra loại phân đặc sắc của Farm là phân bò và phế phẩm từ cây nha đam ủ hoai để cung cấp cho trồng nho, táo, ổi...

- Mô hình nuôi trùn quế tận dụng nguồn phân bò sẵn có để xử lý làm phân bón hữu cơ vi sinh phục vụ trở lại cho Farm cũng như cung cấp cho bà con nông dân các vùng lân cận.

- Mô hình du lịch trải nghiệm nông nghiệp tuần hoàn cho nhiều du khách có nhu cầu đến tham quan và học tập thực tế và ứng dụng cho mô hình nông nghiệp mà mình đang phát triển tại chính gia đình và nông trại của chính họ.

** Một số khó khăn hạn chế:*

- Thiếu các cơ chế chính sách hỗ trợ cụ thể từ trung ương; tỉnh chưa có quy hoạch vùng và đối tượng sản xuất hữu cơ; thiếu thông tin về các đơn vị có năng lực chứng nhận và liên kết theo chuỗi giá trị; Năng lực cán bộ và người sản xuất nông nghiệp hữu cơ còn yếu, chưa được đào tạo, tập huấn.

- Quy mô phát triển kinh tế nông nghiệp tuần hoàn chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế của tỉnh nhà; Quy mô sản xuất còn nhỏ, lẻ, sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp chưa cao.

- Tư duy tâm lý ngại rủi ro của người sản xuất về nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ vẫn khá lớn.

- Vốn đầu tư khá lớn. Với quy mô sản xuất trồng trọt, chăn nuôi nhỏ lẻ nên năng lực tiếp cận và ứng dụng khoa học công nghệ của nông dân, hợp tác xã, các doanh nghiệp vừa và nhỏ còn hạn chế, chưa thực sự được quan tâm.

- Kết cấu hạ tầng các vùng quy hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa được quan tâm đầu tư đồng bộ; công nghệ sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến chưa cao nên chất lượng sản phẩm còn thấp; việc liên kết giữa các cơ sở sản xuất với doanh nghiệp chế biến tiêu thụ sản phẩm chưa mạnh,...

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH VỀ NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN, NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TẠI TỈNH NINH THUẬN

3.1. Quan điểm

Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ trên từng lĩnh vực sản xuất nông nghiệp có thế mạnh của tỉnh, đáp ứng các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ tiêu chuẩn quốc gia có liên quan.

Tạo cơ chế thu hút sự quan tâm đầu tư của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước đối với mô hình nông nghiệp tuần hoàn; đẩy mạnh ứng dụng mô hình nông nghiệp tuần hoàn thúc đẩy xanh hóa các ngành kinh tế. Đến năm 2025, các dự án nông nghiệp tuần hoàn bước đầu đi vào thực hiện và phát huy hiệu quả kinh tế, xã hội, công nghệ và môi trường; đóng góp vào phục hồi các tài nguyên tái tạo được, giảm tiêu hao năng lượng, tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp, tỷ lệ che phủ rừng, tăng cường tỷ lệ tái chế rác thải, tăng cường tỷ lệ nội địa hóa của các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và công nghiệp xuất khẩu. Đến năm 2030, các dự án nông nghiệp tuần hoàn trở thành một động lực chủ yếu trong giảm tiêu hao năng lượng sơ cấp, có năng lực tự chủ phần lớn hoặc toàn bộ nhu cầu năng lượng dựa trên năng lượng tái tạo, và trong tăng cường tỷ lệ che phủ rừng.

3.2. Mục tiêu

- Đến năm 2025, các dự án kinh tế tuần hoàn bước đầu đi vào thực hiện và phát huy hiệu quả kinh tế, xã hội, công nghệ và môi trường; đóng góp vào phục hồi các tài nguyên tái tạo được, giảm tiêu hao năng lượng, tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp, tỷ lệ che phủ rừng, tăng cường tỷ lệ tái chế rác thải, tăng cường tỷ lệ nội địa hóa của các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và công nghiệp xuất khẩu.

- Đến năm 2030, các dự án kinh tế tuần hoàn trở thành một động lực chủ yếu trong giảm tiêu hao năng lượng sơ cấp, có năng lực tự chủ phần lớn hoặc toàn bộ nhu cầu năng lượng dựa trên năng lượng tái tạo, và trong tăng cường tỷ lệ che phủ rừng.

- Mô hình kinh tế tuần hoàn hỗ trợ xây dựng lối sống xanh, thiết lập quy trình bài bản phân loại – thu gom – vận chuyển – xử lý rác thải và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

- Đến năm 2025, tái sử dụng, tái chế, xử lý 85% lượng chất thải nhựa phát sinh; giảm thiểu 50% rác thải nhựa trên biển và đại dương so với giai đoạn trước đây; giảm dần mức sản xuất và sử dụng túi ni lông khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần trong sinh hoạt. Tăng đáng kể năng lực tái chế rác thải hữu cơ ở đô thị và nông thôn.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN, NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ CỦA TỈNH NINH THUẬN TRONG THỜI GIAN TỚI

- Phối hợp đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, truyền thông về nông nghiệp hữu cơ đồng bộ, toàn diện bằng nhiều hình thức, vận dụng nhiều phương pháp của tất cả các cấp, ngành, địa phương nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về nông nghiệp hữu cơ.

- Trên cơ sở Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh, các địa phương căn cứ vào điều kiện đất đai, thổ nhưỡng để lựa chọn đối tượng cây trồng, vật nuôi phù hợp, có tiềm năng thị trường để định hướng phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung chuyên canh. Xây dựng các dự án, chương trình, mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm hữu cơ tại các vùng sản xuất tập trung.

- Nghiên cứu đề xuất thực hiện và nhân rộng các mô hình áp dụng nông nghiệp tuần hoàn trong phát triển các chuỗi giá trị nông sản chủ lực của tỉnh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo giá trị gia tăng và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, vật tư đầu vào nhằm giảm suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường. Xây dựng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác với người dân trong sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm hữu cơ tại các vùng sản xuất tập trung tạo ra hàng hóa quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Nghiên cứu, hỗ trợ thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tái chế, tái sử dụng phụ, phế phẩm nông nghiệp. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lao động nghiên cứu, triển khai công nghệ xử lý phụ, phế phẩm trong nông nghiệp, đầu tư nghiên cứu và chuyển giao khoa học - kỹ thuật trong xử lý phế phẩm nông nghiệp.

- Tư vấn, tham gia kêu gọi sự tham gia của các khu vực tư nhân, các tổ chức, từng hộ nông dân vào chuỗi giá trị nông sản tuần hoàn; các mô hình tăng cường sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên (đất, nước, thủy sản).

- Thực hiện chuyên gia ứng dụng các chế phẩm sinh học, tác nhân phòng trừ dịch hại tổng hợp sinh học trong trồng trọt; thay thế các loại kháng sinh, chất cấm trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; tăng cường sử dụng các chế phẩm sinh học xử lý môi trường nông nghiệp;... nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Triển khai thí điểm các mô hình nông nghiệp hữu cơ gắn với chuỗi giá trị cho một số sản phẩm chủ lực, đặc thù có lợi thế của các địa phương và được chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ để từng bước nhân rộng mô hình.

- Đào tạo, tập huấn cho doanh nghiệp, người sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ; bồi dưỡng kỹ năng quản lý cho đội ngũ lãnh đạo, cán bộ của các doanh nghiệp, hợp tác xã; đẩy mạnh đào tạo nghề và chuyển giao khoa học công nghệ cho đội ngũ người lao động để áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

- Tăng cường công tác nghiên cứu thị trường, xây dựng và tổ chức mạng lưới thông tin đáp ứng yêu cầu thông tin thương mại nông sản; giới thiệu quảng bá sản phẩm nông sản thông qua hội chợ, triển lãm trong nước và khu vực.

- Tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý để thực hiện tốt việc truy xuất nguồn gốc; hỗ trợ phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu cho nông sản hàng hóa chủ lực của tỉnh./.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG TỈNH NINH THUẬN

GIỚI THIỆU MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN, HỮU CƠ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI BÌNH THUẬN

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bình Thuận

Tỉnh Bình Thuận thực hiện triển khai Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 10/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Thuận (Khóa XIV) về phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, bền vững, có giá trị gia tăng cao. Góp phần phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, bền vững, có giá trị gia tăng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hữu cơ gắn với liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị và bảo vệ môi trường sinh thái; góp phần phát triển du lịch, dịch vụ.

Theo đó, trong những năm qua tỉnh đã từng bước tăng cường áp dụng rộng rãi các biện pháp sản xuất hướng tuần hoàn, hữu cơ và từng bước tăng dần tỷ lệ diện tích, sản phẩm hữu cơ. Tỉnh đã xây dựng được Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ và xác định các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung, kêu gọi các doanh nghiệp, các hợp tác xã và người dân có nhu cầu sản xuất tuần hoàn, hữu cơ đầu tư vào sản xuất. Phát triển nông nghiệp hữu cơ ở các quy mô, cấp độ từ hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và cùng với sự tham gia của các nhà quản lý, nhà khoa học và các thành phần kinh tế.

Góp phần chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp; từ sản xuất nông nghiệp truyền thống lấy sản lượng làm trọng tâm sang sản xuất tuần hoàn gắn với chế biến, cung cấp sản phẩm nông nghiệp chất lượng, sạch, an toàn, có giá trị kinh tế cao gắn với phát triển thị trường và lợi thế cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

Phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với xây dựng nông thôn mới, theo hướng nâng cao chất lượng tiêu chí, chiều sâu. Tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên, giảm thiểu sự lãng phí trong sản xuất, giảm thiểu tác động tiêu cực cho môi trường, mở rộng thị trường, tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

I. CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT TUẦN HOÀN, HỮU CƠ TRÊN ĐỊA BÀN

1.1. Lĩnh vực trồng trọt

Sản xuất nông nghiệp hướng tuần hoàn, hữu cơ trên địa bàn tỉnh mới chỉ dừng lại ở bước triển khai một số mô hình ở một số loại sản phẩm nông nghiệp thế mạnh của địa phương (lúa, thanh long, rau, dưa lưới, nho, dược liệu,...) do một số các doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện.

- Đối với thanh long đa phần do các doanh nghiệp/ trang trại đã từng áp dụng quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, có sẵn quỹ đất, có thị trường đầu ra, có tiềm lực về tài chính, khoa học kỹ thuật thực hiện; tuy nhiên quá trình chuyển đổi sang nông

nghiệp hữu cơ cũng gặp phải những khó khăn lớn do tình hình nấm bệnh diễn biến phức tạp; chưa chủ động định hướng thị trường đầu ra; nhận thức, tư duy sản xuất nông nghiệp bền vững của người sản xuất còn hạn chế;... Đến cuối năm 2021, trên địa bàn tỉnh có 06 tổ chức sản xuất (01 hợp tác xã, 04 công ty, 01 hộ sản xuất) với tổng diện tích 123 ha thanh long và 04 ha trồng nho hữu cơ được chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo tiêu chuẩn nước ngoài; trong đó, có 80 ha được cấp theo dự án khoa học công nghệ “Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình liên kết sản xuất thanh long theo hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh Bình Thuận”. Cụ thể:

+ Hợp tác xã Thuận Tiến (xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc): Sản xuất thanh long đạt tiêu chuẩn hữu cơ Châu Âu với diện tích 10 ha.

+ Công ty TNHH Sinh Thái Hồng Hà (xã Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam): Sản xuất thanh long đạt tiêu chuẩn hữu cơ Châu Âu với diện tích 60 ha.

+ Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh Khang Quân (xã Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam): Sản xuất thanh long đạt tiêu chuẩn hữu cơ Châu Âu với diện tích 10 ha.

+ Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Bình An (xã Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam): Thanh long hữu cơ (3,0 ha), nho hữu cơ (4,0 ha) đạt tiêu chuẩn USDA và EU.

+ Công ty TNHH Công nghệ thực phẩm Kim Hải (xã Tân Lập, huyện Hàm Thuận Nam): Sản xuất thanh long đạt tiêu chuẩn hữu cơ Hoa Kỳ với diện tích 30 ha.

+ 01 hộ sản xuất (xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam): Sản xuất thanh long đạt tiêu chuẩn hữu cơ Châu Âu với diện tích 10 ha.

Các cơ sở có sản phẩm thanh long được chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ nước ngoài hầu hết đều phục vụ thị trường xuất khẩu (Hoa Kỳ, Châu Âu,...). Lợi nhuận ước tính gấp từ 1,7 - 2,0 lần so với trồng thanh long thường.

- Đối với cây dứa liệu hữu cơ: hiện nay đã có mô hình trồng cây búp giấm quy mô 8,0 ha tại xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong của Công ty Cổ phần CPART đã được chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo tiêu chuẩn TCVN 11041-2:2017. Sản lượng quả dự kiến đạt 70 tấn/năm.

- Đối với lúa và cây hàng năm khác (rau củ quả thực phẩm) hiện chủ yếu do các hợp tác xã làm đầu mối triển khai thực hiện, tập hợp các thành viên có quỹ đất thành các cánh đồng lớn, tổ chức cung ứng giống, vật tư, tập huấn quy trình sản xuất theo hướng hữu cơ và bao tiêu sản phẩm cho xã viên, bước đầu đem lại hiệu quả khả quan, sản phẩm của mô hình bước đầu được thị trường trong và ngoài tỉnh đón nhận, đánh giá cao so với sản phẩm thông thường; tuy nhiên các mô hình này cũng gặp phải những khó khăn trong sản xuất do không chủ động được quỹ đất, tập quán sản xuất manh mún nông hộ, việc tuân thủ quy trình sản xuất chưa chặt chẽ nên tính đồng đều chưa cao,... Hiện nay, chưa có tổ chức/cá nhân nào trên địa bàn tỉnh có sản phẩm lúa gạo, cây hàng năm khác được chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ. Một số mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ cụ thể như sau:

1) Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Đức Bình

+ Tên mô hình: Sản xuất lúa theo quy trình hướng hữu cơ và hình thành các chuỗi liên kết tại xã Đức Bình, huyện Tánh Linh.

+ Năm bắt đầu triển khai: 2017.

+ Đơn vị triển khai: HTX Dịch vụ nông nghiệp Đức Bình.

+ Diện tích: 50 ha/vụ.

+ Số thành viên tham gia: 09 xã viên.

+ Sản phẩm: Gạo Đức Lan.

+ Địa chỉ tiêu thụ: Bình Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội.

+ Quy trình áp dụng: tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học; giảm thiểu tối đa việc sử dụng phân, thuốc hóa học; hướng tới sản xuất theo TCVN 11041.

+ Hệ thống chứng nhận: chưa được đánh giá, chứng nhận.

+ Hiệu quả: Doanh thu bình quân 43 - 45 triệu đồng/ha/vụ; lợi nhuận 23 - 25 triệu đồng/ha/vụ (gấp 1,8 - 2,0 lần so với lúa thường).

2) Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp hữu cơ Hiệp Phát

+ Tên mô hình: Sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hữu cơ tại Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp hữu cơ Hiệp Phát, xã Hồng Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc.

+ Năm bắt đầu triển khai: 2020.

+ Đơn vị triển khai: Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp hữu cơ Hiệp Phát.

+ Diện tích: 100 ha/vụ.

+ Số thành viên tham gia: 16 xã viên.

+ Sản phẩm: gạo theo hướng hữu cơ.

+ Địa chỉ tiêu thụ: TP Hồ Chí Minh, Đắk Lắk, Long An, Hà Nội.

+ Quy trình áp dụng: tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học; giảm thiểu tối đa việc sử dụng phân, thuốc hóa học; hướng tới sản xuất theo TCVN 11041.

+ Hệ thống chứng nhận: chưa được đánh giá, chứng nhận.

+ Hiệu quả: Doanh thu bình quân 34 - 35 triệu đồng/ha/vụ; lợi nhuận 18- 19 triệu đồng/ha/vụ (gấp 1,7 - 1,8 lần so với lúa thường).

3) Sản xuất lúa hữu cơ của Công ty TNHH BAC A&E

+ Tên mô hình: sản xuất giống hữu cơ tại huyện Đức Linh.

- + Năm bắt đầu triển khai: 2019.
- + Đơn vị triển khai: Công ty TNHH BAC A&E.
- + Diện tích: 76 ha (xã Mê Pu 40 ha, xã Sùng Nhơn 36 ha).
- + Số thành viên tham gia: 107 hộ.
- + Sản phẩm: gạo theo hướng hữu cơ.
- + Địa chỉ tiêu thụ: địa bàn tỉnh Bình Thuận.

+ Quy trình áp dụng: tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học; giảm thiểu tối đa việc sử dụng phân, thuốc hóa học; hướng tới sản xuất theo TCVN 11041.

+ Hệ thống chứng nhận: chưa được đánh giá, chứng nhận.

+ Hiệu quả: Doanh thu bình quân 38 - 40 triệu đồng/ha/vụ; lợi nhuận 20 - 21 triệu đồng/ha/vụ (gấp 1,7 - 1,9 lần so với lúa thường).

4) Trang trại Hạnh Hương

+ Tên mô hình: Trang trại nuôi cá, trồng rau hữu cơ theo công nghệ Aquaponics tại xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc.

+ Năm bắt đầu triển khai: 2019.

+ Đơn vị triển khai: Trang trại Hạnh Hương.

+ Diện tích: tổng diện tích trang trại 4,0 ha; trong đó: 0,10 ha trồng rau theo hướng hữu cơ; 0,10 ha trồng dâu theo hướng hữu cơ; 0,20 ha nuôi cá;...

+ Sản phẩm: cá; rau, dâu theo hướng hữu cơ.

+ Địa chỉ tiêu thụ: thành phố Phan Thiết, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Quy trình áp dụng: Áp dụng công nghệ Aquaponics nuôi cá sạch, trồng rau hữu cơ.

+ Hệ thống chứng nhận: chưa được đánh giá, chứng nhận.

+ Hiệu quả: Doanh thu bình quân 150 – 160 triệu đồng/tháng; lợi nhuận 60 – 70 triệu đồng/tháng (gấp 2,0 – 2,4 lần so với trồng rau thường).

- Bên cạnh đó, tại các vùng đất cát của huyện Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Bắc Bình, Tuy Phong hiện cũng đang bắt đầu triển khai một số mô hình trang trại trồng đình lăng dưới tán dừa, trang trại trồng cây nha đam bước đầu cây phát triển tốt. Trong quá trình trồng, chăm sóc chủ yếu sử dụng phân hữu cơ vi sinh, phân chuồng ủ hoai, qua đó bồi bổ, làm đất tơi xốp; đối với mô hình trồng xen đình lăng với cây dừa, bón phân hữu cơ vi sinh cho đình lăng cũng bổ sung đầy đủ dưỡng chất để cây dừa phát triển tốt.

Đặc biệt, tại các xã miền núi (La Dạ, Đông Giang, Đa Mi) của huyện Hàm Thuận Bắc, từ lâu đời bà con đồng bào dân tộc đã canh tác cây lúa rẫy (còn gọi là lúa cạn hay lúa mẹ).

Lúa rẫy thường được trồng trên nương rẫy, hoàn toàn không sử dụng phân bón và thuốc hóa học, có thời gian và chu kỳ sinh trưởng lâu ngày (6 tháng); hạt gạo to, dẻo và rất thơm nên có thể đánh giá đây là sản phẩm đặc sản, đặc hữu và hữu cơ của địa phương. Tuy nhiên, hiện nay lúa rẫy rất khó nhân rộng quy mô do sản xuất theo phương pháp du canh truyền thống (một vụ rẫy chỉ sản xuất được 2 - 3 vụ thì phải chuyển đi vụ khác do cạn kiệt chất dinh dưỡng).

- Ngoài ra, hiện nay việc sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả hết sức khả quan, nhất là đối với các sản phẩm chủ lực của địa phương rất được coi trọng triển khai. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 11.419 ha thanh long được cấp chứng nhận VietGAP (chiếm 34% tổng diện tích thanh long toàn tỉnh) và gần 355 ha thanh long được cấp Giấy chứng nhận GlobalGAP. Đây là những tiền đề quan trọng để tỉnh chuyển đổi các diện tích này sang sản xuất hữu cơ.

Bảng 1: Diện tích sản xuất thanh long theo tiêu chuẩn an toàn

STT	Địa phương	Viet GAP		Global GAP	
		Diện tích (ha)	Số cơ sở	Diện tích (ha)	Cơ sở sản xuất
1	Thành phố Phan Thiết	90	153		
2	Thị xã La Gi	147	94	5	Hộ gia đình
3	Huyện Tuy Phong	56	70		
4	Huyện Bắc Bình	603	578		
5	Huyện Hàm Thuận Bắc	3.546	4.608	23	Cty CP Rau quả Bình Thuận, HTX Thuận Tiến
6	Huyện Hàm Thuận Nam	6.891	4.255	327	Cty TNHH thanh long Hoàng Hậu, Nafod Groups, Trang trại Kim Hải, Trịnh Anh, HTX Hàm Minh 30
7	Huyện Hàm Tân	87	39		
	Tổng	11.419	9.797	355	

*** Công tác Khuyến nông trồng trọt hướng tuần hoàn, hữu cơ, mô hình thích ứng biến đổi khí hậu:**

- Năm 2017, thực hiện Dự án Khuyến nông Trung ương về ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất cánh đồng lớn ở các tỉnh phía Nam; Trung tâm Khuyến nông đã xây dựng mô hình “Sản xuất lúa theo phương pháp SRI, hướng hữu cơ theo liên kết chuỗi”, từ mô hình này đã thúc đẩy nhân rộng canh tác hướng tuần hoàn, giảm phát thải, đạt các chứng nhận an toàn như đã thống kê ở trên.

- Mô hình tưới nước tiết kiệm kết hợp canh tác thông minh. Đây là mô hình được thực hiện đồng bộ nhằm tăng diện tích sử dụng công nghệ tưới, ứng phó hạn hán và biến đổi khí hậu tại Bình Thuận. Các mô hình ứng dụng tưới nhỏ giọt, tưới phun mưa, tưới phủ tràn... theo công nghệ ISRAIEN được ứng dụng trên đa đối tượng cây trồng như: Thanh long, xoài, trồng cỏ nuôi bò,...

- Mô hình ứng dụng chất thải chăn nuôi vào trồng trọt nâng cao giá trị gia tăng. Cụ thể nhất là mô hình Trồng thâm canh cỏ nuôi bò. Trên hệ thống xử lý chất thải ứng dụng các công nghệ cao (vi sinh; tách phân; biogas...), công nghệ sinh học cho sản phẩm hữu cơ vi sinh (nuôi trùn quế; nuôi dế...) từ đó biến chất thải là phân đại gia súc thành sản phẩm đầu vào có giá trị, gia tăng giá trị của chuỗi sản xuất; lấy sản phẩm xử lý đó quay lại phục vụ trồng trọt (trồng cỏ) cho bò ăn.

1.2. Lĩnh vực chăn nuôi

Cuối năm 2022 và các tháng đầu năm 2023 tình hình chăn nuôi của tỉnh tiếp tục được duy trì ổn định và có xu hướng phát triển đối với đàn gia cầm, cụ thể như sau:

- + Đàn trâu có 8.400 con;
- + Đàn bò có 176.100 con;
- + Đàn heo có 345.100 con;
- + Đàn dê, cừu: 37.000 con;
- + Đàn gia cầm: 6.290,1 ngàn con.

Tổng sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm các loại cuối năm 2022 đạt 83.630,7 tấn.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có mô hình chăn nuôi hữu cơ. Chăn nuôi của tỉnh đang dần chuyển đổi mô hình từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại, gia trại và ứng dụng công nghệ mới có kiểm soát an toàn dịch bệnh và môi trường. Toàn tỉnh hiện có 212 cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung, trong đó có 47 cơ sở chăn nuôi được cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

Hiện nay, mô hình tại một số hộ miền núi vùng cao Bình Thuận đang nuôi giống heo đen (heo cỏ) bản địa. Giống heo này có ưu điểm dễ nuôi, ít công chăm sóc, thích nghi tốt với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng địa phương, chất lượng thịt thơm ngon rất được thị trường ưa chuộng; tuy nhiên, lâu nay tập quán chăn nuôi của đồng bào chủ yếu là thả rông tự do nên chưa thật sự an toàn, luôn bị dịch bệnh đe dọa; mô hình “Chăn nuôi heo cỏ địa phương an toàn dịch bệnh” quy mô 30 con tại 3 xã miền núi Đông Tiến, Đông Giang, La Dạ đã được triển khai, sau 7 tháng chăn nuôi, tổng chi phí cho 1 con heo gần 4 triệu đồng, với giá bán 150.000 đồng/kg, lãi bình quân đạt 1,3 triệu đồng/con. Như vậy, nếu được tuyên truyền, hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, chi phí đầu tư thì chăn nuôi hữu cơ đối với con heo đen này sẽ có tiềm năng lớn.

*** Về phát triển các mô hình:** hiện nay Trung tâm Khuyến nông đẩy mạnh thực hiện đào tạo, huấn luyện về mô hình xử lý chất thải chăn nuôi phục vụ trồng trọt, nâng cao giá trị gia tăng. Trong đó, mô hình chăn nuôi hướng tuần hoàn khép kín giảm phát thải, thích ứng biến đổi khí hậu được đẩy mạnh. Thực hiện chủ trương của tỉnh về phát triển đàn bò, trong những năm qua Trung tâm Khuyến nông đã thực hiện mô hình “Trồng thâm canh cỏ kết hợp tưới nước tiết kiệm chăn nuôi bò”; Năm 2022 và 2023 mô hình chăn nuôi tuần hoàn – “Mô hình trồng cỏ nuôi bò” Quy mô 100 con bò vỗ béo, 9,6 ha cỏ kết hợp hệ thống tưới và 40 tấn cỏ ủ chua, thực hiện tại huyện Bắc Bình với 15 hộ tham gia đã được triển khai. Các hộ đã nhận hỗ trợ giống và vật tư của mô hình. Kết quả: Năng suất cỏ ước đạt 150 tấn/ha, ủ chua cỏ đạt 40 tấn. Vỗ béo 100 con bò.

Ứng dụng các công nghệ nhằm tận dụng phụ phẩm trong trồng trọt, ủ chua, ủ xanh thức ăn phục vụ dự trữ và sử dụng trong chăn nuôi, đặc biệt là trong mùa khô tại Bình Thuận lượng thức ăn cho vật nuôi thiếu hụt trầm trọng.

Một số mô hình chăn nuôi hướng tuần hoàn, hữu cơ đã được triển khai như: Mô hình chăn nuôi an toàn sinh học trên nền đệm lót (heo; bò; gà; vịt...) nhân rộng mạnh mẽ. Ứng dụng tiến bộ - sản phẩm Balasa-N01 ủ, xử lý chất thải rất hiệu quả.

Hiện nay, trên địa bàn có một số HTX/DN hoạt động chăn nuôi theo hướng tuần hoàn, hữu cơ như: HTX chăn nuôi Hữu cơ Thiện Nghiệp (thành lập năm 2022); HTX chăn nuôi Thuận Minh Phát, ... gắn với một số mô hình chăn nuôi tuần hoàn khép kín, hướng đến đạt chứng nhận hữu cơ như: MH nuôi đông cát kết hợp gà rừng dưới tán dứa; MH nuôi gà đồi cát; MH nuôi dê mèn hữu cơ, ...

Bằng nguồn kinh phí KNQG, Trung tâm đã tập huấn hoàn thành 02 lớp đào tạo tiểu giáo viên TOT cho 60 học viên tham dự là cán bộ khuyến nông, cán bộ nông nghiệp, HTX, nông dân, chủ trang trại về Kinh tế chăn nuôi tuần hoàn và Xử lý chất thải chăn nuôi vào trồng trọt nâng cao giá trị gia tăng.

1.3. Lĩnh vực lâm nghiệp

Tỉnh Bình Thuận hiện có 140.293 ha rừng phòng hộ, trong đó rừng tự nhiên lên tới 131.032 ha. Các sản phẩm tự nhiên thu hái từ rừng có sản lượng lên tới hàng ngàn tấn mỗi năm, là nguồn sinh kế quan trọng của một bộ phận đồng bào vùng cao sống nhờ vào nghề rừng. Các sản phẩm thu hái hữu cơ có giá trị kinh tế cao gồm măng, mộc nhĩ, rau rừng (lá bép),...

Dưới tán rừng có nhiều loài cây dược liệu quý mọc tự nhiên như: khoai mài, đinh lăng, búp giấm, cà gai leo, sả, nghệ, gừng,... Đặc biệt, ở huyện Đức Linh có loại thảo dược quý là trà hoa vàng hay Kim hoa trà nếu được quan tâm đầu tư phát triển theo hướng dược liệu hữu cơ sẽ là sản phẩm dược liệu quý đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Ngoài ra, hiện nay Chi cục Kiểm lâm tỉnh đang triển khai trồng và chăm sóc các loài cây khoai mài, nấm lim xanh, sâm bố chính dưới tán rừng tại các vị trí: Tiểu khu 114, xã Bình

An, huyện Bắc Bình lâm phận BQLRPH Sông Mao; Tiểu khu 71, xã Phan Sơn, huyện Bắc Bình lâm phận BQLRPH Sông Lũy; Tiểu khu 237, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc lâm phận BQLRPH Hồng Phú; Tiểu khu 257, xã Mỹ Thạnh và tiểu khu 266, xã Hàm Càn, huyện Hàm Thuận Nam lâm phận BQLRPH Sông Móng - Ca Pét; Tiểu khu 300, xã Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam lâm phận Ban quản lý Khu BTTN Tà Kóu. Đây là những tiền đề quan trọng nhằm tận dụng, phát huy những giá trị của đất rừng trong phát triển kinh tế của địa phương, cải thiện sinh kế đồng thời vẫn đảm bảo chức năng phòng hộ, che phủ của rừng.

1.4. Lĩnh vực thủy sản

Thủy sản của tỉnh chủ yếu là khai thác đánh bắt, nuôi trồng thủy sản chiếm tỷ trọng nhỏ và có xu hướng thu hẹp do phát triển du lịch, khu dân cư. Hiện trên địa bàn tỉnh đã có một số mô hình tuần hoàn khép kín (trong sản xuất giống và nuôi thương phẩm), tuy nhiên chưa có mô hình nuôi trồng thủy sản hữu cơ; một số cơ sở nuôi trồng đạt các chứng nhận về an toàn thực phẩm, sản xuất có trách nhiệm quan tâm đến môi trường và xã hội như Công ty Cổ phần Tầm Long Đa Mi nuôi cá tầm trên lòng bè tại lòng hồ thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi theo tiêu chuẩn quốc tế GlobalGAP.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN, HỮU CƠ TỈNH BÌNH THUẬN

2.1. Thuận lợi và kết quả đạt được

- Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh, các ngành, địa phương luôn ủng hộ mạnh mẽ các nỗ lực phát triển một nền nông nghiệp bền vững và thân thiện môi trường, nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của sản phẩm, trong đó có nông nghiệp hữu cơ.

- Việc phát triển nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ, nông nghiệp sinh thái bền vững là một xu thế tất yếu nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm thiểu tác động tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng cũng như môi trường sống.

- Bình Thuận có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển nông nghiệp hữu cơ như quỹ đất nông nghiệp lớn; điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng đa dạng, phong phú dẫn tới sự đa dạng của các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh, trong đó có nhiều sản phẩm có chất lượng tốt, xây dựng được thương hiệu mạnh trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Nguồn nguyên liệu chế biến phân bón như cây phân xanh, phân hữu cơ khá phong phú. Một số khu vực sản xuất canh tác chủ yếu là quảng canh nên đất và nước chưa bị ô nhiễm kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV.

- Bên cạnh đó, nhận thức của người sản xuất và người tiêu dùng về an toàn thực phẩm ngày càng cao. Sản xuất hữu cơ là phương thức sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn, bền vững, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng giúp các doanh nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ.

- Nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân có mong muốn chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ, đặc biệt là các loại hình sản xuất lúa, thanh long, rau củ quả,... Từ đó đã nghiên cứu, áp dụng quy trình canh tác hữu cơ vào các mô hình chuyển đổi sang canh tác theo hướng hữu cơ.

- Trên thị trường, các loại phân bón hữu cơ, thuốc BVTV sinh học ngày càng đa dạng, phong phú đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sử dụng của người dân trong sản xuất trồng trọt hữu cơ.

- Sản xuất nông nghiệp hữu cơ bước đầu đã xuất hiện các mô hình tiên phong, hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường khả quan so với sản xuất truyền thống.

2.2. Khó khăn và những tồn tại, hạn chế

- Việc ban hành các văn bản quy phạm hướng dẫn tổ chức thực hiện, cấp chứng nhận về NNHC còn chậm, chưa có các hướng dẫn hỗ trợ cụ thể, chi tiết cho doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân khi tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Chứng nhận nông nghiệp hữu cơ theo TCVN còn hạn chế do khung pháp lý và hệ thống các tổ chức chứng nhận vẫn còn bất cập; các tổ chức chứng nhận tiêu chuẩn nước ngoài chưa được quản lý, giám sát, giá dịch vụ rất cao.

- Sản xuất nông nghiệp hữu cơ là hướng phát triển nông nghiệp tương đối mới tại Việt Nam nói chung và tỉnh Bình Thuận nói riêng, các tiêu chuẩn yêu cầu nghiêm ngặt nên việc áp dụng và nhân rộng sản xuất còn hạn chế.

- Sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Bình Thuận vẫn còn mang tính tự phát, nhỏ lẻ, manh mún, sản phẩm chưa đa dạng, chưa có chế biến sâu, việc kiểm soát về chất lượng còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc định hướng phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung tại tỉnh Bình Thuận chưa được thực hiện, cũng như định hướng thị trường cho sản phẩm hữu cơ còn chưa rõ ràng. Nguồn kinh phí hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ còn gặp nhiều khó khăn.

- Quá trình chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp; từ sản xuất nông nghiệp truyền thống lấy năng suất, sản lượng làm trọng tâm sang sản xuất chế biến, cung cấp dịch vụ nông nghiệp chất lượng, sạch, an toàn, có giá trị kinh tế cao gắn với phát triển thị trường và lợi thế cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp vẫn còn chậm. Vẫn còn tồn tại tình trạng giao chỉ tiêu năng suất, sản lượng năm sau cao hơn năm trước trong công tác lập kế hoạch sản xuất nông nghiệp của địa phương.

- Nhu cầu vốn đầu tư ban đầu để xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho sản xuất hữu cơ (như: hệ thống nhà màng, nhà lưới, hệ thống tưới tự động, hệ thống đường điện, nhà sơ chế, nhà ủ phân,...) khá lớn. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng dùng chung tại vùng phát triển nông nghiệp hữu cơ chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất hữu cơ, đặc biệt là ở các địa bàn vùng bán sơn địa, đồi gò.

- Việc kêu gọi doanh nghiệp tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ còn khó khăn, đặc biệt là các mô hình sản xuất theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hữu cơ.
- Nhận thức và phương pháp canh tác của đại bộ phận nông dân về sản xuất nông nghiệp hữu cơ còn khá hạn chế, nhất là tại các khu vực vùng sâu, vùng xa.
- Vật tư đầu vào cho sản xuất hữu cơ (phân bón vi sinh, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ cây trồng, vật nuôi,...) vẫn còn hạn chế về số lượng, chủng loại, giá thành đắt hơn so với các loại vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp vô cơ.
- Công tác tuyên truyền, tập huấn, đào tạo về sản xuất nông nghiệp hữu cơ còn hạn chế. Nhân lực có chuyên môn sâu về nông nghiệp hữu cơ tại các cơ sở sản xuất và cơ quan quản lý còn thiếu./.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG TỈNH BÌNH THUẬN

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, TUẦN HOÀN TRONG SẢN XUẤT, XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU CỦA HUYỆN ĐƠN DƯƠNG - LÂM ĐỒNG

Tou Prong Nai Khoan

Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Đơn Dương

Huyện Đơn Dương là cửa ngõ phía Đông của tỉnh Lâm Đồng, cách thành phố Đà Lạt 40 km, cách sân bay Liên Khương 20 km, cách Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm 80 km. Huyện Đơn Dương có hệ thống giao thông thuận lợi, có Quốc lộ 20 kết nối Thị trấn D’Ran với Thành phố Đà Lạt và các tỉnh phía Nam; Quốc lộ 27 qua địa bàn huyện kết nối với Thành phố Phan Rang, các tỉnh miền Trung và các tỉnh Tây Nguyên. Do đó, huyện Đơn Dương có lợi thế rất lớn trong việc giao lưu, thông thương cũng như hỗ trợ đầu tư, phát triển khoa học công nghệ và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, phát triển kinh tế - xã hội trong tỉnh, giữa tỉnh với các tỉnh trong khu vực và cả nước.

Diện tích tự nhiên toàn huyện là 61.185 ha, có 10 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm 02 thị trấn: Thạnh Mỹ, D’Ran và 08 xã: Lạc Lâm, Lạc Xuân, Ka Đô, Quảng Lập, Tu Tra, Pró, Ka Đơn, Đạ Ròn, trong đó Thị trấn Thạnh Mỹ là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện. Dân số toàn huyện năm 2022 có gần 110.000 người, mật độ trung bình 177 người/km²; có trên 20 dân tộc anh em cùng chung sống trên địa bàn như Chu Ru, K’ho, Chill, Tày, Ê-đê, Nùng, Chăm, Hoa,... Tỷ lệ người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 31% dân số toàn huyện. Diện tích rừng và đất lâm nghiệp 42.600 ha chiếm gần 70% diện tích tự nhiên, độ che phủ rừng toàn huyện năm 2022 đạt 59,5%.

Đơn Dương có nền kinh tế nông nghiệp chủ yếu, được xác định là động lực phát triển của huyện hiện nay và trong giai đoạn tới. Cơ cấu kinh tế tính theo giá trị sản xuất năm 2022: khu vực nông, lâm, thủy sản chiếm 62,7%, khu vực công nghiệp xây dựng chiếm 16,8% và khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 20,5%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 ước đạt 72 triệu đồng/người/năm.

Trong sản xuất nông nghiệp cây trồng, vật nuôi chủ lực của huyện là rau, hoa, bò sữa. Thời gian qua Huyện Đơn Dương tập trung đầu tư phát triển chương trình nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại tại Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 06/10/2021 của Huyện ủy về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 và Chương trình hành động số 39-Ctr/HU ngày 28/12/2022 về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU của Tỉnh Ủy về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 2002/KH-UBND ngày 05/11/2021 của UBND huyện Đơn Dương về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 06/10/2021 của Huyện Ủy trong đó có nội dung chương trình phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn. Đồng thời, triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng

thông minh đạt kết quả nhất định. Đến nay, tổng diện tích sản xuất rau, hoa ứng dụng công nghệ cao và công nghệ cao theo hướng thông minh có 11.170ha chiếm 95% diện tích đất canh tác rau, hoa; trong đó diện tích nhà kính, nhà lưới là 2.728 ha; tưới tự động, nhỏ giọt ngoài nhà kính, nhà lưới: 8.177 ha, diện tích điều khiển nhiệt độ, ánh sáng độ ẩm trong dân là: 215 ha, diện tích canh tác không dùng đất: 21 ha, nông nghiệp hữu cơ: 32,11 ha.

Trong chăn nuôi bò sữa: Đàn bò sữa tiếp tục phát triển theo hướng tăng quy mô và nâng cao chất lượng đàn và sữa. Các hộ chăn nuôi ngày càng chú trọng đầu tư cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ vào chăn nuôi bò sữa như đầu tư hỗ trợ máy trộn thức ăn TMR, máy vắt sữa đôi,...

Đối với nguồn vốn nhà nước đầu tư nông nghiệp ứng dụng CNC theo hướng thông minh trong những năm gần đây từ năm 2019 – 2022, UBND huyện đã đầu tư 21,7 tỷ đồng, nhân dân đối ứng: 29,6 tỷ đồng đầu tư phát triển sản xuất, xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm: đầu tư lắp đặt 93 hệ thống tưới thông minh (125 ha), 71 hệ thống tưới châm phân tự động (60 ha), 61 ha nâng cấp hạ tầng tưới nhỏ giọt, 02 hệ thống trồng rau thủy canh (0,2 ha); 40 máy trộn thức ăn, 56 máy vắt sữa đôi, 5 máy vắt sữa hệ thống 6 con/lần vắt; xây dựng 07 trạm quan trắc thời tiết, 5 hệ thống quản lý vi khí hậu IoT trong nhà kính nhà màng (1,6 ha); 2 hệ thống trung hòa nước tưới (3,3 ha); phân tích 200 mẫu đất; 100 mẫu nước; cấp 48 giấy chứng nhận VietGAP; 17 kho lạnh, 5 nhà xưởng, 12 hệ thống máy sấy rau củ quả sau thu hoạch, ...).

Thông qua việc thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nhiều công nghệ mới, hiện đại được mạnh dạn đầu tư đưa vào sản xuất, diện tích ứng dụng công nghệ cao phát triển mạnh, không chỉ tập trung ở các địa bàn trọng điểm sản xuất rau, hoa mà phát triển tới cả các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhiều loại hình công nghệ đã được ứng dụng rộng rãi trong toàn huyện và ngày càng có nhiều hộ nông dân đầu tư đồng bộ các loại hình công nghệ; điển hình như ứng dụng hệ thống tưới thông minh, hệ thống điều chỉnh ánh sáng, nhiệt độ tự động, máy trộn thức ăn tự động, máy vắt sữa 6 con/lần vắt ...

Trên địa bàn huyện, UBND tỉnh đã có quyết định công nhận 3 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trong đó có 2 vùng sản xuất rau công nghệ cao được công nhận tại xã Lạc Xuân và Lạc Lâm với 284.87 ha, 01 vùng chăn nuôi bò sữa tại các xã Tu Tra và Dạ Ròn với số lượng trên 15.000 con.

Toàn huyện có 13 cơ sở được cấp nhãn hiệu “Đà Lạt kết tinh kỳ diệu từ đất lành”; 124 cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận VietGAP với diện tích trên 641.8 ha; hiện nay huyện đang phát triển 36 chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm với các mặt hàng rau củ quả, trái cây, củ năng, sữa tươi, cà phê, cây dược liệu, các sản phẩm từ trùn quế,... (trong đó 31 chuỗi về rau, củ quả, dược liệu... và 05 chuỗi chăn nuôi bò sữa). Hàng năm UBND huyện đều bố trí ngân sách đầu tư phát triển chuỗi liên kết nhằm hỗ trợ cho các địa phương xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm mới và sẵn có.

Đến nay, sản lượng nông sản được liên kết sản xuất tiêu thụ chiếm trên 30% trên tổng sản lượng nông sản toàn huyện, 100% sản lượng sữa tươi được liên kết tiêu thụ ổn định qua hợp đồng.

Giá trị sản xuất trên 01 ha đất nông nghiệp bình quân đạt 220-230 triệu đồng/năm; nhiều mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh đạt hiệu quả từ 500 triệu đến 1 tỷ đồng/ha/năm.

Đối với chương trình OCOP: Trong thời gian qua, các ngành các cấp cũng đã chú trọng đầu tư phát triển sản phẩm OCOP nhằm khơi dậy tiềm năng, lợi thế khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân; góp phần tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ và du lịch nông thôn; thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển bền vững, trên cơ sở tăng cường ứng dụng chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn, bảo tồn các giá trị văn hóa, quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan và môi trường nông thôn, góp phần xây dựng NTM đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững. Đến nay, toàn huyện có 24 sản phẩm OCOP đạt 3 sao và 4 sao cấp tỉnh. Năm 2023, tiếp tục đầu tư hỗ trợ cho các chủ thể OCOP về các nội dung liên quan nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất và nâng cấp sản phẩm OCOP.

Về định hướng chung, Huyện Đơn Dương đang phấn đấu trở thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu của cả nước theo kế hoạch đã đề ra đến năm 2025 là vùng phát triển nông nghiệp quy mô lớn, du lịch sinh thái của tiểu vùng I vùng tỉnh Lâm Đồng, vùng phụ cận phía Đông của Thành phố Đà Lạt và vùng Quốc gia.

Chương trình xây dựng nông thôn mới đã tạo ra được bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi bộ mặt nông thôn; đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được nâng lên; vai trò của hệ thống chính trị và nhân dân ngày càng phát huy. Đến nay, toàn huyện có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới, 75% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 37,5% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh.

Về sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn huyện có 6 đơn vị công ty, trang trại, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp hữu cơ, trong đó có 5 đơn vị sản xuất rau hữu cơ các loại với diện tích 32,11 ha; có 01 trang trại bò sữa hữu cơ Đà Lạt với 705 con, sản lượng trên 2.800 tấn, với quy mô 52,17 ha. Có 4 mô hình đang trong quá trình chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ trong đó có 01 mô hình rau, 01 mô hình dược liệu, 01 mô hình củ năng, 01 mô hình bò thịt 38 con của Trang trại Thiên Sinh farm.

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ là một trong những mô hình hình mới và cũng khó thực hiện do yêu cầu cao đối với các tiêu chí áp dụng. Tuy nhiên, thời gian qua các đơn vị sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn huyện đã mạnh dạn đầu tư và áp dụng các tiêu chuẩn đã được chứng nhận vào sản xuất mang lại kết quả nhất định, thu nhập kinh tế cao, điển hình như Trang trại Thiên Sinh farm tại Thôn Ka Đơn, Xã Ka Đơn, Huyện Đơn Dương, Tỉnh Lâm Đồng sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ thế giới với quy mô diện tích 15ha trên

30 loại rau các loại, giá bán cao hơn giá rau thông thường từ 2-6 lần, tùy theo mùa. Từ kết quả trên, sản xuất nông nghiệp hữu cơ của Trang trại đã cho tổng thu nhập trung bình 3,6 tỷ đồng/năm sau khi trừ chi phí đầu tư. Đây là mô hình nông nghiệp hữu cơ khép kín, tuần hoàn, trang trại sử dụng phân chuồng trong chăn nuôi bò thịt hữu cơ và các phụ phẩm nông nghiệp đã ủ hoai để tái sử dụng làm phân bón cho đất.

Có thể nói, lợi nhuận từ sản xuất nông nghiệp hữu cơ là khá cao nếu người dân mạnh dạn đầu tư và chủ động tìm kiếm thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu tốt. Song, do chi phí vốn đầu tư ban đầu lớn, tiêu chí áp dụng sản xuất hữu cơ khắt khe, thị trường hẹp và còn gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm thị trường nông sản hữu cơ với giá bán cao tương xứng với chi phí đầu tư nên việc phát triển, nhân rộng mô hình nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp còn những khó khăn, hạn chế.

Để phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn trong sản xuất xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu trong thời gian tới cần tiếp tục triển khai các giải pháp sau:

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, phối hợp với các ngành chuyên môn của tỉnh tổ chức hướng dẫn, tập huấn kỹ thuật để lựa chọn các sản phẩm có lợi thế, xây dựng các mô hình thí điểm nông nghiệp theo hướng hữu cơ, tuần hoàn. Từ đó, vừa nâng cao ý thức cho bà con nông dân về sản xuất sạch, an toàn, vừa nhân rộng mô hình và tạo sự phát triển bền vững.

2. Tăng cường công tác vận động của các cấp, các ngành và đoàn thể rộng rãi cho người dân hưởng ứng chương trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn.

3. Tập trung phát triển sản xuất theo hướng liên kết chuỗi giá trị gắn với lợi thế vùng nguyên liệu tập trung, phát triển sản phẩm OCOP, dịch vụ du lịch văn hoá; tạo tiền đề phát triển mô hình nông nghiệp theo hướng hữu cơ gắn với nâng cao các tiêu chí xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

4. Phát triển mở rộng diện tích được cấp giấy chứng nhận nông nghiệp hữu cơ đối với diện tích đang trong quá trình chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ tại địa phương tiến đến đăng ký chứng nhận hữu cơ theo kế hoạch.

5. Tiếp tục phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, trong đó tập trung nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với các sản phẩm chủ lực của huyện. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông minh, tự động hóa tại các vùng sản xuất chuyên canh; vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

6. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp: Tiếp tục hoàn chỉnh đường giao thông nông thôn ở các xã, thị trấn nhất là đường giao thông nội đồng để đảm bảo cho sản xuất và lưu thông hàng hoá nông sản được thuận lợi.

7. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ nhằm ổn định giá cả thị trường nông sản giúp người nông dân phát triển sản xuất ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống, trong đó tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tự do buôn bán theo quy định của pháp luật. Khuyến khích doanh nghiệp liên kết với nông dân, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Khuyến khích phát triển các chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm để tạo đầu ra ổn định cho hàng hóa nông sản hữu cơ.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa hữu cơ. Tăng cường các hoạt động quảng cáo, tiếp thị trên các phương tiện đại chúng, nhất là trên mạng internet. Khuyến khích các đơn vị kinh tế tham gia vào hệ thống thương mại nông sản điện tử, tham gia vào các sự kiện bán hàng nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm.

- Nâng cao chất lượng hoạt động thông tin của cơ quan nhà nước các cấp; khuyến khích các hội đoàn thể, ngành phối hợp cung cấp thông tin phục vụ sản xuất, tiêu thụ nông sản hữu cơ để người sản xuất được tiếp cận với các đơn vị là đầu mối liên kết tiêu thụ sản phẩm, đồng thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất theo yêu cầu thị trường.

*** Về đề xuất, kiến nghị:**

- Đề nghị các ngành chuyên môn của tỉnh tiếp tục hỗ trợ các tổ chức, cá nhân xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản hữu cơ; tham gia xúc tiến thương mại quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông sản hữu cơ gắn với tìm kiếm, mở rộng thị trường; hỗ trợ cho người dân đưa sản phẩm nông sản hữu cơ lên sàn giao dịch điện tử.

- Tổ chức các lớp tập huấn cho nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã có nhu cầu về quy trình kỹ thuật, kỹ năng sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Xây dựng mô hình trình diễn để hướng dẫn, chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, có chương trình cụ thể về công tác khuyến nông chuyển giao khoa học kỹ thuật trong sản xuất hữu cơ phù hợp đối với từng đối tượng từng địa phương./.

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN KHÉP KÍN

Nguyễn Quốc Thắng

Trang trại Thiên Sinh, xã Ka Đơn, huyện Đơn Dương

Trang trại Thiên Sinh thuộc thôn Ka Đơn, xã Ka Đơn, huyện Đơn Dương đã trải qua hơn 15 năm cải tạo, xây dựng và phát triển môi trường sinh thái hữu cơ, đến nay Trang trại Thiên Sinh mới bắt đầu khép kín một vòng tuần hoàn công nghệ cao chăm sóc cây trồng, vật nuôi trên tổng diện tích 15 ha.

Trang trại Thiên Sinh được hình thành và phát triển từ năm 1998. Trang trại lúc đó chỉ ươm cây giống và sản xuất nông nghiệp truyền thống. Từ năm 2007, Trang trại Thiên Sinh nhận thấy sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật thường xuyên là vấn đề rất nguy hiểm đối với người sản xuất cũng như những người tiêu dùng và môi trường xung quanh. Vì vậy, Trang trại đã bắt tay vào trồng thử nghiệm theo hướng hữu cơ và quản lý sâu bệnh trong trang trại dựa vào thiên nhiên và các sinh vật trong tự nhiên. Vì vậy, vào năm 2011 bắt đầu xây dựng trang trại hữu cơ mang tên Thiên Sinh Farm, bắt đầu với diện tích 4 ha.



Khu vực mở rộng 7 ha sản xuất rau, củ, quả hữu cơ của Thiên Sinh trong năm 202

Vào năm 2013, diện tích của trang trại lên tới 7 ha, lúc này trang trại phải mua phân bón hữu cơ từ bên ngoài nên rất khó kiểm soát đầu vào và tăng chi phí đầu vào cho trang trại. Để giảm chi phí đầu vào, Thiên Sinh Farm đã lập một trang trại bò siêu thịt nuôi trên nền đệm lót sinh học sử dụng các phế phẩm trong trang trại làm thức ăn cho bò. Chất thải của bò được dùng làm phân bón cho Farm tạo thành một vòng tròn khép kín. Đến năm 2019, Thiên Sinh Farm mở rộng diện tích sản xuất lên 15 ha trong đó diện tích trồng cỏ 3 ha, trồng rau củ quả 5 ha, vùng cách ly, cơ sở vật chất 2 ha, diện tích còn lại tiếp tục cải tạo và phát triển trong thời gian tới.



Giăng mắc bẫy có chất dính sinh học để dẫn dụ, tiêu diệt côn trùng gây hại

Năm 2020, các đơn vị khoa học của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức lấy mẫu phân tích các thành tố về chất lượng đất, nước, quy trình canh tác, sử dụng vật tư nông nghiệp, chất lượng sản phẩm thu hoạch... kết quả đã cấp Chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ cho 10 ha rau sản xuất hữu cơ theo tiêu chuẩn Việt Nam đối với Thiên Sinh Farm. Tiếp theo đó, Thiên Sinh Farm đã được Trung tâm Khuyến nông trực thuộc Sở Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn Lâm Đồng xây dựng mô hình chăn nuôi bò thịt hữu cơ, dự kiến hoàn thành các tiêu chí cấp chứng nhận trong năm 2023.

Hiện nay, Thiên Sinh Farm tạo công ăn việc làm cho khoảng 30 nhân công, 80% là người dân tộc thiểu số. Mỗi một ngày thu hoạch khoảng 1 tấn rau củ các loại, mỗi năm xuất bán ra thị trường 15 con bò thịt tiêu thụ chủ yếu tại các thành phố lớn như TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội mang lại nguồn thu nhập 12 tỷ đồng/năm lợi nhuận đạt 3 tỷ đồng/năm.

Để đảm bảo nguồn thức ăn cho 40 con bò thịt trong Farm trên diện tích chuồng nuôi 500m² nuôi dưỡng theo quy trình hữu cơ, Thiên Sinh Farm đã bố trí diện tích 2 ha để trồng cỏ theo hình thức cuốn chiếu, mỗi ngày thu hoạch khoảng 1 tấn cỏ tươi đưa về hệ thống cơ giới hoá để cắt nhỏ làm thức ăn tươi đủ dinh dưỡng cho đàn bò thịt trong ngày. Ngoài ra, mỗi con bò còn được uống 5 lít sữa chua tiệt trùng/ngày để bảo vệ hệ thống tiêu hóa, tạo chất lượng thịt ngon hơn khi đưa ra thị trường. Với 40 con bò thịt được nuôi tại Farm có 5 con đực và 35 con cái đã được 8 năm tuổi, con nặng nhất lên đến 800kg, con nhẹ nhất khoảng 100kg. Trong năm 2022, đàn bò sinh sản thêm tại Farm được 20 con, cung cấp nguồn giống nhân đàn vật nuôi mới cho nông dân trong và ngoài huyện Đơn Dương. Lớp đệm lót sinh học trên nền chuồng bò thải phân tươi xuống hàng ngày, định kỳ 2 tháng thu khoảng 60m³ chuyển ra khu vực ủ hoai mục sau đó sử dụng bón cho tất cả các loại cây trồng hữu cơ trong Farm. Thời gian ủ phân hoai mục bằng men sinh học khoảng 2 tháng. Lượng phân chuồng này bón đủ dinh dưỡng hàng ngày cho cây trồng rau, củ, quả hữu cơ trong Farm. Và khi thu hoạch, sơ chế, những phụ phẩm rau, củ, quả ở đây trở lại sử dụng làm thức ăn cho bò. Đây là quy trình chăn nuôi, trồng trọt tuần hoàn khép kín của trang trại. Hàng ngày, công nhân của trang trại cho thêm khẩu phần ăn từ sản phẩm rau, củ, quả sơ chế tận dụng băm nhỏ cho đàn bò ăn bổ sung thêm.

Trong khu chăn nuôi bò thịt hữu cơ của Thiên Sinh Farm đều được quy hoạch bố trí từng phân khu chức năng, trong đó có khoảng 800m² diện tích ủ phân chuồng phối trộn rơm rạ, phụ phế phẩm rau, củ, quả tại chỗ; 1.000m² diện tích sân vườn cho bò tắm nắng, ăn dặm thêm rơm vàng. Đặc biệt, những sợi rơm vàng còn có thêm chức năng trải đều lên từng luống để giữ ẩm độ cho đất, ngăn côn trùng phát sinh gây hại. Để minh chứng, trong Farm bố trí các khu vực nhà kính cà chua đã và đang thu hoạch cách sân vườn thả



Đàn bò thịt ăn cỏ thức ăn được trồng theo tiêu chuẩn hữu cơ tại Thiên Sinh Farm



Cà chua sinh trưởng trên lớp phân chuồng, bên trên phủ lớp rơm vàng giữ ẩm

rông đàn bò chừng vài trăm mét. Ở đây mỗi Farm đồng bộ các thiết bị thông minh tưới nhỏ giọt, tưới phun mưa đầu nối đến từng luống cây cà chua được phủ một lớp rơm vàng bên trên, bên dưới là lớp đất tối xốp phối trộn với phân hữu cơ vi sinh được sản xuất tuần hoàn trong Farm. Theo đó, các luống cây cà chua đang trong thời kỳ thu hoạch phải thường xuyên bổ sung một lớp rơm vàng bao quanh từ gốc cây này đến gốc cây khác để ngăn chặn cỏ dại sinh sôi. Còn các luống cây cà chua thu hoạch lứa trái cuối cùng, được thu gom toàn bộ gốc rễ, thân cành, lá chuyển về khu vực ủ phân hữu cơ; riêng lớp rơm vàng sau đó được phủ lên một lớp đất để nhanh chóng được phân hủy, tạo thêm độ mùn trong đất cho các vi sinh vật có ích phát triển.



Khu vực ủ phân chuồng phối trộn với phế phẩm rau, củ, quả sau thu hoạch, sơ chế

Với phương pháp sản xuất rau, củ, quả hữu cơ trong nhà kính và ngoài trời của Thiên Sinh Farm đã luân canh và đa canh các loại cây trồng thường xuyên. Cây cà chua được trồng bằng nguồn giống chất lượng cao, đa dạng chủng loại beef, cherry chăm sóc trong thời gian khoảng 90 ngày thu hoạch đạt năng suất khoảng 2 tấn/1.000m². Tiếp nối lứa cà chua, tiếp tục xuống giống trồng đậu cove, đậu nành Nhật... Rồi lứa mới với ớt ngọt, dưa leo, cải thảo... Và có thể tuần hoàn trở lại trồng lứa mới cà chua hoặc đa canh trên cùng một khu vực diện tích phân bổ nhiều luống cây lơ baby, cải pò xôi, cà tím, dưa leo, củ cải, cải kale, mướp đắng, hành tây... trồng đan xen nhau, giăng mắc bẫy sinh học dẫn dụ tiêu diệt côn trùng gây hại, bảo vệ môi trường sinh thái hữu cơ phát triển lý tưởng cho các loài thiên địch có lợi như ong, bọ, nhện bắt mồi... Đây là một trong khoảng 15 loại nông sản hữu cơ luân canh và xen canh trên diện tích 6 ha hàng ngày thu hoạch, sơ chế, đóng gói khoảng 1 tấn cung cấp theo đơn hàng của hệ thống siêu thị mini, cửa hàng phân phối của thị trường TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Nha Trang, Đà Nẵng...



Khu sản xuất rau, củ, quả hữu cơ của Thiên Sinh Farm

Tính đến cuối năm 2022, Thiên Sinh Farm mở rộng tổng diện tích 15ha trồng trọt, chăn nuôi hữu cơ tuần hoàn tại thôn Ka Đơn, xã Ka Đơn, huyện Đơn Dương. Trong đó cây rau, củ, quả hữu cơ công nghệ cao trong năm 2023 tập trung đầu tư thâm canh lên diện tích 12 ha, nâng tổng sản lượng tiêu thụ hàng ngày lên 2 tấn. Như vậy kể từ lúc khởi động trồng rau, củ, quả hữu cơ vài ngàn mét vuông vào năm 2007, nhìn lại đến nay qua hơn 15 năm, anh Nguyễn Quốc Thắng chủ Thiên Sinh Farm đã tích lũy làm giàu kỹ thuật và kinh nghiệm

phát triển trang trại trồng trọt, chăn nuôi hữu cơ tuần hoàn của mình để sẵn lòng trao đổi, chia sẻ cho các nhà doanh nghiệp, nhà nông theo nhu cầu.

Ngoài ra, Trang trại đã lắp đặt 2 kho lạnh, mỗi kho lạnh có công năng giữ tươi 2 tấn rau, củ, quả hơn một tuần nhưng thực tế tiêu thụ hết sản lượng thu hoạch trong ngày, cho thấy thương hiệu nông sản hữu cơ Thiên Sinh Farm đã không ngừng khẳng định và nâng cao giá trị, chất lượng hơn 15 năm qua. Nếu so sánh với giải pháp sản xuất rau, củ quả thông thường thì giải pháp sản xuất rau, củ, quả hữu cơ của Thiên Sinh Farm đạt năng suất chỉ bằng 50%, nhưng bù lại giá thị trường đầu ra tăng lên trung bình gấp 2,5 - 3 lần. Hiện nay, Thiên sinh Farm đang xây dựng trang trại nuôi heo khoảng 100 con để cung cấp thịt sạch và gây giống, mục tiêu vào năm 2024 sẽ là 500 con. Đặc biệt, hiệu quả vô giá hơn đối với Thiên Sinh Farm đã xây dựng hoàn chỉnh được quy trình sản xuất hữu cơ tuần hoàn, góp phần nâng cao nhận thức và hành động bảo vệ bền vững môi trường và sức khỏe của cộng đồng./.

TRANG TRẠI THIÊN SINH

Bài tham luận chủ đề: Thực trạng chứng nhận nông nghiệp hữu cơ theo tiêu chuẩn EU Nhật Bản, USDA, Việt Nam trên Việt Nam và thế giới

Với mục tiêu đảm bảo hệ sinh thái cây trồng, vật nuôi, tạo ra những sản phẩm có chất lượng an toàn với người sử dụng, đem lại hiệu quả kinh tế, duy trì và nâng cao độ màu mỡ của đất. Sản phẩm nông nghiệp hữu cơ có chất lượng gần giống với sản phẩm của thiên nhiên, an toàn cho sức khỏe con người, mùi vị thơm ngon đặc theo từng sản phẩm.

***Nông Nghiệp hữu cơ đảm bảo các yêu cầu:**

- Sử dụng năng lượng và tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững, có trách nhiệm.
- Đảm bảo duy trì đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái trong khu vực canh tác.
- Nuôi dưỡng, nâng cao độ phì nhiêu của đất.
- Đảm bảo duy trì chất lượng nguồn nước.
- Đảm bảo bảo vệ sự an toàn và tập tính hoang dã của các loài động vật sống xung quanh.

***Nông Nghiệp Hữu Cơ quy định nghiêm ngặt về các yếu tố như:**

Nguồn đất: không được sử dụng phân bón hóa học trong canh tác.

Nguồn phân bón: hữu cơ, khuyến cáo tận dụng từ nguồn sản phẩm hữu cơ dư thừa trong khu vực.

Con giống: nghiêm cấm sử dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi biến đổi gen.

Kiểm soát động thực vật gây hại: sử dụng các biện pháp cơ học, thiên địch tự nhiên.

Trong chăn nuôi: phải sử dụng thức ăn hữu cơ, nghiêm cấm sử dụng chất kích thích tăng trọng,..

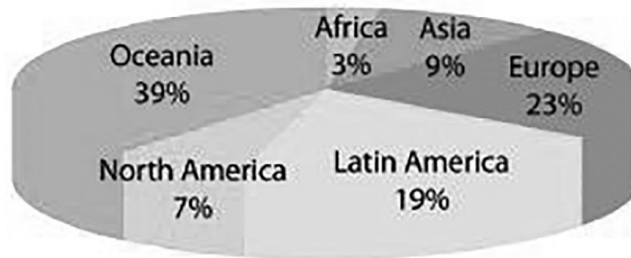
Đóng gói, bao bì: đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phải tiện lợi, dễ phân loại và tái chế.

***Hiện trạng chứng nhận nông nghiệp hữu cơ trên thế giới**

Trên thế giới, nông nghiệp hữu cơ đã góp phần không nhỏ đối với môi trường, trong đó có giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Diện tích nông nghiệp hữu cơ của thế giới cũng đang có xu hướng tăng nhanh trong những năm qua: Năm 2016, đạt 57,8 triệu hecta, chiếm 1,2% tổng diện tích đất nông nghiệp với giá trị sản phẩm hữu cơ khoảng 89,7 tỷ USD. Trong vòng 10 năm (2006 - 2016), diện tích đất nông nghiệp hữu cơ của thế giới tăng 150%. Có 178 nước sản xuất nông nghiệp hữu cơ với 2,7 triệu người thực hành sản xuất theo phương pháp hữu cơ, trong đó có 87 nước có quy định pháp luật quản lý sản phẩm hữu cơ.

Thống kê của Viện Nghiên cứu nông nghiệp hữu cơ (FIBL) và IFOAM cho thấy, năm 2021 có hơn 71 triệu hecta canh tác hữu cơ, tương đương khoảng 1,5% tổng diện tích canh tác. Một số quốc gia như: Mỹ, Úc và Liên minh châu Âu (EU) có tốc độ phát triển sản xuất

nông nghiệp hữu cơ rất nhanh. Và đến nay, trên thế giới có 186 quốc gia phát triển dòng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ. Trong đó, 73% diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ thế giới thuộc về 10 nước dẫn đầu. Úc có diện tích đất nông nghiệp hữu cơ nhiều nhất với 27,1 triệu hecta, trong đó 97% là những đồng cỏ chăn nuôi rộng lớn; kế đến là Argentina (3,0 triệu hecta); Trung Quốc (2,3 triệu hecta); Mỹ (2 triệu hecta). (Hình 1)



Hình 1: Phân bố diện tích nông nghiệp hữu cơ toàn cầu theo châu lục

Tại châu Á, diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ khoảng 2.900.000 hecta với 130.000 trang trại. Các quốc gia sản xuất hữu cơ lớn nhất trong khu vực: Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Sri Lanka, Hàn Quốc và Thái Lan. Thị trường lớn nhất hiện nay là Nhật Bản và một số thị trường đang nổi lên như Trung Quốc, Malaysia, Singapore và Thái Lan. Thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ lớn nhất là Mỹ (trên 45% giá trị), tiếp đến là Đức và Pháp. Tuy nhiên, nếu tính theo đầu người thì Thụy Sĩ tiêu thụ sản phẩm hữu cơ nhiều nhất (274 Euro/đầu người/năm).

Chứng nhận nông nghiệp hữu cơ đã trở thành một phần quan trọng của ngành nông nghiệp toàn cầu. Mỗi quốc gia và khu vực đã phát triển các tiêu chuẩn riêng để đảm bảo rằng sản phẩm hữu cơ được sản xuất và thỏa mãn các tiêu chí nghiêm ngặt. Sự nhất quán và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo rằng sản phẩm hữu cơ trên toàn thế giới đạt được chất lượng tốt nhất.

***Tiêu chuẩn Chứng nhận Hữu cơ tại một số Quốc gia trên thế giới:**

- USDA ORGANIC: Chứng nhận hữu cơ của Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ.
- ACO - Australian Certified Organic: Chứng nhận hữu cơ của chính phủ Úc.
- EU ORGANIC: Chứng nhận thực phẩm hữu cơ của Liên minh Châu Âu EU.
- IFOAM: International Federation of Organic Agriculture Movements Certification - Liên đoàn Quốc tế các phong trào canh tác nông nghiệp hữu cơ
- JAS (Japanese Agricultural Standard): Chứng nhận tiêu chuẩn của Bộ Nông nghiệp Nhật Bản

* COR Canada Organic Regime: Chứng nhận thực phẩm hữu cơ Canada

***Hiện trạng chứng nhận nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam**

Theo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (World Bank) về thách thức ô nhiễm môi trường nông nghiệp tại Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, sản xuất nông nghiệp đang gây ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tương đương với sản xuất công nghiệp. Do sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, nông nghiệp trở thành nguyên nhân chính làm ô nhiễm đất, không khí và nước. Các vấn đề cần được giải quyết là ô nhiễm ở các khu vực nuôi trồng thủy sản, khu chăn nuôi tập trung, cơ sở giết mổ, các làng nghề, vùng sản xuất thâm canh do tình trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật tràn lan và khu vực nông thôn do chất thải từ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt không được thu gom xử lý đúng quy cách, hợp vệ sinh. Lượng phát thải khí nhà kính đã tăng từ 4,7 tỷ tấn CO₂ (trong năm 2001) lên hơn 5,3 tỷ tấn (năm 2018), tương đương tăng hơn 14%.

Theo FIBL và IFOAM (2016), năm 2014 diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam đạt hơn 43.000 hecta, đứng thứ 56/172 nước trên thế giới, thứ 3 trong ASEAN (sau Indonesia và Philippines). Ngoài ra, Việt Nam còn có 20.030 hecta mặt nước cho thu hoạch sản phẩm hữu cơ, 2.200 hecta cho thu hái tự nhiên, đưa tổng diện tích nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam lên hơn 65.000 hecta. Diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam tăng nhanh, gấp hơn 3 lần trong giai đoạn 2007 - 2014. Năm 2016, diện tích canh tác hữu cơ đã tăng gấp 3,6 lần so với năm 2010 và đạt khoảng 77.000 hecta.

Diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam tăng nhanh, gấp hơn 3 lần trong giai đoạn 2007 - 2014. Năm 2016, diện tích canh tác hữu cơ đã tăng gấp 3,6 lần so với năm 2010 và đạt khoảng 77.000 hecta.

Đầu năm 2022, cả nước có khoảng 240.000 hecta canh tác hữu cơ, với sự tham gia của gần 20.000 lao động tại 46 tỉnh, thành phố. Bên cạnh đó, có khoảng 160 doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh nông nghiệp hữu cơ với kim ngạch xuất khẩu hằng năm đạt khoảng 335 triệu USD (tăng gần 15 lần so với năm 2010), đứng thứ 8 trong 10 nước có diện tích nông nghiệp hữu cơ tại châu Á. Sau 10 năm, diện tích canh tác nông nghiệp hữu cơ của nước ta tăng trên 223.000 hecta. Sản phẩm hữu cơ được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu đến các thị trường quốc tế lớn như Nhật Bản, Anh, Mỹ, Hàn Quốc...

*** Tiêu chuẩn chứng nhận hữu cơ Việt Nam**

Năm 2017-2018, Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ đã xây dựng và trình công bố bộ tiêu chuẩn quốc gia gồm 08 TCVN về nông nghiệp hữu cơ, trong đó có: TCVN 11041-1:2017, Phần 1: Yêu cầu chung đối với sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, TCVN 11041-2:2017

Trong những năm gần đây, Việt Nam vươn lên vị trí thứ 6 thế giới và đứng thứ 2 châu Á về xuất khẩu mật ong. Ngành nuôi ong đang phát triển và xu hướng sản xuất mật ong hữu cơ ngày càng gia tăng. TCVN 11041-3:2017 quy định các yêu cầu đối với quá trình chăn nuôi theo phương thức hữu cơ, tập trung vào chăn nuôi gia súc và gia cầm. Tuy nhiên,

tiêu chuẩn này chưa có quy định cụ thể cho một số loại hình chăn nuôi đặc thù như nuôi ong. Như vậy, đối với lĩnh vực chăn nuôi, cùng với tiêu chuẩn chung TCVN 11041-3:2017 về chăn nuôi hữu cơ, sẽ có một vài tiêu chuẩn đặc thù như TCVN 11041-7:2018 về sữa hữu cơ (quá trình nuôi bò sữa và thu hoạch, sơ chế, chế biến sữa hữu cơ), TCVN 11041-9:2023 về mật ong hữu cơ.

Đối với trồng trọt hữu cơ, TCVN 11041-2:2017 quy định các yêu cầu đối với quá trình sản xuất. Tuy nhiên, tiêu chuẩn này chưa có quy định cụ thể cho một số loại hình trồng trọt đặc thù như trồng nấm, trồng rau mầm. Không những là các sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao mà còn có giá trị kinh tế, nấm và rau mầm hữu cơ ngày càng được người nông dân phát triển theo hướng hữu cơ trong các năm vừa qua. Đây là các sản phẩm nông nghiệp đòi hỏi các điều kiện trồng trọt nghiêm ngặt, việc sử dụng các vật liệu không hóa chất sẽ đem đến chất lượng cao cho sản phẩm. Đây cũng là các sản phẩm nằm trong nhóm rau củ quả cần phát triển hữu cơ theo đề án của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ưu tiên phát triển hướng đến mở rộng diện tích trồng sản phẩm hữu cơ đến năm 2030.

Nông nghiệp hữu cơ rất chú trọng đến hệ sinh thái đất, do đó không chấp nhận phương pháp thủy canh, nhưng việc trồng cây trong nhà, trong thùng xốp vẫn được chấp nhận mặc dù có mặt hạn chế so với trồng cây trong hệ đất mở. Hiện nay, việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu là một trong những giải pháp quan trọng để gia tăng hiệu quả kinh tế trên mỗi đơn vị diện tích sản xuất; hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững và thúc đẩy quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Trong lĩnh vực trồng trọt, các mô hình sản xuất rau hữu cơ trong nhà màng, thùng chứa ngày càng được mở rộng.

Như vậy, đối với lĩnh vực trồng trọt, cùng với tiêu chuẩn chung TCVN 11041-2:2017 về trồng trọt hữu cơ, còn có một số tiêu chuẩn đặc thù như TCVN 11041-5:2018 về gạo hữu cơ (quá trình trồng lúa và thu hoạch, sơ chế, chế biến gạo hữu cơ), TCVN 11041-6:2018 về chè hữu cơ, TCVN 11041-11:2023 về nấm hữu cơ, TCVN 11041-12:2023 về rau mầm hữu cơ và TCVN 11041-13:2023 về trồng trọt hữu cơ trong nhà màng, thùng chứa.

Bên cạnh trồng trọt và chăn nuôi thì nuôi trồng thủy sản hữu cơ cũng là một lĩnh vực được quan tâm. Với bờ biển dài 3.260 km và diện tích mặt nước khoảng 1 triệu km², Việt Nam có tiềm năng để phát triển ngành rong biển. Việc nuôi trồng rong biển hữu cơ cũng là hướng đi tiềm năng. TCVN 11041-3:2023 về rong biển hữu cơ đã được đề xuất xây dựng để hỗ trợ hướng sản xuất này.

GIẢI PHÁP HỖ TRỢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA CÔNG TY SORIMACHI

Mr. Nguyen Thanh Mong

Sorimachi VietNam Co.,Ltd Giám đốc phát triển dự án nông nghiệp

1. GIỚI THIỆU SORIMACHI GROUP • SORIMACHI VIỆT NAM
2. CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ QUẢN LÝ SẢN XUẤT VÀ KẾ TOÁN CHO HTX, NÔNG HỘ
 - HỆ THỐNG PHẦN MỀM NHẬT KÝ SẢN XUẤT (FACEFARM): www.facefarm.vn
 - HỆ THỐNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN HTX (WACA): www.waca.vn
3. NHỮNG NỖ LỰC CỦA SORIMACHI TRIỂN KHAI DỊCH VỤ TẠI VIỆT NAM
4. MÔ HÌNH CHUYÊN ĐỔI SỐ HTX CHÚC SƠN – HÀ NỘI

GIỚI THIỆU SORIMACHI GROUP • SORIMACHI VIỆT NAM

Bring happiness to everyone by accounting **SORIMACHI** 株式会社

- ★ **Công ty Sorimachi Nhật Bản**
Sorimachi Group chuyên phát triển và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phần mềm và kế toán, xuất phát điểm là một văn phòng kế toán thuế được thành lập vào năm 1955 tại TP. Nagaoka, tỉnh Niigata, Nhật Bản. Hiện tại Sorimachi Group bao gồm 5 bộ phận và 16 công ty con, có các văn phòng kinh doanh trên toàn nước Nhật và văn phòng ở nước ngoài tại TP.HCM Việt Nam.
- ★ **Công ty Sorimachi Việt Nam**
 - Ngày 02/10/2006: Thành lập liên doanh giữa Sorimachi Nhật Bản và Sáng Tạo
 - Ngày 04/03/2008: Thành lập Công ty TNHH Sorimachi Việt Nam phát triển offshore cho thị trường Nhật Bản tại Việt Nam
 - Ngày 18/09/2012: Trở thành Công ty 100% vốn của Sorimachi Nhật Bản
 - Với triết lý kinh doanh Toàn cầu hóa & SDGs, năm 2016, Sorimachi Việt Nam thành lập Bộ phận Phát triển sản phẩm trong nước
 - Phát triển và triển khai các sản phẩm mang thương hiệu Sorimachi Group tại thị trường Việt Nam

SORIMACHI Keiei Co.Ltd.
- Sorimachi Keiei - Sorimachi Kaikei - Sorimachi Total Service
- Labor Social Insurance Administration Association - Sorimachi Kanri
- Sorimachi Human resources Total Laboratory
- Sorimachi Bussiness - Sorimachi Financial Management
- Niigata Daiichi Inheritance Procedures Support Center

SORIMACHI Giken Co.Ltd.Niigata, Nagaoka
- Sorimachi Giken - Sorimachi Support Center

SORIMACHI Co.Ltd. Tokyo, Niigata
- Sorimachi - Sorimachi Hinshistu Kanri
- Sorimachi Support Center
- Sorimachi High Technologies
- Sorimachi Vietnam (HCM) - Kaikei Bank (HCM)
- Sapporo - Morioka - Saitama - Tokyo
- Nagoya - Osaka - Hiroshima - Fukuoka
- Kumamoto



© Sorimachi Group 2

GIỚI THIỆU SORIMACHI VIỆT NAM

Bring happiness to everyone by accounting
SORIMACHI
CORP. JAPAN



Việt Nam



Phần mềm Kế toán Hợp tác xã



Phần mềm Quản lý sản xuất

Qua nhiều năm kinh nghiệm tích lũy từ phát triển **Offshore**, được sự cho phép của Sorimachi Group, Sorimachi Việt Nam đã thành lập Bộ phận phát triển sản phẩm trong nước, xây dựng và triển khai các sản phẩm phần mềm phục vụ cho nền Nông nghiệp Việt Nam (**đang triển khai: WACA, FaceFarm; đang xây dựng và thí điểm: phần mềm tính lương, quản lý bán hàng, quản lý chuỗi cửa hàng bán lẻ**)

*SDGs: Các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc

WACA - FaceFarm đã được tổ chức **JICA Nhật Bản** tuyển chọn dự án “Khảo sát cơ bản về áp dụng nông nghiệp thông minh vào các Hợp tác xã nông nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng tháng 11/2020”
https://www2.jica.go.jp/ja/priv_sme_partner/document/1228/K192002_summary.pdf



Small and Medium-Size Enterprise (SME) Partnership Promotion Survey for Introducing Smart Agriculture into Agricultural Cooperatives in Vietnam
Sorimachi Co., Ltd (Nagaoka City, (Niigata Pref., J))

Development Issues Concerned in Agricultural Sector
The quality in agriculture is insufficient with exceptions. For example:
-the quality of agricultural products is low;
-the production cost of agricultural products is high; and
-the supply of agricultural products is unstable.

Survey Outline
- Survey Duration : December, 2020 ~ October, 2021
- Country/Area : Vietnam, Lam Dong Province, Ho Chi Minh City, and Ha Noi City
- Name of Counterpart : Department of Agriculture and Rural Development (DARD)
- Survey Overview : The Survey aims to improve quality of agricultural products, decrease production costs of agricultural products, and stabilize supply of agricultural products by introducing WACA and facefarm into agricultural cooperatives in Lam Dong Province.

Products/Technologies of the Company
-Accounting software (WACA)
-Production history management software (facefarm)
The strong points of the products are that they are easy, convenient, precise, and inexpensive.

Expected Impact in the Country
-The quality in agriculture in Lam Dong Province will be improved, i.e., quality of agricultural products will be improved, production costs of agricultural products will be decreased, and supply of agricultural products will be stabilized.
- The quality in agriculture in other provinces will be improved.

As of December, 2020

© Sorimachi Group

3

facefarm HỆ THỐNG PHẦN MỀM NHẬT KÝ SẢN XUẤT FACEFARM

www.facefarm.vn

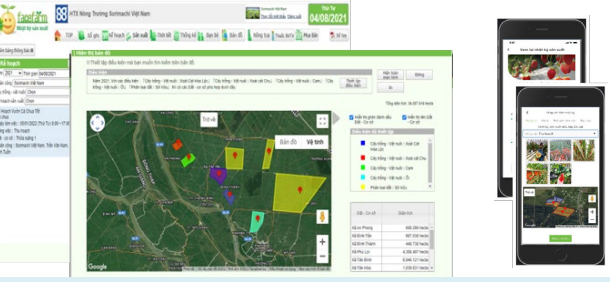
Vấn đề quản lý sản xuất nông nghiệp

- Thông tin về nông nghiệp không rõ ràng (truy xuất...)
- Thiếu minh bạch trong quản lý sản xuất
- Sản xuất khó khăn, tiêu thụ nông sản phụ thuộc vào môi giới...

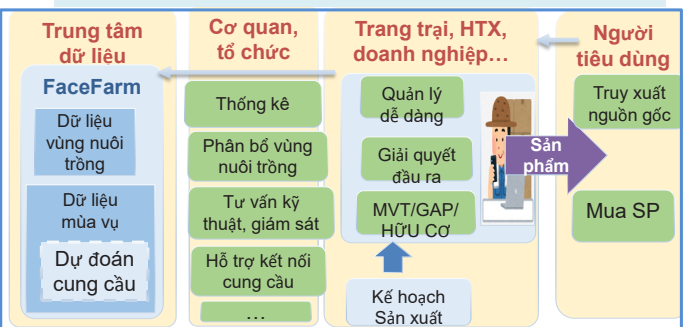
Giải pháp cho vấn đề trên trong sản xuất
→ Phần mềm nhật ký sản xuất (FaceFarm)

- ✓ Lập kế hoạch sản xuất
- ✓ Ghi lại lịch sử sản xuất (nhật ký đồng ruộng)
- ✓ Thông số biểu mẫu với việc đạt được chứng nhận GAP, Hữu cơ, Mã vùng trồng..
- ✓ Liên kết Web TMĐT tiêu thụ sản phẩm
- ✓ Quản lý Thuốc BVTV và kiểm tra
- ✓ Quản lý vùng sản xuất bằng Google Maps
- ✓ Truy xuất nguồn gốc bằng cách sử dụng mã QR được tạo tự động
- ✓ Quản lý, giám sát quá trình sản xuất với nhiều đối tượng...
- ✓ Bảng tổng hợp chi phí sản xuất (nguyên vật liệu, nhiên liệu, nhân sự...)
- ✓ **Khác:** Chấm công, so sánh mùa vụ, tùy chọn...

FaceFarm cho phép quản lý trang trại mọi lúc, mọi nơi và ghi lại lịch sử sản xuất bằng các thiết bị: điện thoại thông minh, máy tính bảng và máy tính.



Mô hình vận hành của FaceFarm



© Sorimachi Group

4

HỆ THỐNG PHẦN MỀM NHẬT KÝ SẢN XUẤT FACEFARM

Bring happiness to everyone by accounting



❖ Giao diện máy tính • máy tính bảng
(giao diện cho quản lý như: HTX, người hỗ trợ cho HTX...)




❖ Giao diện điện thoại
(giao diện đơn giản cho nông hộ)
App



© Sorimachi Group 5

HỆ THỐNG PHẦN MỀM NHẬT KÝ SẢN XUẤT FACEFARM

Bring happiness to everyone by accounting



Các tính năng nổi bật của Phần mềm Nhật ký sản xuất FaceFarm

❖ Quản lý các đối tượng sản xuất trong trang trại, đơn vị:
Quản lý Nhân công, Sản phẩm, Công việc - Tình trạng, Đất - Cơ sở SX: Nông dưng, Phân bón, Nguyên vật liệu, Máy móc - Thiết bị, Sở mua vật tư, Tùy chọn...

❖ Chức năng Lập kế hoạch sản xuất

- **Tạo kế hoạch sản xuất theo từng loại sản phẩm** : nơi sản xuất, diện tích sản xuất, sản lượng dự kiến, ngày bắt đầu, ngày kết thúc...
- **Hoạch định quy trình kỹ thuật, vật tư, nhân công...** sẽ được sử dụng, **giảm thiểu sai sót và rủi ro** trong quá trình sản xuất, dự toán được chi phí ban đầu..



Thao tác	Năm	Tên kế hoạch sản xuất	Tệp	Sản phẩm (Chủng loại)	Đất - Cơ sở sản xuất	Diện tích sản xuất	Ngày bắt đầu	Ngày nuôi trồng	Ngày thu hoạch
1	2022	Vườn trồng xoài cắt Hòa Lộc		Xoài	Thị trấn Thanh Bình, Xã Tân Quới	784,485 hecta	28/02/2022	30/04/2022	28/03/2022
2	2022	Vườn trồng ớt Chánh Phong		Cà tím	Xã An Phong, Xã Tân Hòa	16 hecta	30/04/2022	14/05/2022	28/05/2022
3	2022	Vườn trồng khoai cao		khoai cao	Xã Phú Lợi, Xã Tân Mỹ	5,100 m2	21/05/2022	31/05/2022	15/06/2022
4	2022	Vụ Xuân		Lúa	Xã Tân Bình, Vườn 1, Xã Bình Thành	11 hecta	30/04/2022	05/05/2022	08/07/2022
5	2022	Chả Bông Tôm 50g		Tôm sú	Xã Tân Bình, Vườn 1, Xã Bình Thành	11 hecta			

© Sorimachi Group 6

Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp: “Phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn gắn với bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học”

Bring happiness to everyone by accounting
SORIMACHI
CRG.JP

HỆ THỐNG PHẦN MỀM NHẬT KÝ SẢN XUẤT FACEFARM

❖ Chức năng Nhật ký sản xuất điện tử (TT)
Sorimachi cùng đơn vị liên kết sản xuất, tư vấn vùng nguyên liệu, GAP đã số hoá các vùng sản xuất, truy xuất nguồn gốc cho HTX

Năm 2021 Nhật ký sản xuất					
Tên đơn vị	Tên người đại diện	Địa chỉ		Số điện thoại	
Nông Trường Sorimachi Việt Nam	Nguyễn Thanh Mộng	Tầng 9, Cao Ốc Tuổi Trẻ, 60A Hoàng Văn Thụ		0283846557	
Tên nhà máy sản xuất	Xoài cát Hòa Lộc	Sản phẩm	Xoài Cao Lãnh	Chứng loại	Điểm
					Thị trấn Thanh Bình (điểm tích) 100.0 (đ)
Ngày bắt đầu	Ngày cuối	Ngày thu hoạch	31/05/2021		
Ngày làm việc	Công việc	Nhân công	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Thời gian
12/03/2021	Tưới nước	Nguyễn Văn An, 1 người khác	8:00	12:00	8:00
01/04/2021	Tỉa cành, tạo tán	Nguyễn Văn An, 1 người khác	8:00	17:00	16:00
13/09/2021	Đón vườn	Sorimachi Việt Nam			
28/09/2021	Đón vườn	Sorimachi Việt Nam			
20/10/2021	Tưới nước				
28/10/2021	Đón vườn				
23/02/2022	Lên luống	Sorimachi Việt Nam			0:00
23/02/2022	Lên luống	Sorimachi Việt Nam			
23/02/2022	Bấm ngọn - tỉa cành	Sorimachi Việt Nam			
23/02/2022	Bấm ngọn - tỉa cành	Sorimachi Việt Nam			
23/02/2022	Làm đất				
27/08/2022	Bấm ngọn - tỉa cành	Sorimachi Việt Nam			0:00
27/08/2022	Bấm ngọn - tỉa cành	Sorimachi Việt Nam			
Phân bón	Ngày sử dụng	Phân bón được sử dụng	Lượng sử dụng	Lượng sử dụng trên đơn vị diện tích	
	23/02/2022	AGRICODICE_GREEN 10	0.01 Chai	1Chai/1ha	
	27/08/2022	AGRICODICE_GREEN 10	0.01 Chai	1Chai/1ha	
	27/08/2022	AGRICODICE_GREEN 10	0.01 Chai	1Chai/1ha	
Năng được	Ngày sử dụng	Năng được sử dụng	Lượng sử dụng (tổng)	Lượng sử dụng trên đơn vị diện tích	
		Selecron 500EC	0.03 10L/1ha	12/03	
		ProGlibb 10SP	14 1g/1ha	23/02	
Nguyên vật liệu	Ngày sử dụng	Nguyên vật liệu sử dụng	Số lượng sử dụng		
	2021/09/13	đầy	0.18kg		
	2022/02/23	Mắc Kém Treo Lan			
	2022/02/23	Chấu Nhựa Công TN37			

SỐ NHẬT KÝ CÁN TÁC

© Sorimachi Group 9

Bring happiness to everyone by accounting
SORIMACHI
CRG.JP

HỆ THỐNG PHẦN MỀM NHẬT KÝ SẢN XUẤT FACEFARM

❖ Chức năng Thống kê, tổng hợp

- Với chức năng Thống kê, đơn vị sản xuất sẽ nắm bắt được tình hình sản xuất một cách nhanh chóng, đưa ra các quyết định phù hợp nhằm **cải thiện sản lượng, giảm chi phí, tối đa hóa lợi nhuận...**
- Nhanh chóng chia sẻ các thông tin trên qua Xuất Excel, API...

Thống kê chi phí													
Đơn vị	Chi phí	Chi phí (mô tả)	Lượng tiêu thụ	Lượng tiêu thụ (mô tả)	Chi phí	Chi phí (mô tả)	Thời gian làm việc	Chi phí nhân công	Sản lượng sản phẩm	Sản lượng sản phẩm (mô tả)	Tổng chi phí	Tổng chi phí (mô tả)	Chi phí sản xuất
Giá sen chai	0,000 VNĐ	20,000 VNĐ					0 giờ 00 phút	0 VNĐ	200 Chai	4,000 Chai	1,000,000 VNĐ	20,000 VNĐ	5,000 VNĐ/Chai
Xoài Vietgap			10L	0.01L	300 VNĐ	300 VNĐ	48 giờ 00 phút	1,440 VNĐ	5,000 Kg	5 Kg	22,850 VNĐ	22,850 VNĐ	4,570 VNĐ/Kg
Cải Vietgap							0 giờ 00 phút	0 VNĐ	500 Kg	500 Kg	900 VNĐ	900 VNĐ	1,800 VNĐ/Kg
Cà rô	0,000 VNĐ	9,000 VNĐ					0 giờ 00 phút	0 VNĐ	0 Kg	0 Kg	9,000 VNĐ	9,000 VNĐ	

Doanh thu - lợi nhuận

Tổng doanh thu: 140,034,387 VNĐ
 Tổng chi phí: 60,504,618 VNĐ
 Lợi nhuận: 79,529,769 VNĐ

Doanh thu - lợi nhuận

2021 Xoài cát Hòa Lộc 1
 Lần cuối cập nhật: 18/04/2023 10:48:34
 Chi phí: 4,760,070 VNĐ
 Doanh thu: 104,414,376 VNĐ
 Lợi nhuận: 99,654,306 VNĐ

2021 Vụ dưa lưới
 Lần cuối cập nhật: 12/04/2023 10:43:54
 Chi phí: 20,984,580 VNĐ
 Doanh thu: 25,000,000 VNĐ
 Lợi nhuận: 4,015,420 VNĐ

2020 Vụ dưa lưới
 Lần cuối cập nhật: 12/04/2023 10:46:10
 Chi phí: 1,960,000 VNĐ
 Doanh thu: 10,000,000 VNĐ
 Lợi nhuận: 8,040,000 VNĐ

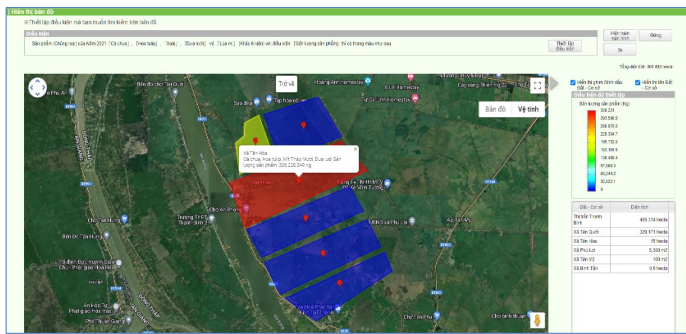
© Sorimachi Group 10

HỆ THỐNG PHẦN MỀM NHẬT KÝ SẢN XUẤT FACEFARM



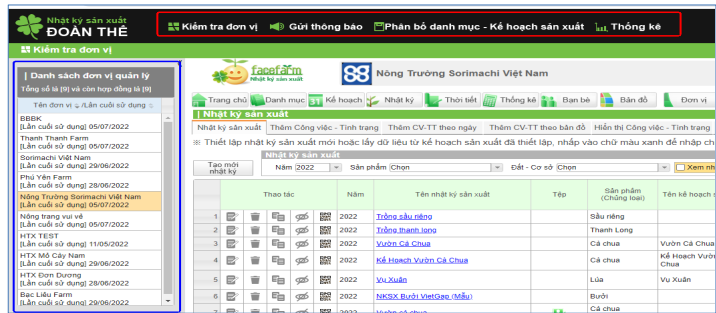
❖ Chức năng quản lý vùng nguyên liệu của các thành viên, HTX trên bản đồ

- Thống kê nhanh chóng và trực quan thông tin của vùng nguyên liệu như: Sản phẩm, sản lượng, diện tích, chi phí sản xuất,...



❖ Chức năng Quản lý, Hỗ trợ, giám sát VNL, đơn vị sản xuất... (Đơn vị giám sát VNL, tư vấn GAP, kỹ thuật...)

- Kiểm tra tình hình sản xuất
- Phân bổ kế hoạch từ xa tới các đơn vị liên kết.
- Thống kê theo thời gian thực



© Sorimachi Group

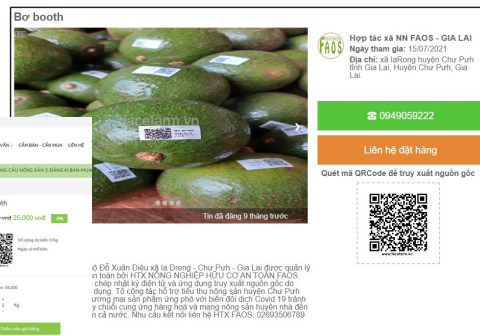
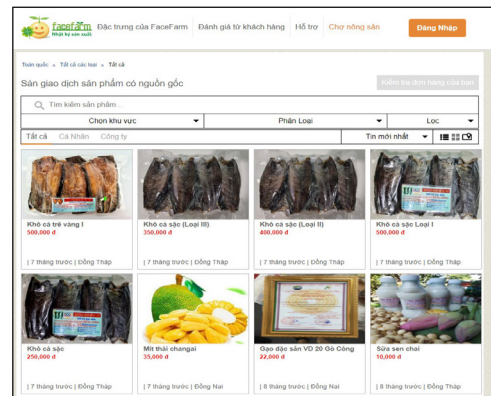
HỆ THỐNG PHẦN MỀM NHẬT KÝ SẢN XUẤT FACEFARM



❖ Trang giới thiệu sản phẩm

Liên kết với các trang thương mại điện tử

- Hỗ trợ đơn vị sản xuất tiêu thụ sản phẩm, kết nối đơn vị thu mua...
- Người dùng giới thiệu sản phẩm tự động lên bản đồ.
- Đơn vị thu mua có thể vào bản đồ tìm và xem trực quan các khu vực, sản phẩm, giá bán...



© Sorimachi Group

Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp: “Phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn gắn với bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học”

HỆ THỐNG PHẦN MỀM NHẬT KÝ SẢN XUẤT FACEFARM



Sản phẩm CÓ NHÃN HIỆU, CÓ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC, XÂY DỰNG ĐƯỢC THƯƠNG HIỆU...có thể đăng bán sản phẩm ở nhiều kênh như các trang TMĐT, Facebook, Zalo...



Bao bì gạo sạch có mã QR truy xuất nguồn gốc của HTX Dịch vụ Nông nghiệp Thanh niên Phú Hòa (Kiên Giang)



Bao bì thịt bò, thịt heo có mã QR truy xuất nguồn gốc của HTX rau sạch, thực phẩm sạch & DVTH cao nguyên đá Đồng Văn (Hà Giang)

© Sorimachi Group

13

HỆ THỐNG PHẦN MỀM NHẬT KÝ SẢN XUẤT FACEFARM




Sorimachi làm việc trực tiếp cùng Sở NN, Huyện, Xã, HTX, Nông Dân để số hoá các vùng sản xuất, truy xuất nguồn gốc cho các Hợp tác xã liên kết sản xuất với doanh nghiệp ở các tỉnh Sóc Trăng, Cà Mau,...



© Sorimachi Group


14



HỆ THỐNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN HỢP TÁC XÃ (WACA)

www.waca.vn

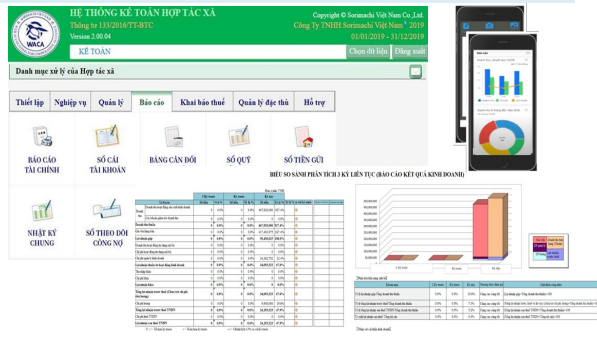
Bring happiness to everyone by accounting




➤ Các vấn đề kế toán trong HTX

- (1) Chưa có phần mềm kế toán chính thức cho HTX
- (2) Nhiều HTX sử dụng sổ sách kế toán thủ công, hạch toán không chính xác
- (3) Hạch toán thiếu minh bạch nên khó tạo niềm tin cho xã viên.
- (4) Kế toán thiếu minh bạch nên khó nhận được đầu tư từ các công ty và tổ chức tài chính.V.V

➤ Giao diện màn hình



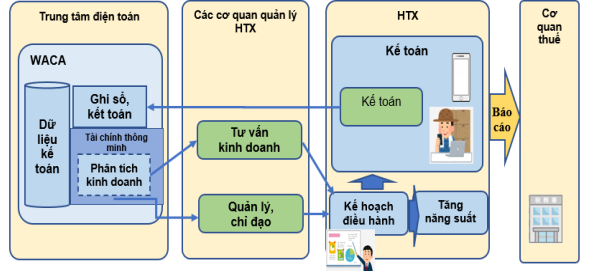


➤ Giải pháp cho vấn đề trên trong kế toán

→ Phần mềm kế toán HTX (WACA)

- KHÔNG CẦN CÀI ĐẶT, DỄ DÀNG SỬ DỤNG
- TỔNG HỢP SỐ LIỆU THEO QUY ĐỊNH TẠI TT24/2017/TT-BTC, TT133/2016/TT-BTC
- HỖ TRỢ KÊ KHAI THUẾ VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
- KHÔNG CẦN CẬP NHẬT TÀI KHOẢN CỦA KẾ TOÁN
- HỖ TRỢ TÍNH GIÁ THÀNH
- QUẢN LÝ GÓP VỐN, CUNG ỨNG SỬ DỤNG DỊCH VỤ, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN
- QUẢN LÝ TÍN DỤNG NỘI BỘ DỄ DÀNG
- So sánh doanh thu, lợi nhuận... sắp hạng so với HTX Khác

➤ Mô hình vận hành của WACA



© Sorimachi Group

15

NHỮNG NỖ LỰC CỦA SORIMACHI TRIỂN KHAI DỊCH VỤ TẠI VIỆT NAM

Bring happiness to everyone by accounting



DỰ ÁN PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM (VCED)

Liên danh Sorimachi - Neotiq đã được Dự ÁN PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM (VCED) lựa chọn thực hiện gói thầu “Xây dựng hệ thống phần mềm giúp chuyển đổi số cho HTX Nông nghiệp” tài trợ bởi Chính phủ Canada, được phối hợp thực hiện bởi Socodevi và Bộ NN&PTNT.

SORIMACHI KÝ KẾT MOU THAM GIA ĐỀ ÁN CÁC VÙNG NGUYÊN LIỆU ĐẠT CHUẨN TRÊN CẢ NƯỚC

Sorimachi đã ký kết Bản ghi nhớ Hợp tác (MOU) tham gia Đề án về vùng nguyên liệu và khuyến nông cộng đồng hướng tới việc phát triển các vùng nguyên liệu đạt chuẩn trên cả nước.



© Sorimachi Group

16

MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HTX CHỨC SƠN – HÀ NỘI



JICA(ODA) - Sorimachi đang hỗ trợ HTX Chúc Sơn-Hà Nội, Hợp tác xã được chọn tham gia dự án JICA(ODA)“Tăng cường chuỗi giá trị an toàn tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam” (Khu vực 7 tỉnh phía Bắc: Hà Nội, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Bắc Ninh, Hải Dương, Sơn La)



Hợp tác xã nông nghiệp kiểu mẫu (quyết tâm với HTX Chúc Sơn- Hà Nội) Đề xuất mô hình này với HTX nông nghiệp dự án ODA



MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HTX CHỨC SƠN – HÀ NỘI

